



BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý
HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Tư pháp đã tổ chức lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với hồ sơ dự án Luật Văn bản quy phạm pháp luật.

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến, tham vấn/góp ý và tổng số ý kiến nhận được

Bộ Tư pháp đã tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, Bộ, ngành, địa phương (Công văn số 6337/BTP-CTXDVBQPPL ngày 14/8/2026).

Tổng số cơ quan, tổ chức được gửi xin ý kiến bằng văn bản: 180 cơ quan, tổ chức, chuyên gia. Tính đến ngày 25/8/2026 (hạn yêu cầu gửi ý kiến theo Công văn là ngày 20/8/2026), Bộ Tư pháp đã nhận được 75 ý kiến: bao gồm 04 cơ quan của Quốc hội¹; 04 cơ quan, tổ chức Trung ương²; 11 Bộ, cơ quan ngang bộ³; 11 Hội đồng nhân dân các tỉnh/thành phố⁴; 11 Đoàn Đại biểu Quốc hội các tỉnh/thành phố⁵; 02 Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố⁶; 25 Sở Tư pháp tỉnh/thành phố⁷; 07 đơn vị thuộc Bộ Tư pháp⁸.

¹ Thường trực Hội đồng Dân tộc; Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu; Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính; Thường trực Ủy ban Văn hóa và xã hội.

² Thanh tra Chính phủ; Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Kiểm toán nhà nước.

³ Bộ Công an; Bộ Công Thương; Bộ Ngoại giao; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Tài chính; Bộ Xây dựng; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Nội vụ; Bộ Y tế; Bộ Quốc phòng.

⁴ Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố: Điện Biên, Phú Thọ, Tuyên Quang, Lào Cai, Đắk Lắk, Đồng Nai, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Thanh Hóa.

⁵ Đoàn ĐBQH các tỉnh, thành phố: Quảng Trị, Phú Thọ, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, An Giang, Đồng Tháp, Gia Lai, Tuyên Quang, Sơn La, Hà Tĩnh, Lạng Sơn.

⁶ UBND các tỉnh Vĩnh Long, Đồng Nai.

⁷ Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố: Ninh Bình, Bắc Ninh, Đồng Nai, Điện Biên, Hà Nội, Hưng Yên, Quảng Ninh, Tây Ninh, Cà Mau, Cần Thơ, Cao Bằng, Đắk Lắk, Gia Lai, Hà Tĩnh, Lạng Sơn, Nghệ An, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Thừa Thiên Huế, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Phú Thọ, Quảng Ngãi, Đồng Tháp, Đà Nẵng.

⁸ Cục Pháp luật quốc tế và Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế; Cục Quản lý Thi hành án dân sự; Học viện Tư pháp; Tạp chí Dân chủ và Pháp luật; Văn phòng Bộ Tư pháp; Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý; Cục Kế hoạch – Tài chính.

Trong đó, có 03 ý kiến nhất trí hoàn toàn với hồ sơ dự án Luật Văn bản quy phạm pháp luật⁹; có 72 cơ quan/ đơn vị có ý kiến góp ý cụ thể đối với hồ sơ dự án Luật văn bản quy phạm pháp luật.

2. Kết quả cụ thể như sau:

STT	ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
GÓP Ý CHUNG				
		Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu; Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Sơn La; Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn	Tán thành sự cần thiết xây dựng Luật nhằm tiếp tục thể chế hóa các chủ trương, định hướng mới của Đảng, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật. Hồ sơ dự án Luật được chuẩn bị tương đối đầy đủ, công phu; tuy nhiên, do dự thảo có nhiều nội dung mới, tác động trực tiếp đến cấu trúc hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, thẩm quyền ban hành, quy trình lập pháp và nguyên tắc áp dụng pháp luật nên cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện.	Tiếp thu
		Bộ Quốc phòng	Hồ sơ dự án Luật đã thể chế chủ trương, định hướng về công tác xây dựng và thực thi pháp luật theo Nghị quyết số 66-NQ/TW, Kết luận số 09-KL/TW và các chính sách đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 227/NQ-CP ngày 13/8/2026.	Tiếp thu
		Bộ Y tế	Hồ sơ dự án Luật đầy đủ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.	Tiếp thu và tiếp tục hoàn thiện hồ sơ dự án Luật
		Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu	Đề nghị báo cáo Chính phủ có phương án rà soát, sửa đổi đồng bộ các văn bản có liên quan đến hình thức văn bản quy phạm pháp	Tiếp thu Tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi đồng bộ các luật về tổ chức bộ máy và văn

⁹ Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh: Quảng Trị; Đắk Lắk; Cục Kế hoạch – Tài chính (Bộ Tư pháp).

			luật, như Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ và các luật có liên quan.	bản có liên quan đến hệ thống hình thức văn bản quy phạm pháp luật.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn	Đề nghị tiếp tục rà soát toàn bộ quy trình xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo hướng đơn giản, khoa học, rõ trách nhiệm; giảm khâu trung gian, thành phần hồ sơ, thời gian và chi phí, nhất là đối với cơ quan ở địa phương.	Tiếp thu
		Đoàn ĐBQH tỉnh Phú Thọ	Đề nghị đánh giá kỹ tính khả thi, cơ chế chuyển tiếp, nguy cơ khoảng trống hoặc khó khăn trong áp dụng khi giảm hình thức văn bản; đồng thời đánh giá khả năng cơ chế mới đáp ứng yêu cầu xử lý nhanh các vấn đề thực tiễn, nhất là chính sách cần thí điểm hoặc điều chỉnh hiệu lực trong thời gian ngắn.	Tiếp thu Dự thảo đã quy định cơ chế thí điểm tại Điều 20, thời điểm có hiệu lực tại Điều 51 và chuyển tiếp tại Điều 74 để hạn chế khoảng trống pháp lý khi thay đổi hình thức văn bản.
		Bộ Công Thương	Đề nghị quy định rõ tiêu chí xác định luật chung, luật chuyên ngành, luật đặc thù và cơ chế xử lý xung đột giữa các luật; tiếp tục rà soát, tinh gọn trình tự, thủ tục, hồ sơ, cắt giảm hoặc tích hợp các bước, tài liệu trùng lặp giữa giai đoạn xây dựng chính sách và giai đoạn soạn thảo, hoàn thiện quy trình lập pháp tích hợp.	Tiếp thu Điều 4 đã xác định thứ bậc hiệu lực, Điều 56 quy định tiêu chí xử lý xung đột và Chương IV tiếp tục tích hợp, tinh gọn quy trình, hồ sơ xây dựng chính sách và soạn thảo.
		Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị lấy ba yêu cầu làm thước đo xuyên suốt: nhanh nhưng không bỏ sót kiểm soát; phân quyền nhưng phải rõ giới hạn và trách nhiệm; số hóa nhưng dữ liệu phải xác thực, truy vết được. Cần chuẩn hóa một bộ số liệu, ghi rõ kỳ thống kê và phạm vi văn bản vì số liệu trong Tờ trình và Báo cáo tổng kết chưa thống nhất; khi hồ sơ chưa có báo cáo thẩm định, thẩm tra và tài liệu chính thức phản ánh đầy đủ ý kiến của cơ quan liên quan thì không suy đoán, diễn giải thay hoặc quy kết quan điểm của các cơ quan này.	Tiếp thu Dự thảo tiếp tục duy trì các khâu kiểm soát thiết yếu, xác định rõ trách nhiệm và yêu cầu cập nhật dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời. Số liệu, quan điểm cơ quan trong hồ sơ sẽ được rà soát theo đúng nguồn kiểm chứng.

		Bộ Công an	Hồ sơ chưa có Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách; các tài liệu chưa thể hiện cụ thể nội dung và giải pháp thực hiện 05 chính sách đã được thông qua, nên chưa đủ cơ sở đánh giá việc quy phạm hóa đầy đủ các chính sách. Đồng thời, đề nghị làm rõ sự phù hợp giữa việc dự thảo được xây dựng trên cơ sở 05 chính sách mới với quan điểm kế thừa tối đa Luật hiện hành, trong khi nhiều điều được giữ nguyên hoặc chỉ sửa đổi về kỹ thuật.	Tiếp thu Dự thảo đã sử dụng Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách tại khoản 2 Điều 25 và trong hồ sơ tại các điều 28, 29, 31; Điều 31 yêu cầu việc soạn thảo phải bám sát chính sách đã được thông qua.
		Đoàn ĐBQH tỉnh An Giang	Đề nghị tiếp tục rà soát các quy định về thẩm quyền quản lý nhà nước, kỹ thuật lập pháp, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và quy định chuyển tiếp, bảo đảm chặt chẽ, thống nhất, khả thi và đồng bộ khi thi hành.	Tiếp thu Dự thảo đã tiếp tục rà soát thẩm quyền, trách nhiệm, kỹ thuật lập pháp và điều khoản chuyển tiếp để bảo đảm thống nhất, khả thi.
		Đoàn ĐBQH tỉnh Tuyên Quang	Đề nghị tiếp tục rà soát dự thảo Luật, bảo đảm thống nhất với hệ thống pháp luật và các luật chuyên ngành.	Tiếp thu Dự thảo được rà soát đồng bộ với các luật về tổ chức bộ máy, ngân sách, điều ước quốc tế và pháp luật chuyên ngành có liên quan.
		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai	Đề nghị bổ sung Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội và tài liệu khác (nếu có) trước khi trình Chính phủ, bảo đảm thành phần hồ sơ theo quy định.	Tiếp thu Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình đã được bổ sung vào hồ sơ để bảo đảm thành phần theo quy định.
		Bộ Tài chính	Đề nghị rà soát nội dung giữa dự thảo Luật, bản so sánh và bản đánh giá thủ tục hành chính để bảo đảm thống nhất; tích hợp quy trình xây dựng chính sách với quy trình soạn thảo và tích hợp các hồ sơ có tính chất trùng lặp để đơn giản hóa thành phần hồ sơ.	Tiếp thu Nội dung giữa dự thảo Luật, bản so sánh và tài liệu về thủ tục hành chính được đối soát; các thành phần hồ sơ trùng lặp được tích hợp theo hướng một tài liệu thực hiện nhiều yêu cầu.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Sơn La; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị tiếp tục rà soát, phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan, người có thẩm quyền; gắn phân cấp, phân quyền với nguồn lực và cơ chế kiểm tra, giám sát, nhất là trong mô hình chính quyền địa	Tiếp thu Điều 18 và Điều 19 đã phân định thẩm quyền của từng chủ thể; Điều 70 và Điều 72 xác định trách nhiệm, nguồn lực thực hiện. Tiếp tục rà soát

			phương hai cấp; quy định rõ phạm vi, nội dung, giới hạn thẩm quyền của HĐND, UBND và Chủ tịch UBND.	để đồng bộ với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót thẩm quyền.
		Thường trực Ủy ban Văn hóa và Xã hội	Đề nghị rà soát Chương IV vì có Mục 1, Mục 2 và Mục 4 nhưng thiếu Mục 3; nghiên cứu sắp xếp các điều về thẩm định, cho ý kiến và quyết định việc trình dự án luật, pháp lệnh tương ứng với nội dung từng mục.	Tiếp thu Rà soát, đánh số lại các mục của Chương IV và sắp xếp các điều về thẩm định, cho ý kiến, quyết định việc trình dự án luật, pháp lệnh bảo đảm liên tục, phù hợp nội dung.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Sơn La	Đề nghị tiếp tục giảm tầng nấc, thành phần hồ sơ, thời gian và chi phí nội bộ; đẩy mạnh hồ sơ điện tử; tổ chức lấy ý kiến, tham vấn, phản biện xã hội linh hoạt theo tính chất, quy mô và mức độ tác động, nhưng không làm giảm chất lượng đối với chính sách tác động lớn.	Tiếp thu Các điều 22, 28, 31 và 49 đã sử dụng hồ sơ điện tử, phân hóa thời hạn và thủ tục; Điều 73 tạo cơ sở ứng dụng công nghệ số trong toàn bộ quá trình. Dự thảo vẫn giữ các bước lấy ý kiến, phản biện, thẩm định, thẩm tra đối với chính sách, dự án có tác động lớn.
ĐỐI VỚI DỰ THẢO TỜ TRÌNH				
		Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai	Đề nghị rà soát, hoàn thiện dự thảo Tờ trình theo Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.	Tiếp thu và tiếp tục chỉnh lý
		Thường trực Hội đồng Dân tộc	Đề nghị bổ sung Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 vào mục cơ sở chính trị của Tờ trình; bổ sung giải trình lý do không tiếp tục xác định Quyết định của Chủ tịch nước là văn bản quy phạm pháp luật, tương tự 04 nhóm hình thức văn bản còn lại.	Tiếp thu Tờ trình được bổ sung cơ sở chính trị có liên quan và thuyết minh việc chỉ giữ Lệnh của Chủ tịch nước là văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp định hướng mỗi chủ thể chỉ ban hành một hình thức văn bản.
		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên	Đề nghị biên tập lại nội dung mục IV về giai đoạn chuyển tiếp từ ngày 01/3/2027 đến hết ngày 31/12/2027 và các văn bản thuộc hình thức không còn được xác định là văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm thống nhất với thời	Tiếp thu Dự thảo Luật đang đề 02 phương án liên quan đến mốc thời gian này để tiếp tục xin ý kiến Chính phủ và hoàn thiện.

			điểm dự kiến Luật có hiệu lực từ ngày 01/3/2027 nêu tại mục VI.	
		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên	Đề nghị bổ sung nội dung minh chứng cho mục V của dự thảo Tờ trình.	Tiếp thu Tờ trình được bổ sung thông tin, số liệu và tài liệu minh chứng cho các nội dung đánh giá tại Mục V.
		Văn phòng Bộ Tư pháp	Đề nghị bổ sung quan điểm chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm về đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng kiến tạo phát triển, chuyển từ “làm luật cho đủ” sang “làm luật để phát triển”, từ “pháp luật tốt trên giấy” sang “pháp luật tốt trong cuộc sống”; pháp luật không chỉ “mở đường” mà còn phải “sửa đường”, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế và kiến tạo không gian phát triển mới.	Tiếp thu Quan điểm đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng kiến tạo phát triển, kịp thời tháo gỡ điểm nghẽn thể chế được bổ sung, thể hiện xuyên suốt trong Tờ trình và dự thảo Luật.
		Văn phòng Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao	Đề nghị bổ sung quan điểm của cơ quan chủ trì soạn thảo và nội dung đánh giá, phân tích ưu điểm, nhược điểm của từng phương án đề có căn cứ báo cáo, xin ý kiến cấp có thẩm quyền.	Tiếp thu Tờ trình được bổ sung quan điểm của cơ quan chủ trì soạn thảo và phân tích căn cứ lựa chọn đối với từng vấn đề còn có phương án khác nhau.

ĐỐI VỚI BÁO CÁO RÀ SOÁT CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN

		Thường trực Hội đồng Dân tộc	Đề nghị chỉnh lý số lượng văn bản của Đảng được rà soát vì phần lời ghi 11 văn bản nhưng phụ lục mới thể hiện 10 văn bản; bổ sung trích dẫn Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025.	Tiếp thu Số lượng văn bản được rà soát và phụ lục được đối soát, chỉnh lý thống nhất; bổ sung Kết luận số 226-KL/TW vào nội dung có liên quan.
		Cục Pháp luật quốc tế và Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Mục II.3 đã rà soát các điều ước quốc tế liên quan nhưng phụ lục kèm theo chưa thể hiện nội dung này; đề nghị bổ sung.	Tiếp thu Phụ lục Báo cáo rà soát được bổ sung kết quả rà soát các điều ước quốc tế có liên quan.
		Bộ Ngoại giao	Đề nghị rà soát lại nhận định chưa có điều ước quốc tế điều chỉnh trực tiếp hoạt động xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp	Tiếp thu Báo cáo được chỉnh lý theo hướng không khẳng định tuyệt đối và bổ

			luật; tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nhất là các hiệp định thương mại tự do như CPTPP, EVFTA, RCEP, để hoàn thiện Báo cáo.	sung kết quả rà soát các nghĩa vụ minh bạch, tham vấn, công bố trong các điều ước quốc tế, nhất là CPTPP, EVFTA và RCEP.
	Dự thảo Tờ trình và Báo cáo rà soát	Bộ Tài chính	Đề nghị cụ thể hóa đầy đủ các chỉ đạo tại Kết luận số 09-KL/TW, trong đó có yêu cầu không để cải cách lợi ích, tác động tiêu cực đến cấu trúc hệ thống pháp luật; nghiên cứu thể chế hóa yêu cầu tại Kết luận số 226-KL/TW về không đưa nội dung công tác cán bộ, chế độ, chính sách vào văn bản quy định chuyên môn, nghiệp vụ. Đồng thời, bổ sung đánh giá đầy đủ tác động đến ngân sách nhà nước và nguồn nhân lực thực hiện các quy định mới của dự án Luật.	Tiếp thu Hồ sơ được rà soát theo Kết luận số 09-KL/TW, Kết luận số 226-KL/TW và bổ sung đánh giá nguồn lực, ngân sách thực hiện các quy định mới.
ĐỐI VỚI DỰ THẢO LUẬT				
Góp ý chung				
	Tên gọi và bố cục dự thảo Luật	Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau, Quảng Ninh	Đề nghị bỏ từ “về” trong tên Luật. Đồng thời, đề nghị sắp xếp lại bố cục theo hướng quy định tập trung thẩm quyền, nội dung và quy trình ban hành tương ứng với từng chủ thể; luật hóa các bước cốt lõi của quy trình ban hành nghị định; quy định rõ quy trình đối với quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thiết kế riêng chương hoặc mục về chính quyền địa phương, còn trình tự, thủ tục rút gọn tiếp tục quy định tại một chương riêng.	Tiếp thu
		Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị cân nhắc giữ tên gọi “Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật” để bảo đảm tính kế thừa, ổn định và phù hợp với trọng tâm điều chỉnh; tên gọi “Luật về văn bản quy phạm pháp luật” có phạm vi biểu đạt rộng hơn nội dung thực tế của dự thảo.	Tên gọi của Luật đã được Chính phủ và Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua

	Thời gian xem xét, thông qua dự án Luật	Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính	Đề nghị cân nhắc xem xét, thông qua dự án Luật tại 02 kỳ họp vì đây là luật có ý nghĩa nền tảng, khối lượng sửa đổi lớn và tái cấu trúc hệ thống hình thức văn bản quy phạm pháp luật.	dự án cần được xem xét theo tiến độ cấp có thẩm quyền yêu cầu để kịp thời thể chế hóa Kết luận số 09-KL/TW; chất lượng được bảo đảm bằng đầy đủ các bước lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra và chỉnh lý trước khi thông qua.
	Phạm vi điều chỉnh của Luật	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa	Thống nhất với việc điều chỉnh cả hoạt động xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật. Đề nghị rà soát đề phạm vi này được thể hiện thống nhất, nhất là các quy định về giải thích, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, rà soát, hợp nhất, pháp điển, cập nhật hiệu lực và ứng dụng công nghệ số; đồng thời bảo đảm ổn định, không phát sinh thêm thủ tục hoặc làm gián đoạn việc thi hành Luật năm 2025.	Tiếp thu
	Thuật ngữ trong dự thảo Luật	Thường trực Ủy ban Văn hóa và Xã hội	Đề nghị rà soát tổng thể kỹ thuật trình bày, thống nhất cách dùng các thuật ngữ “cơ quan trình”, “cơ quan lập đề xuất chính sách”, “cơ quan chủ trì soạn thảo” và các dẫn chiếu điều, khoản trong toàn bộ dự thảo.	Tiếp thu
Góp ý điều khoản cụ thể				
	Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)	Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau	Đề nghị bố cục Điều 1 thành 02 khoản; đồng thời rà soát, sắp xếp lại các chương để thống nhất với phạm vi điều chỉnh gồm xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.	Tiếp thu Điều 1 đã phân định hai nội dung về phạm vi điều chỉnh, các chương về xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành được bố trí tương ứng với phạm vi của Luật.
		Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai	Đề nghị sửa cụm từ “Luật này không quy định về làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp” thành “Luật này không quy định về làm Hiến pháp, sửa đổi, bổ sung Hiến pháp”.	giữ cụm từ “làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp” để thống nhất với thuật ngữ tại Điều 120 Hiến pháp; “sửa đổi Hiến pháp” đã bao gồm việc sửa đổi, bổ sung nội dung Hiến pháp.
		Tạp chí Dân chủ và Pháp luật	Đề nghị sửa “Luật này quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tổ	Điều 1 phân tách rõ hai nhóm hoạt động xây dựng, ban hành và tổ chức

			chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật” thành “Luật này quy định về xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật”; sửa “Luật này không quy định về làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp” thành “Luật này không quy định về xây dựng và sửa đổi Hiến pháp”.	thi hành để xác định phạm vi điều chỉnh; thuật ngữ về Hiến pháp được giữ theo Điều 120 Hiến pháp.
	Bộ Công an		Đề nghị bổ sung một điều quy định việc xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước được thực hiện theo Luật này và pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết.	Tiếp thu Khoản 10 Điều 5 đã bổ sung nguyên tắc bảo vệ bí mật nhà nước, khoản 3 Điều 10 và các điều liên quan loại trừ việc công khai đối với văn bản có nội dung bí mật nhà nước.
	Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang		Đề nghị chỉnh sửa thành “Luật này quy định về xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật” cho khoa học, tránh lặp từ.	cách diễn đạt hiện tại nhằm phân tách rõ hoạt động xây dựng, ban hành với tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp kết cấu của dự thảo.
	Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính		Đề nghị đánh giá tác động của việc đổi tên Luật và mở rộng phạm vi điều chỉnh sang toàn bộ vòng đời văn bản đối với hệ thống pháp luật hiện hành, nhất là các quy định đang dẫn chiếu đến Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Tiếp thu Tác động của việc đổi tên, mở rộng phạm vi điều chỉnh và yêu cầu xử lý các dẫn chiếu trong hệ thống pháp luật được bổ sung trong hồ sơ dự án Luật.
	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi		Đề nghị thay cụm từ “làm Hiến pháp” bằng “soạn thảo Hiến pháp” và diễn đạt thành: “Luật này không quy định về soạn thảo Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp”.	cụm từ “làm Hiến pháp” là thuật ngữ được sử dụng tại Điều 120 Hiến pháp nên được giữ để bảo đảm thống nhất với Hiến pháp.
	Bộ Tài chính		Đề nghị bổ sung quy định về đối tượng áp dụng của Luật.	Luật điều chỉnh hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản; đối tượng áp dụng đã được xác định tại từng quy định, nên không cần một điều riêng để tránh lặp lại.

Giải thích từ ngữ (Điều 3)	Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên	Đề nghị sửa lại như sau để đảm bảo đầy đủ, chính xác và phù hợp với khoản 2 Điều 4 dự thảo Luật: “3. <i>Tham vấn chính sách là việc trao đổi trực tiếp giữa cơ quan lập đề xuất chính sách với cơ quan, tổ chức, cá nhân được tham vấn theo quy định của Luật này nhằm lựa chọn giải pháp, hoàn thiện chính sách của dự án Bộ luật, luật, pháp lệnh.</i> ”.	Tiếp thu Khoản 3 Điều 3 đã xác định tham vấn chính sách nhằm lựa chọn giải pháp, hoàn thiện chính sách của dự án luật, pháp lệnh.
	Bộ Y tế	Đề nghị cân nhắc bổ sung các khái niệm về hợp nhất, pháp điển và tổ chức thi hành vì dự thảo Luật có quy định về các công tác này bên cạnh rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.	Giải trình Nội hàm của hợp nhất, pháp điển và tổ chức thi hành đã được quy định tại Điều 57, Điều 64 và Điều 65; không cần lập lại tại Điều 3 để tránh trùng lặp.
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đề nghị bổ sung giải thích các thuật ngữ “luật có tính nền tảng” và “pháp luật chuyên ngành”, làm rõ nội hàm, phạm vi để bảo đảm cách hiểu và áp dụng thống nhất.	khoản 7 Điều 5 liệt kê trực tiếp các luật có tính nền tảng; Điều 56 sử dụng tiêu chí quy định điều chỉnh trực tiếp, cụ thể hơn thay cho khái niệm pháp luật chuyên ngành, nên không cần bổ sung hai thuật ngữ này.
	STP tỉnh Đồng Nai	Đề nghị thay cụm từ “điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên” thành “điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên” cho thống nhất với Điều 12 và khoản 5 Điều 98 Hiến pháp năm 2013.	Giải trình Cụm từ “điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên” xác định đầy đủ chủ thể quốc gia, được sử dụng thống nhất trong dự thảo Luật và không làm thay đổi phạm vi điều ước quốc tế được áp dụng.
	Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ	Đề nghị làm rõ dấu hiệu nhận diện “quy tắc xử sự chung” theo hướng không áp dụng riêng cho đối tượng cụ thể, đích danh hoặc một vụ việc cụ thể; đồng thời làm rõ cụm từ “trong đơn vị hành chính nhất định” để thống nhất phạm vi áp dụng của quy phạm pháp luật.	giữ khái niệm quy phạm pháp luật có tính khái quát, ổn định; tính chất “chung” được xác định qua đối tượng không đích danh, hiệu lực bắt buộc chung và khả năng áp dụng lặp lại, không phù hợp lượng hóa ngay trong Luật.

		STP tỉnh Quảng Ninh	Khoản 1 Điều 3 giữ nguyên cách giải thích “quy phạm pháp luật” của Luật hiện hành. Tuy nhiên, thực tế còn có những cách hiểu khác nhau về “quy tắc xử sự chung”, dẫn đến việc lựa chọn hình thức văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính chưa thống nhất. Đề nghị nghiên cứu, lượng hóa và làm rõ hơn nội hàm của cụm từ này.	nội hàm quy tắc xử sự chung được xác định đồng thời qua tính bắt buộc chung, đối tượng và phạm vi áp dụng tại khoản 1 Điều 3; tiêu chí nghiệp vụ cụ thể sẽ được hướng dẫn để xử lý thống nhất từng trường hợp.
		STP TP Hà Nội	Đề nghị thiết kế lại Điều 2, Điều 3 và Điều 5 theo hướng: Điều 2 quy định về quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật và các yêu cầu định hướng đối với việc thiết kế quy phạm; Điều 3 chỉ quy định các khái niệm sử dụng trong Luật; Điều 5 chỉ bao gồm các nguyên tắc chung về xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, đề nghị chuyển các nội dung về quy phạm điều chỉnh quan hệ có sử dụng quyền lực nhà nước, quy phạm điều chỉnh quan hệ bình đẳng giữa các chủ thể, văn bản thí điểm và yêu cầu bảo đảm tính thống nhất với luật có tính nền tảng sang Điều 2; bổ sung, chuẩn hóa các khái niệm về chính sách, tham vấn chính sách, đánh giá tác động, rà soát, kiểm tra và tổ chức thi hành tại Điều 3; đồng thời cơ cấu lại Điều 5 thành các nguyên tắc ngắn gọn, xuyên suốt. Đối với nguyên tắc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, đề xuất diễn đạt theo hướng: “không để phát sinh mới và xử lý kịp thời, đồng bộ những mâu thuẫn, chồng chéo, vướng mắc có nguyên nhân từ văn bản quy phạm pháp luật; không để quy định của pháp luật bị lợi dụng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực”.	Tiếp thu Điều 2 tiếp tục xác định văn bản quy phạm pháp luật; Điều 3 đã quy định các khái niệm về chính sách, tham vấn, đánh giá tác động, rà soát, kiểm tra; Điều 5 được rút gọn còn các nguyên tắc xuyên suốt. Nội hàm hợp nhất, pháp điển được quy định riêng tại Điều 64 và Điều 65.

		Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai	Đề nghị thay cụm từ “trao đổi trực tiếp” bằng “trao đổi” trong khái niệm tham vấn chính sách, để hình thức trao đổi trực tiếp hoặc gián tiếp do cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan xác định phù hợp thực tiễn.	“trao đổi trực tiếp” là dấu hiệu phân biệt tham vấn với việc lấy ý kiến bằng văn bản; hình thức lấy ý kiến gián tiếp đã được quy định riêng tại Điều 28.
		Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng, Hà Tĩnh	Đề nghị bổ sung giải thích thuật ngữ “tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật” để làm rõ nội hàm, phạm vi và bảo đảm áp dụng thống nhất; riêng Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng đề nghị đồng thời giải thích “tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật” và “hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật”.	Tiếp thu Điều 3 đã bổ sung khái niệm kiểm tra, rà soát. Tổng rà soát, tự kiểm tra và hệ thống hóa là phương thức, phạm vi thực hiện của các hoạt động này nên được quy định tại điều về tổ chức thực hiện, không bổ sung thuật ngữ riêng.
		Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đề nghị bổ sung giải thích các thuật ngữ “hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật” và “pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật”.	Tiếp thu Nội hàm hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật đã được quy định trực tiếp tại khoản 1 Điều 64 và khoản 1 Điều 65; không lặp lại tại Điều 3.
		STP tỉnh Hưng Yên	Đề nghị bổ sung một điều quy định các trường hợp nghị quyết do Hội đồng nhân dân và quyết định do Ủy ban nhân dân ban hành không phải là văn bản quy phạm pháp luật.	văn bản không phải văn bản quy phạm pháp luật được xác định theo tiêu chí tại Điều 2 và khoản 1 Điều 3; không liệt kê theo chủ thể vì hình thức, nội dung văn bản hành chính đa dạng và thường xuyên thay đổi.
		Bộ Công an	Đề nghị chuyển nội dung Điều 2 thành một khoản của Điều 3 vì về bản chất đây là nội dung giải thích từ ngữ, nhằm bảo đảm thống nhất bố cục và nâng cao tính logic của dự thảo.	Điều 2 là quy định trực tiếp để nhận diện văn bản quy phạm pháp luật, không chỉ là giải thích từ ngữ; tách thành điều riêng giúp xác định rõ đối tượng trung tâm của Luật.
		Tạp chí Dân chủ và Pháp luật	Đề nghị bổ sung giải thích thuật ngữ “truyền thông chính sách” tại Điều 3; đồng thời sử dụng thống nhất cụm từ này trong toàn bộ dự thảo thay cho các cách diễn đạt chưa thống nhất tại điểm b khoản 4 Điều 49 và khoản 4 Điều 68.	truyền thông chính sách là hoạt động tổ chức thực hiện, không làm phát sinh cách hiểu khác về quyền, nghĩa vụ nên không cần giải thích riêng; cách gọi được rà soát thống nhất trong dự thảo.

Hệ thống VBQPPL (Điều 4)	Đoàn Đại biểu QH tỉnh Quảng Trị, Văn phòng Bộ Tư pháp	Tại khoản 13 Điều 4 chỉ quy định chung về “văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt” nhưng chưa xác định cụ thể hình thức văn bản. Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ hình thức văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (ví dụ: là Nghị quyết, Quyết định) để bảo đảm tính thống nhất, minh bạch và tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện.	hình thức văn bản tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt phụ thuộc mô hình tổ chức và luật, văn bản của Quốc hội thành lập đơn vị đó; khoản 1 Điều 19 dẫn chiếu để bảo đảm linh hoạt, không ấn định trước khi chưa có mô hình cụ thể.
	Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu	Đề nghị quy định theo hướng Quốc hội về nguyên tắc ban hành văn bản quy phạm pháp luật bằng hình thức luật, đồng thời có thể ban hành nghị quyết chứa quy phạm pháp luật trong trường hợp thật sự cần thiết, như thực hiện cơ chế, chính sách thí điểm, đặc thù có phạm vi hoặc thời hạn áp dụng nhất định; xử lý vấn đề mới, cấp bách phát sinh hoặc trường hợp đặc biệt khác do Quốc hội quyết định. Việc này nhằm tránh tăng số lượng luật, tăng tần suất sửa đổi luật và vẫn bảo đảm khả năng phản ứng chính sách.	không tiếp tục hình thức nghị quyết quy phạm pháp luật của Quốc hội nhằm thực hiện Kết luận số 09-KL/TW về tinh gọn hình thức và mỗi chủ thể một hình thức văn bản. Nội dung thí điểm, khẩn cấp vẫn được quy định bằng luật theo Điều 11 và quy trình tương ứng.
	Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu	Đối với văn bản của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị nghiên cứu, so sánh đầy đủ phương án giữ pháp lệnh với phương án giữ nghị quyết và cân nhắc giữ hình thức nghị quyết thay cho pháp lệnh. Nghị quyết phù hợp hơn với tính chất hoạt động tập thể, sự đa dạng về nội dung thuộc thẩm quyền và yêu cầu linh hoạt, phản ứng chính sách kịp thời của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.	giữ pháp lệnh vì đây là hình thức được Hiến pháp quy định và phù hợp thẩm quyền lập pháp được Quốc hội giao; nghị quyết quy phạm pháp luật của Ủy ban Thường vụ Quốc hội không tiếp tục để thực hiện nguyên tắc mỗi chủ thể một hình thức.
	Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường,	Đề nghị bổ sung quy định xác định thứ bậc hiệu lực pháp lý của các loại văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở áp dụng pháp luật.	Tiếp thu Điều 4 đã sắp xếp hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo thứ bậc hiệu

		Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh		lực pháp lý làm căn cứ áp dụng tại Điều 56.
		Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu	Đề nghị làm rõ phương án xử lý lâu dài đối với các quan hệ pháp luật đang được điều chỉnh bằng nghị quyết liên tịch có sự tham gia của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nhất là hoạt động tiếp xúc cử tri. Cần xác định rõ khi sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì chủ thể nào ban hành, bằng hình thức văn bản nào và cơ chế bảo đảm vai trò phối hợp, thống nhất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sau khi không còn hình thức nghị quyết liên tịch là văn bản quy phạm pháp luật.	Tiếp thu Điều 74 cho phép các nghị quyết liên tịch hiện hành tiếp tục có hiệu lực đến khi được bãi bỏ hoặc thay thế. Nội dung thay thế được quy định bằng hình thức thuộc thẩm quyền của chủ thể có liên quan, vẫn bảo đảm cơ chế phối hợp với Mặt trận theo pháp luật về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
		Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị rà soát tiêu chí “quá một phần hai tổng số điều” vì số điều được sửa đổi không phải lúc nào cũng phản ánh mức độ thay đổi về nội dung, chính sách; xem lại đơn vị “đặc khu trực thuộc cấp tỉnh” để phù hợp Luật Tổ chức chính quyền địa phương.	Tiếp thu Khoản 5 Điều 9 kết hợp tiêu chí định lượng với tiêu chí thay đổi cơ bản chính sách, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng để phản ánh đúng mức độ sửa đổi; dự thảo đã sử dụng thống nhất thuật ngữ “đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt” tại Điều 19.
		Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Đề nghị tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu ý kiến tại Công văn số 799/MTTW-BTT ngày 13/7/2026 về việc bỏ hình thức nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và chỉnh lý dự thảo.	thực hiện Kết luận số 09-KL/TW, dự thảo không tiếp tục nghị quyết liên tịch là văn bản quy phạm pháp luật; Điều 74 bảo đảm hiệu lực chuyển tiếp và việc phối hợp với Mặt trận tiếp tục thực hiện theo pháp luật có liên quan.
		Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau	Đề nghị cân nhắc bỏ khoản 8 và khoản 9 về thông tư, thông tư liên tịch để thực hiện triệt để chủ trương tinh gọn hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và hạn chế tình trạng luật, nghị định có hiệu lực nhưng phải chờ thông tư; trường hợp cần thiết thì đề xuất sử dụng	tiếp tục giữ thông tư để quy định nội dung chuyên môn, kỹ thuật và nội dung được giao; Điều 17 đã thu hẹp thẩm quyền, đồng thời không cho phép thông tư liên tịch giữa các Bộ

			quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, cân nhắc bỏ khoản 12 và quy định rõ hình thức văn bản tại khoản 13.	trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.
		Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai	Đề nghị sửa “Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố” thành “Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” để thống nhất với Luật Tổ chức chính quyền địa phương.	Tiếp thu Dự thảo Luật đã sử dụng thống nhất thuật ngữ “cấp tỉnh” khi quy định về Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân, qua đó bao quát tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tránh cách liệt kê chưa đầy đủ.
		Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính	Đề nghị đánh giá đầy đủ tác động của việc không tiếp tục xác định nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ là văn bản quy phạm pháp luật; cân nhắc giữ hình thức nghị quyết đối với những vấn đề cần phản ứng chính sách kịp thời, có phạm vi hoặc thời hạn áp dụng nhất định và làm rõ phương án chuyển tiếp đối với các nghị quyết đang có hiệu lực.	Giải trình Việc tinh gọn hình thức văn bản thực hiện Kết luận số 09-KL/TW; các điều 11, 12 và 14 vẫn bảo đảm khả năng xử lý chính sách cần thiết. Điều 74 quy định chuyển tiếp đối với nghị quyết đang có hiệu lực; việc tiếp tục ban hành trong giai đoạn chuyển tiếp phụ thuộc phương án hiệu lực tại Điều 73, hiện Dự thảo Luật chưa lựa chọn phương án.
	Nguyên tắc xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật (Điều 5)	Đoàn Đại biểu QH tỉnh Quảng Trị	Tại khoản 7 Điều 5 quy định: “Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và các luật khác có tính nền tảng...”. Theo đó, quy định trên xác định một nhóm luật có tính chất nền tảng trong hệ thống pháp luật, tuy nhiên chưa bao quát đầy đủ các đạo luật có vai trò thiết lập nền tảng về tổ chức và vận hành của bộ máy nhà nước. Ngoài các luật nêu trên, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung thêm Luật Tổ chức chính quyền địa phương vào nhóm các luật có tính nền tảng. Lý do: Đây là đạo luật quy định những vấn đề có tính chất nền	danh mục luật có tính nền tảng tại khoản 7 Điều 5 bám sát định hướng của Kết luận số 09-KL/TW, tập trung vào các luật đặt nguyên tắc chung về nội dung và tổ tụng; không mở rộng sang các luật về tổ chức bộ máy.

			tăng về tổ chức chính quyền địa phương, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; đồng thời là cơ sở pháp lý quan trọng để xác định cơ chế phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền giữa Trung ương và địa phương cũng như giữa các cấp chính quyền địa phương.	
	STP TP Hà Nội		Đề nghị rà soát, cơ cấu lại Điều 5 để chỉ quy định những nguyên tắc cơ bản, có tính khái quát và xuyên suốt. Các khoản 6, 8, 9, 11 và 12 hiện chủ yếu là yêu cầu, tiêu chí hoặc kỹ thuật cụ thể đối với văn bản thí điểm, thiết kế quy phạm và tổ chức thi hành, nên cần nhắc chuyển đến các điều khoản tương ứng, tránh để điều về nguyên tắc trở thành tập hợp các nhiệm vụ và phương thức thực hiện.	Tiếp thu Điều 5 đã được rút gọn, sắp xếp lại thành các nguyên tắc cốt lõi; yêu cầu cụ thể về thí điểm, quy định chi tiết và tổ chức thi hành được quy định tại các điều tương ứng.
	Thanh tra Chính phủ		Đề nghị cân nhắc quy định tại khoản 4. Cụm từ “xử lý sớm” mang tính ngôn ngữ nói, chưa chuẩn mực; các nội dung “xử lý sớm tổng thể, đồng bộ những điểm nghẽn có nguyên nhân từ thể chế” và “không để quy định của pháp luật bị lợi dụng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực” khó xác định, định lượng và tổ chức thực hiện. Trường hợp vẫn cần quy định nguyên tắc chung, đề nghị cân nhắc lược bỏ phần nội dung này vì yêu cầu “kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; phòng, chống lợi ích nhóm, cục bộ” đã bao hàm yêu cầu phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.	Tiếp thu Khoản 4 Điều 5 đã bỏ cụm từ “xử lý sớm tổng thể, đồng bộ những điểm nghẽn có nguyên nhân từ thể chế”. Yêu cầu không để pháp luật bị lợi dụng được giữ để nhấn mạnh trách nhiệm phòng ngừa việc cài cắm, lợi dụng quy định.
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Tại khoản 4, đề nghị quy định cụ thể hoặc có cơ chế hướng dẫn về nội hàm, tiêu chí nhận diện và phương thức xử lý “điểm nghẽn có	Tiếp thu Dự thảo không còn sử dụng thuật ngữ “điểm nghẽn có nguyên nhân từ thể chế” tại khoản 4 Điều 5.

			nguyên nhân từ thể chế”, bảo đảm rõ ràng, khả thi và thống nhất khi áp dụng.	
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Tại khoản 7, đề nghị không xác định Bộ luật Tổ tụng hình sự, Bộ luật Tổ tụng dân sự và Luật Tổ tụng hành chính là luật có tính nền tảng; đồng thời rà soát, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương vào nhóm này.	nhóm luật có tính nền tảng được xác định theo Kết luận số 09-KL/TW và vai trò đặt ra nguyên tắc chung về nội dung, xử lý vi phạm và tổ tụng; các luật tổ chức bộ máy có phạm vi, chức năng khác.
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Đề nghị bỏ khoản 8 vì yêu cầu quy phạm phải cụ thể, chặt chẽ, minh bạch là nguyên tắc chung đối với mọi quy phạm; quy định riêng cho một nhóm quan hệ có thể dẫn đến cách hiểu các quan hệ khác không phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu này.	khoản 8 không chỉ lặp lại yêu cầu chung mà cụ thể hóa Kết luận số 09-KL/TW về cách thiết kế quy phạm khi cơ quan nhà nước thực hiện quyền lực công, nhằm kiểm soát lạm quyền và bảo đảm minh bạch.
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Tại khoản 9, đề nghị chỉnh lý ngắn gọn, rõ nguyên tắc cần tuân thủ; đồng thời làm rõ phạm vi và mức độ của yêu cầu pháp luật “chủ yếu đặt ra khung pháp lý mang tính nguyên tắc”.	Tiếp thu Nội dung về quy phạm điều chỉnh quan hệ bình đẳng đã được gộp với quy phạm công tại khoản 8 và diễn đạt lại theo tính chất quan hệ, tránh tạo hai hệ thống pháp luật tách biệt.
	Kiểm toán nhà nước		Đề nghị bỏ đoạn “không đề quy định của pháp luật bị lợi dụng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực” vì nội dung kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí ở cùng khoản đã bao hàm.	nội dung này được giữ vì yêu cầu phòng, chống tham nhũng điều chỉnh hành vi, còn yêu cầu không để quy định bị lợi dụng hướng trực tiếp vào chất lượng thiết kế thể chế và phòng ngừa lợi ích nhóm.
	Bộ Quốc phòng		Đề nghị bổ sung nguyên tắc áp dụng pháp luật, trong đó xác định thứ tự hiệu lực pháp lý khi nhiều chủ thể có thẩm quyền ban hành cùng một hình thức văn bản và thứ tự ưu tiên áp dụng luật chuyên ngành, văn bản quy định cơ chế đặc thù so với luật có tính nền tảng.	Tiếp thu Dự thảo đã quy định nguyên tắc áp dụng tại Điều 56, bao gồm ưu tiên văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn và thứ tự áp dụng khi văn bản do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau; khoản 7 Điều 5 bảo đảm các luật khác không trái nguyên tắc cơ bản của các luật có tính nền tảng.

		Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai	Đề nghị thay cụm từ “điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên” bằng “điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên” để thống nhất với Điều 12 và khoản 5 Điều 98 Hiến pháp năm 2013; đồng thời rà soát các nội dung còn lại của dự thảo cho thống nhất.	Giải trình Cụm từ “điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên” xác định đầy đủ chủ thể quốc gia, được sử dụng thống nhất trong dự thảo và không làm thay đổi phạm vi điều ước quốc tế được áp dụng.
		Bộ Nội vụ	Tại khoản 4, đề nghị bổ sung yêu cầu phòng, chống lợi ích nhóm, cục bộ; xử lý sớm, tổng thể, đồng bộ các điểm nghẽn có nguyên nhân từ thể chế, không để quy định pháp luật bị lợi dụng hoặc tạo kẽ hở gây lãng phí, tiêu cực, tham nhũng. Tại khoản 7, đề nghị bổ sung Bộ luật Lao động, Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương vào nhóm luật có tính nền tảng; đồng thời cân nhắc, làm rõ tiêu chí xác định “trường hợp Quốc hội có quy định khác”. Bên cạnh đó, đề nghị phân định rõ trách nhiệm giữa cơ quan chủ trì soạn thảo, Ban soạn thảo và cơ quan thẩm định; thuyết minh rõ mối quan hệ giữa luật có tính nền tảng, luật chuyên ngành và các luật khác.	Giải trình Khoản 4 đã quy định phòng, chống lợi ích nhóm, cục bộ và không để pháp luật bị lợi dụng để tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Khoản 7 chỉ dẫn các luật chứa nguyên tắc cơ bản có tính nền tảng, không mở rộng sang luật về tổ chức bộ máy, lao động; trách nhiệm của các chủ thể đã được phân định tại các điều về thẩm định, thẩm tra và Điều 70.
		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn	Tại khoản 4, đề nghị thống nhất thứ tự trình bày cụm từ “tham nhũng, lãng phí, tiêu cực”. Tại khoản 7, đề nghị xem xét sự cần thiết quy định nguyên tắc về các luật có tính nền tảng vì nội dung này đã được thể hiện tại khoản 2 Điều 5 và Điều 56.	Tiếp thu và đã chỉnh lý
		Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý	Đề nghị rà soát, chỉnh lý khoản 4, khoản 6, khoản 7 và khoản 9 Điều 5 theo hướng: khoản 4 cân nhắc lược bỏ nội dung mang tính giải pháp, khái niệm chưa được giải thích và nội dung trùng lặp; khoản 6 cân nhắc quy	Tiếp thu Dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý khoản 4, khoản 6, khoản 7 và khoản 9 Điều 5 theo hướng: bỏ nội dung về “xử lý sớm, tổng thể, đồng bộ những

			định về trường hợp nghị quyết thí điểm được thay thế bằng luật thí điểm; khoản 7 làm rõ vị trí pháp lý của “luật có tính nền tảng” và mối quan hệ với thứ bậc hiệu lực pháp lý tại Điều 4; khoản 9 quy định ngắn gọn, khái quát, bảo đảm tính nguyên tắc, không liệt kê chi tiết nhiệm vụ, giải pháp.	điểm nghề có nguyên nhân từ thể chế” và khái quát lại khoản 4, tránh trùng lặp yêu cầu phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; bỏ quy định riêng về luật thí điểm tại khoản 6, chỉ quy định nguyên tắc chung về phân quyền, phân cấp và xử lý vấn đề phát sinh từ thực tiễn; bỏ tên gọi “luật có tính nền tảng” tại khoản 7, không tạo thêm thứ bậc hiệu lực hoặc quy tắc ưu tiên áp dụng ngoài Điều 4 và Điều 56; đồng thời cô đọng khoản 9 thành yêu cầu tổ chức thi hành pháp luật công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả.
	STP TP Hà Nội	Đề nghị thay cụm từ “xử lý sớm” bằng “kịp thời xử lý” hoặc cách diễn đạt phù hợp với văn phong pháp lý; đồng thời làm rõ nội hàm, tiêu chí xác định, phạm vi, trách nhiệm và cơ chế “xử lý tổng thể, đồng bộ những điểm nghề có nguyên nhân từ thể chế”, tránh trùng lặp với yêu cầu xử lý quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập trong quá trình xây dựng, thẩm định và rà soát văn bản quy phạm pháp luật.	Tiếp thu Khoản 4 Điều 5 đã bỏ cách diễn đạt “xử lý sớm” và nội dung về điểm nghề; cơ chế xử lý mâu thuẫn, chồng chéo được quy định cụ thể tại Điều 9, Điều 56 và các điều về rà soát.	
	Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Tháp	Tại khoản 9, đề nghị vừa tôn trọng quyền tự do, tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm, vừa có cơ chế bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bên yếu thế, hạn chế việc lợi dụng chênh lệch về thông tin, năng lực pháp lý và khả năng thương lượng.	nguyên tắc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và công bằng đã được quy định tại khoản 5 Điều 5; cơ chế bảo vệ bên yếu thế được thiết kế trong từng luật chuyên ngành để phù hợp từng loại quan hệ.	
	Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng	Tại khoản 4, đề nghị xem xét lại nội dung “xử lý sớm tổng thể, đồng bộ...” vì đây là giải pháp, không phải nguyên tắc.	Tiếp thu Nội dung về “xử lý sớm” đã được bỏ, khoản 8 được chỉnh lý để phân biệt cách thiết kế quy phạm công và quy	

			Tại khoản 8, đề nghị quy định yêu cầu cụ thể, chặt chẽ, minh bạch là yêu cầu chung đối với việc thiết kế quy phạm pháp luật, không chỉ giới hạn ở các quan hệ có sự tham gia của cơ quan nhà nước.	phạm điều chỉnh quan hệ bình đẳng nhưng vẫn chịu các nguyên tắc chung về minh bạch, khả thi.
	Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế		Đề nghị điều chỉnh cụm từ “sớm tổng thể, đồng bộ” thành cụm từ “kịp thời, đồng bộ”; bổ sung cụm từ “để thực hiện hành vi” vào sau cụm từ “tham nhũng, lãng phí, tiêu cực” và điều chỉnh lại, như sau: “...; xử lý kịp thời, đồng bộ những điểm nghẽn có nguyên nhân từ thể chế; không để quy định của pháp luật bị lợi dụng để thực hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực”.	Tiếp thu Khoản 4 Điều 5 đã được chỉnh lý, bỏ cụm từ “xử lý sớm tổng thể, đồng bộ”; yêu cầu phòng ngừa việc lợi dụng quy định pháp luật được giữ với cách diễn đạt cô đọng.
	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi		Đề nghị thay “xử lý sớm” bằng “kịp thời xử lý”, vì cụm từ “xử lý sớm” mang tính cảm tính, thiếu tính định lượng và chưa phù hợp văn phong pháp lý.	Tiếp thu Dự thảo hiện không còn sử dụng cụm từ “xử lý sớm” tại khoản 4 Điều 5.
	STP tỉnh Hưng Yên		Đề nghị làm rõ tiêu chí xác định luật có tính nền tảng và lý do chỉ lựa chọn 05 bộ luật, luật tại khoản 7 mà không bao gồm các luật có tính nền tảng về tổ chức bộ máy nhà nước như Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.	danh mục tại khoản 7 bám sát Kết luận số 09-KL/TW, không nhằm liệt kê toàn bộ luật quan trọng hoặc luật về tổ chức bộ máy; Điều 4 vẫn xác định các luật có cùng thứ bậc hiệu lực.
	STP TP Hà Nội		Đề nghị làm rõ tính chất pháp lý và mối quan hệ giữa luật có tính nền tảng với các luật khác. Các bộ luật, luật của Quốc hội có cùng thứ bậc hiệu lực; quy định các luật khác “không được trái” với nguyên tắc cơ bản của luật nền tảng có thể tạo cách hiểu luật nền tảng có vị trí pháp lý cao hơn và lặp lại yêu cầu bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Nếu cần ghi nhận vai trò của luật nền tảng thì nên thiết kế cơ chế cụ thể để bảo	khoản 7 chỉ đặt yêu cầu bảo đảm tính thống nhất khi xây dựng luật, không tạo thứ bậc pháp lý mới; thứ bậc hiệu lực vẫn được xác định tại Điều 4 và việc áp dụng văn bản được xử lý theo Điều 56.

			đảm tính ổn định, như quy trình xem xét, thông qua chặt chẽ hơn, thay vì tạo ra một thứ bậc pháp lý mới.	
	Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu		Đề nghị chỉnh lý khoản 7 bám sát Kết luận số 09-KL/TW. Kết luận xác định nguyên tắc cơ bản của 05 luật có tính nền tảng có giá trị “chi phối, định hướng”, trong khi dự thảo chuyển thành yêu cầu các luật khác “không được trái” là chưa thật sự phù hợp. Dự thảo cũng chưa làm rõ nội hàm “nguyên tắc cơ bản”, cách xác định quy định trái với nguyên tắc cơ bản và mối quan hệ với nguyên tắc ưu tiên áp dụng pháp luật chuyên ngành.	Tiếp thu Về việc bám sát Kết luận số 09-KL/TW; dự thảo đã bỏ ngoại lệ “trừ trường hợp Quốc hội có quy định khác”. “Nguyên tắc cơ bản” được hiểu là các nguyên tắc được chính luật nền tảng xác định và được xem xét trong thẩm định, thẩm tra.
	STP TP Hà Nội		Đề nghị làm rõ mối quan hệ giữa khoản 8 và khoản 9 để phân định tiêu chí xác định loại quan hệ pháp luật và cách thiết kế quy phạm tương ứng, nhất là trường hợp cơ quan nhà nước tham gia quan hệ dân sự, kinh tế, thương mại với cá nhân, tổ chức nhưng không nhân danh hoặc sử dụng quyền lực nhà nước và có địa vị pháp lý bình đẳng.	Tiếp thu Khoản 8 hiện phân biệt theo việc cơ quan nhà nước có thực hiện quyền lực công, bảo vệ lợi ích công hay tham gia quan hệ bình đẳng, không căn cứ đơn thuần vào sự có mặt của cơ quan nhà nước.
	STP TP Hà Nội		Đề nghị làm rõ nội hàm và phương thức thực hiện yêu cầu “gắn kết chặt chẽ” giữa xây dựng, ban hành với tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật. Cần cụ thể hóa bằng những yêu cầu có thể kiểm chứng tại các quy định về đánh giá tác động, soạn thảo, thẩm định, ban hành và tổ chức thi hành; hoặc cần nhắc không quy định riêng vì nội dung này đã được thể hiện trong yêu cầu về tính khả thi, hiệu quả.	nguyên tắc gắn kết được cụ thể hóa qua yêu cầu đánh giá tính khả thi, chuẩn bị quy định chi tiết, bố trí nguồn lực và trách nhiệm đánh giá, phản ứng chính sách trong tổ chức thi hành; vì vậy cần giữ làm nguyên tắc xuyên suốt.
	Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu		Đề nghị làm rõ căn cứ sửa thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh từ “thực hiện thí điểm các chính sách theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương” thành	Tiếp thu Điểm c khoản 1 Điều 18 hiện xác định HĐND cấp tỉnh chỉ thí điểm theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương và

			“thực hiện thí điểm các cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật”. Cần xác định rõ cấp văn bản có thể giao thí điểm, phạm vi thẩm quyền của Hội đồng nhân dân và cơ chế, chính sách thí điểm có được khác với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên hay không.	các luật khác; Điều 20 quy định phạm vi, giới hạn, thời hạn và cơ chế kiểm soát thí điểm.
		Bộ Xây dựng	Đề nghị giải thích hoặc quy định tiêu chí xác định “luật có tính nền tảng” và tiêu chí để Quốc hội quy định khác với nguyên tắc cơ bản của các luật này; nếu không, ngoại lệ có thể làm suy giảm nguyên tắc và quy định khó khả thi.	các luật có tính nền tảng được liệt kê trực tiếp tại khoản 7 theo Kết luận số 09-KL/TW; dự thảo đã bỏ ngoại lệ cho phép Quốc hội quy định khác để tránh làm suy giảm nguyên tắc.
		Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị xác định rõ “tính nền tảng” chỉ phản ánh vai trò định hướng, nguyên tắc và giá trị tham chiếu, không tạo thứ bậc hiệu lực pháp lý giữa các luật của Quốc hội; làm rõ “nguyên tắc cơ bản”, phạm vi áp dụng và căn cứ xác định quy định không phù hợp. Trường hợp Quốc hội quy định khác thì việc áp dụng cần được xác định trực tiếp trong chính văn bản đó.	Tiếp thu Điều 4 khẳng định các luật cùng thứ bậc hiệu lực, khoản 7 Điều 5 chỉ xác định vai trò định hướng khi xây dựng pháp luật; Điều 56 quy định riêng nguyên tắc áp dụng khi có khác nhau.
		Bộ Xây dựng	Đề nghị rà soát vì trong nhiều lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, một quy phạm có thể đồng thời điều chỉnh quan hệ công và quan hệ tư, nên khó phân loại và thiết kế theo quy định dự thảo.	việc phân loại được thực hiện theo từng quy phạm và tính chất quan hệ cụ thể, không phân loại toàn bộ văn bản; một văn bản có thể đồng thời chứa quy phạm công và quy phạm điều chỉnh quan hệ bình đẳng.
		Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị chỉ yêu cầu trình đề cương chi tiết hoặc định hướng quy định chi tiết, vì dự thảo Luật còn có thể được chỉnh lý trong quá trình thẩm tra, cho ý kiến và xem xét thông qua.	Tiếp thu Điều 8 hiện không còn yêu cầu dự thảo văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị, trình đồng thời với dự án luật, pháp lệnh mà chỉ yêu cầu bảo đảm hiệu lực đồng thời.

		Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau	Đề nghị thay thuật ngữ “điểm nghẽn” bằng quy định theo hướng kịp thời rà soát, xử lý khó khăn, vướng mắc, bất cập, mâu thuẫn, chông chéo gây cản trở trong tổ chức thi hành pháp luật; không để quy định của pháp luật bị lợi dụng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.	Tiếp thu Dự thảo đã bỏ thuật ngữ “điểm nghẽn”, đồng thời giữ yêu cầu không để quy định pháp luật bị lợi dụng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.
		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang	Đề nghị tiếp tục nghiên cứu, chỉnh sửa cụm từ “trừ trường hợp Quốc hội có quy định khác”, vì nếu không xác định cụ thể trường hợp áp dụng có thể dẫn đến tùy nghi và làm mất ý nghĩa của nguyên tắc không được trái với các nguyên tắc cơ bản của luật có tính nền tảng.	Tiếp thu Dự thảo đã bỏ cụm từ “trừ trường hợp Quốc hội có quy định khác” tại khoản 7 Điều 5.
		Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk	Đề nghị nghiên cứu lại việc xác định 05 bộ luật, luật là luật có tính nền tảng và yêu cầu các luật khác không được trái với nguyên tắc cơ bản của các luật này. Các luật của Quốc hội có cùng hiệu lực pháp lý; nguyên tắc của từng bộ luật, luật chỉ có ý nghĩa trong phạm vi quan hệ xã hội mà văn bản đó điều chỉnh, nên quy định hiện tại có thể tạo cách hiểu về thứ bậc giữa các luật và mở rộng phạm vi áp dụng của các nguyên tắc nền tảng.	khoản 7 không tạo thứ bậc mới giữa các luật mà là yêu cầu kiểm soát tính thống nhất trong quá trình xây dựng; Điều 4 vẫn xác định mọi luật của Quốc hội cùng một thứ bậc hiệu lực.
		Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau	Đề nghị cân nhắc việc quy định luật có tính nền tảng và giới hạn chặt chẽ trường hợp “Quốc hội có quy định khác”, tránh làm giảm giá trị của các nguyên tắc nền tảng.	Tiếp thu Dự thảo đã bỏ ngoại lệ “Quốc hội có quy định khác”, qua đó bảo đảm tính nhất quán của các nguyên tắc nền tảng.
		Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau	Đề nghị làm rõ cách xử lý quan hệ xã hội có tính hỗn hợp, vừa có yếu tố quyền lực nhà nước vừa có tính bình đẳng; bổ sung cơ chế trách nhiệm khi tổ chức thi hành không bảo đảm công bằng, nghiêm minh, nhất quán; đồng thời đối soát với quy định về chuyển đổi	Tiếp thu Khoản 8 Điều 5 phân loại theo tính chất quan hệ; khoản 9 yêu cầu thi hành công bằng, nghiêm minh, nhất quán; khoản 10 bảo vệ bí mật nhà nước. Khoản 1 Điều 73 xác định công nghệ số, trí tuệ nhân tạo chỉ hỗ trợ và

			số, trí tuệ nhân tạo và bổ sung nguyên tắc bảo mật đối với dữ liệu, dự thảo có nội dung mật.	cơ quan, người có thẩm quyền chịu trách nhiệm cuối cùng; an toàn dữ liệu thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.
	Bộ Công an		Đề nghị cân nhắc quy định về nhận diện nguy cơ quy định của pháp luật bị lợi dụng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vì nguy cơ này có thể bộc lộ ở nhiều giai đoạn thực hiện và trên thực tế rất khó nhận diện trong các khâu đánh giá tác động, thẩm định, thẩm tra.	đây là nguyên tắc phòng ngừa rủi ro trong thiết kế chính sách, không đồng nhất với việc kết luận có vi phạm; mức độ trách nhiệm được xác định theo hồ sơ, thông tin và lỗi của từng chủ thể.
	Bộ Công an		Đề nghị chỉnh lý theo hướng: “Trong quá trình xây dựng, ban hành, nội dung các văn bản quy phạm pháp luật không được trái với các nguyên tắc cơ bản được quy định trong các luật có tính nền tảng...”, bảo đảm diễn đạt rõ ràng, mạch lạc và tránh trùng lặp.	Tiếp thu Khoản 7 đã được diễn đạt trực tiếp theo hướng trong quá trình xây dựng, ban hành, nội dung các luật khác không được trái với nguyên tắc cơ bản của các luật được liệt kê.
	Bộ Công an		Đề nghị nghiên cứu ghép nguyên tắc tại khoản 8 và khoản 11 để tránh trùng lặp và khái quát đầy đủ các yêu cầu cụ thể của quá trình xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật.	Tiếp thu Điều 5 đã được cơ cấu lại, gộp các yêu cầu có nội dung gần nhau và chỉ giữ 10 khoản nguyên tắc.
	Bộ Nông nghiệp và Môi trường		Đề nghị cân nhắc bổ sung nguyên tắc luật chỉ quy định vấn đề khung, có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội; vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt.	không quy định luật chỉ đặt khung một cách tuyệt đối vì Hiến pháp yêu cầu nhiều vấn đề phải do luật định và mức độ chi tiết phụ thuộc tính chất từng lĩnh vực; Điều 14, Điều 17 và Điều 18 đã dành không gian điều hành cần thiết cho Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương.
	Bộ Nông nghiệp và Môi trường		Đề nghị làm rõ chủ trương không quy định tên Bộ, ngành và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Bộ, ngành trong luật; xác định luật có tiếp tục được giao Bộ trưởng quy định chi tiết hay chỉ giao Chính phủ quy định chi tiết.	việc xác định chủ thể được giao phải căn cứ thẩm quyền theo Hiến pháp, luật tổ chức bộ máy và tính chất nội dung; Điều 8 yêu cầu chỉ rõ cơ quan, người có thẩm quyền ngay tại điều khoản giao, không mặc nhiên chỉ giao Chính phủ.

		Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Tháp	<p>Đề nghị hoàn thiện nguyên tắc theo hướng vừa tôn trọng quyền tự do, tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm, vừa bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bên yếu thế, hạn chế việc lợi dụng chênh lệch về thông tin, năng lực pháp lý và khả năng thương lượng.</p>	<p>Khoản 5 Điều 5 đã bao quát yêu cầu bảo vệ quyền và công bằng; biện pháp bảo vệ bên yếu thế cần được cụ thể hóa trong luật chuyên ngành, tránh áp dụng đồng loạt cho mọi quan hệ bình đẳng.</p>
		Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	<p>- Tại khoản 8, đề nghị bổ sung từ “có” vào sau cụm từ “hoặc điều chỉnh quan hệ trong đó” cho đầy đủ, chính xác. Đồng thời, - Bổ sung cụm từ “bảo đảm trao thẩm quyền đủ mạnh cho các cơ quan trong bộ máy nhà nước, đồng thời kiểm soát, phòng ngừa nguy cơ lạm dụng, lợi dụng quyền lực” vào cuối khoản này, để cụ thể hóa nội dung định hướng của Bộ chính trị tại Mục 2.2 Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới: “Các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ giữa các cơ quan nhà nước với nhau hoặc giữa cơ quan nhà nước với cá nhân, tổ chức (quy phạm pháp luật công) được thiết kế cụ thể, chặt chẽ, minh bạch, bảo đảm thực hiện tốt chức năng trao thẩm quyền đủ mạnh cho các cơ quan trong bộ máy nhà nước, đồng thời kiểm soát hiệu quả, phòng ngừa nguy cơ lạm dụng, lợi dụng quyền lực”.</p> <p>- Tại khoản 9, đề nghị Chính sửa cụm từ “giữa các cá nhân hoặc tổ chức” thành “giữa các chủ thể là cá nhân, tổ chức không nhân dân quyền lực nhà nước” cho bao quát. Đồng thời, bỏ đoạn “độc lập, bình đẳng về địa vị pháp lý, tự do xác lập, thực hiện, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ trên cơ sở tự</p>	<p>Tiếp thu</p> <p>Khoản 8 đã được chỉnh lý theo đúng tiêu chí cơ quan nhà nước thực hiện quyền lực công, bảo vệ lợi ích công và phân biệt với quan hệ bình đẳng; yêu cầu trao đủ thẩm quyền, kiểm soát lạm quyền được thể hiện qua tính cụ thể, chặt chẽ của quy phạm.</p>

			nguyên, tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm” vì không cần thiết và trùng lặp với đoạn sau của khoản này: “...các nội dung cụ thể để các chủ thể tự thỏa thuận trên cơ sở nhu cầu, lợi ích, quyền tự định đoạt, tự chịu trách nhiệm của mình trên tinh thần không vi phạm điều cấm của luật,...”.	
		Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị bổ sung Luật Tổ chức chính quyền địa phương vào nhóm luật có tính nền tảng vì quy định các vấn đề nền tảng về tổ chức, thẩm quyền và quan hệ giữa các cơ quan trong hệ thống chính quyền địa phương.	Luật Tổ chức chính quyền địa phương là luật quan trọng về tổ chức bộ máy nhưng không thuộc nhóm luật nền tảng về nội dung, xử lý vi phạm và tổ tụng được Kết luận số 09-KL/TW xác định tại định hướng này.
Phản biện xã hội, tham vấn, góp ý (Điều 6)		UBND tỉnh Vĩnh Long	Đề nghị xem xét quy định cụ thể thời gian thực hiện phản biện xã hội đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, việc không quy định cụ thể thời gian phản biện xã hội có thể dẫn đến việc kéo dài thời gian xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời để tạo sự chủ động cho cơ quan chủ trì soạn thảo cũng như các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng văn bản và đảm bảo tiến độ ban hành văn bản theo quy định.	Thời điểm, thời hạn phản biện thực hiện theo Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và pháp luật liên quan; Điều 6 chỉ xác định phải thực hiện trong quá trình soạn thảo để bảo đảm linh hoạt theo tính chất từng dự thảo.
		STP TP Hà Nội	Đề nghị quy định việc phản biện xã hội phải được thực hiện trong quá trình soạn thảo và hoàn thành trước khi cơ quan chủ trì soạn thảo gửi hồ sơ dự án, dự thảo văn bản để thẩm định, nhằm bảo đảm còn đủ thời gian nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo.	Tiếp thu Điểm b khoản 3 Điều 31 quy định văn bản phản biện được gửi trong thời gian soạn thảo và cơ quan chủ trì phải tiếp thu, giải trình; điểm c khoản 2 Điều 32 yêu cầu bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình phản biện xã hội trong hồ sơ thẩm định, nên phản biện phải hoàn thành đủ sớm để chỉnh lý dự thảo.

		Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Đề nghị bổ sung quy định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện phản biện xã hội ngay từ khi dự thảo chính sách, bảo đảm phản biện chủ động, từ sớm, từ cơ sở, dân chủ, khách quan và mang tính xây dựng.	Tiếp thu Khoản 1 Điều 6 và Điều 28 cho phép Mặt trận thực hiện phản biện, tham gia ngay từ giai đoạn chính sách theo Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và pháp luật có liên quan.
		Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ	Đề nghị làm rõ trường hợp dự thảo chỉ liên quan đến hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước, như quy chế phối hợp, không liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân thì địa phương phải đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phản biện xã hội hay chỉ lấy ý kiến góp ý.	Phạm vi dự thảo phải phản biện xã hội được xác định theo Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; dự thảo không thuộc phạm vi phản biện vẫn được lấy ý kiến theo khoản 3 Điều 6 và quy trình tương ứng.
		Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi	Quy định “trong thời gian tổ chức soạn thảo” chưa rõ trước, trong hay sau khi lấy ý kiến tham gia đối với dự thảo văn bản, trước hay sau khi cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm định dự thảo văn bản. Đề nghị nghiên cứu, quy định cụ thể, rõ ràng để áp dụng thống nhất.	Điểm b khoản 3 Điều 31 xác định phản biện được thực hiện trong quá trình soạn thảo, văn bản phản biện phải gửi trong thời hạn 20 ngày và được tiếp thu, giải trình trước khi hoàn thiện hồ sơ thẩm định. Không ấn định một thời điểm duy nhất để vẫn có thể phản biện lại khi dự thảo thay đổi lớn.
		Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng	Đề nghị quy định cụ thể thời điểm, giai đoạn thực hiện phản biện xã hội và làm rõ phản biện được thực hiện ở một hay nhiều giai đoạn của quá trình xây dựng văn bản, vì cụm từ “trong thời gian tổ chức soạn thảo” chưa xác định rõ thời điểm thực hiện.	Tùy nội dung, mức độ chỉnh lý, phản biện có thể thực hiện một hoặc nhiều lần trong thời gian soạn thảo; Luật không ấn định một thời điểm duy nhất để tránh làm hình thức và hạn chế phản biện lại khi dự thảo thay đổi lớn.
	Văn bản quy định chi tiết (Điều 8)	STP tỉnh Bắc Ninh	- Tại khoản 1, (i) Đề nghị làm rõ cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không được ủy quyền tiếp, vậy trong trường hợp này có được phân cấp quy định nội dung được giao hay không?; (ii) Mặt khác tại điểm h khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước có quy định HĐND cấp tỉnh có nhiệm vụ,	Điều 8 thể chế hóa Kết luận số 09-KL/TW về xác định rõ thẩm quyền, hạn chế nhiều văn bản quy định chi tiết và gắn xây dựng với thi hành pháp luật. Không ủy quyền tiếp được hiểu là không được dùng việc giao, phân cấp hoặc ủy quyền để chuyển thẩm

		<p>quyền hạn: “Quyết định cụ thể hoặc giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ hoặc Bộ Tài chính phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.”. Do đó, đề nghị rà soát nội dung này để đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.</p> <p>- Tại khoản 3: Đề nghị làm rõ phạm vi “Dự thảo văn bản quy định chi tiết” là nội dung thuộc thẩm quyền ban hành của chủ thể nào?, bởi lẽ thực tế có nội dung giao cho chính quyền địa phương quy định chi 1 về việc lấy ý kiến hồ sơ dự án Luật về văn bản quy phạm pháp luật 2 V/v góp ý hồ sơ dự án Luật về văn bản quy phạm pháp luật 2 tiết quy định trong Luật, Pháp lệnh thì việc chính quyền địa phương xây dựng dự thảo văn bản QPPL để đảm bảo trình đồng thời với dự án luật, pháp lệnh và có hiệu lực cùng thời điểm với luật, pháp lệnh hoặc điều khoản, điểm được quy định chi tiết là khó đảm bảo tính khả thi vì nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, đơn cử như lý do về cơ chế tiếp cận với dự thảo luật, pháp lệnh trình chính thức là cơ sở pháp lý để chính quyền địa phương xây dựng văn bản QPPL theo thẩm quyền được giao.</p> <p>- Tại khoản 4: Đề nghị làm rõ “trường hợp cần phải quy định trong các văn bản khác nhau” là trường hợp nào? để đảm bảo tính thống nhất trong việc xác định thuộc trường hợp này.</p>	<p>quyền quy định chi tiết đã được xác định đích danh. Điểm h khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước là trường hợp Luật trực tiếp cho phép HĐND giao UBND quyết định, nên không phải ủy quyền tiếp. Dự thảo hiện không yêu cầu mọi dự thảo văn bản quy định chi tiết phải trình đồng thời, mà chỉ yêu cầu ban hành để có hiệu lực đồng thời, tránh khoảng trống pháp lý. Khoản 4 chỉ cho phép tách văn bản khi có yêu cầu khách quan về phạm vi, đối tượng, căn cứ pháp lý hoặc chế độ công khai, không vì thuận tiện soạn thảo. Do đó, đề nghị giữ quy định tại Điều 8 và không bổ sung ngoại lệ làm giảm trách nhiệm của chủ thể được giao quy định chi tiết.</p>
	UBND tỉnh Vĩnh Long	<p>- Xem lại sự phù hợp của cụm từ “có thể giao”, đề nghị khẳng định là phải thực</p>	<p>Khoản 1 hiện đã bỏ “có thể” và yêu cầu xác định chủ thể ngay tại điều,</p>

			<p>- Quy định “Văn bản quy định chi tiết không được quy định lặp lại nội dung của văn bản được quy định chi tiết” chỉ áp dụng đối với văn bản quy định chi tiết thì đối với các trường hợp khác có được lặp lại nội dung của văn bản trung ương không, đề nghị nghiên cứu quy định thêm đối với trường hợp này. Đồng thời, đề nghị xem xét quy định loại trừ đối với một số trường hợp phải lặp lại nội dung của văn bản được quy định chi tiết nhằm làm rõ nội dung quy định chi tiết, ví dụ: Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung chi và giao địa phương quy định mức chi, thì trong văn bản quy định chi tiết của địa phương bắt buộc phải lặp lại quy định về nội dung chi.</p>	<p>khoản, điểm giao. Cấm lặp lại nhằm tránh sao chép, chồng chéo; trường hợp cần viện dẫn nội dung cấp trên có thể dẫn chiếu, không cần chép lại toàn bộ quy phạm.</p>
		Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế	<p>- Tại khoản 1, đề nghị điều chỉnh nội dung “Cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không được ủy quyền tiếp” như sau để bảo đảm tính chính xác: “Cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không được ủy quyền cho cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác thực hiện thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết.”</p> <p>- Tại khoản 4, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh cụm từ “trừ trường hợp cần phải quy định trong các văn bản khác nhau” tại khoản 4 Điều 8 cho phù hợp.</p>	<p>Tiếp thu</p> <p>Khoản 2 đã quy định cơ quan, người có thẩm quyền được giao không được ủy quyền chủ thể khác quy định. Ngoại lệ tại khoản 4 được giữ hẹp để xử lý trường hợp khách quan không thể gộp, không trao quyền tùy nghi chia tách.</p>
		Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng	<p>Tại khoản 1, đề nghị quy định cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không được phân cấp, ủy quyền tiếp. Tại khoản 3, đề nghị bổ sung cụm từ “Dự thảo văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh phải được chuẩn bị...” và làm rõ yêu cầu về việc văn bản quy định chi tiết phải có hiệu lực</p>	<p>Điều 8 đã quy định cơ quan, người được giao không được ủy quyền tiếp; việc giao, phân cấp không được dùng để chuyển thẩm quyền quy định chi tiết đã được xác định đích danh. Yêu cầu hiệu lực đồng thời áp dụng đối với mọi văn bản quy định chi tiết; dự thảo</p>

			cùng thời điểm áp dụng đối với văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh hay đối với mọi văn bản quy định chi tiết. Đồng thời, đề nghị bổ sung cách xác định nội dung giao quy định chi tiết, theo hướng nội dung được giao phải chứa cụm từ “quy định chi tiết” để phân biệt với “nội dung khác được giao”, tạo thuận lợi cho việc tổ chức thi hành.	không yêu cầu trình đồng thời. Nội dung giao được xác định tại điều, khoản, điểm hoặc điều khoản thi hành, không bắt buộc sử dụng một cụm từ duy nhất.
	Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa		Tại khoản 1, đề nghị quy định rõ cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết và bỏ cụm từ “có thể”.	Tiếp thu Khoản 1 Điều 8 hiện bỏ từ “có thể” và yêu cầu xác định rõ cơ quan, người có thẩm quyền ngay tại điều, khoản, điểm cần quy định chi tiết.
	STP tỉnh Tây Ninh		Đề nghị rà soát, xác định cụ thể việc giao hoặc không giao quy định chi tiết, không sử dụng cụm từ “có thể” tại khoản 1 và khoản 2 để tránh nhiều cách hiểu. Đồng thời, đề nghị sửa từ “được” thành “giao” trong câu “Văn bản quy định chi tiết... được quy định chi tiết” tại đoạn thứ hai khoản 1 để thống nhất với cụm từ “văn bản <u>giao quy định chi tiết</u> ”.	Tiếp thu Điều 8 hiện sử dụng quy định bắt buộc, thống nhất thuật ngữ “văn bản giao quy định chi tiết” và không còn cụm từ “có thể”.
	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi		- Tại khoản 1, quy định “ <i>có thể</i> ” mang tính chất tùy nghi, dẫn đến áp dụng không thống nhất; đồng thời, chưa quy định rõ ràng đối với trường hợp <u>không quy định ngay tại điều, khoản, điểm đó</u> thì quy định ở điều, khoản nào? Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa cho phù hợp. Đề nghị chỉnh sửa cụm từ “ <i>không được quy định lập lại nội dung của văn bản được quy định chi tiết</i> ” thành “ <i>không được quy định lập lại nội dung đã được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên</i> ” để bao quát được các trường hợp.	Tiếp thu Khoản 1 đã bỏ “có thể” và khoản 2 xác định cấm lập lại nội dung văn bản giao quy định chi tiết. Yêu cầu trình đồng thời đã được bỏ để bảo đảm khả thi cho địa phương, nhưng vẫn giữ trách nhiệm ban hành có hiệu lực đồng thời nhằm tránh khoảng trống pháp lý.

			<p>- Tại khoản 3, quy định nêu trên chỉ phù hợp đối với trường hợp dự án luật, pháp lệnh giao cho cơ quan Trung ương quy định chi tiết, còn trường hợp <u>trong dự án luật, pháp lệnh có nội dung giao cho chính quyền địa phương quy định chi tiết</u> thì việc <u>yêu cầu trình đồng thời với dự án luật, pháp lệnh và được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản hoặc điều, khoản, điểm được quy định chi tiết là không hợp lý, không khả thi</u>. Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa cho phù hợp.</p>	
	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh	<p>Tại khoản 3, đề nghị phân biệt văn bản quy định chi tiết ở trung ương với văn bản được giao cho địa phương; quy định thời hạn hợp lý, hồ sơ chuyển giao, nguồn lực và trách nhiệm hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, vì yêu cầu mọi dự thảo phải chuẩn bị, trình và có hiệu lực đồng thời khó khả thi đối với địa phương.</p>	<p>Điều này quy định nguyên tắc chung về văn bản quy định chi tiết, áp dụng thống nhất đối với cơ quan, người có thẩm quyền ở trung ương và địa phương. Quy định văn bản quy định chi tiết có hiệu lực cùng thời điểm với văn bản được quy định chi tiết nhằm bảo đảm tính đồng bộ, kịp thời trong thi hành pháp luật. Các vấn đề về trình tự, thủ tục, nguồn lực và tổ chức thực hiện được thực hiện theo quy định tại Luật này, Nghị định hướng dẫn thi hành Luật này và pháp luật có liên quan.</p>	
	Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa	<p>Tại khoản 1, đề nghị bỏ cụm từ “có thể” và quy định bắt buộc giao cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết ngay tại điều, khoản, điểm có nội dung cần quy định chi tiết. Tại khoản 4, đề nghị làm rõ trường hợp được coi là “cần phải quy định trong các văn bản khác nhau” để bảo đảm áp dụng thống nhất.</p>	<p>Tiếp thu</p>	

		STP tỉnh Quảng Ninh	Đề nghị quy định mang tính bắt buộc theo hướng: văn bản có điều, khoản, điểm mà nội dung cần quy định chi tiết thì ngay tại điều, khoản, điểm đó phải giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết, tránh tùy nghi trong áp dụng.	Tiếp thu Khoản 1 Điều 8 quy định bắt buộc phải xác định cơ quan, người có thẩm quyền ngay tại điều, khoản, điểm có nội dung cần quy định chi tiết.
		Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng	Đề nghị bổ sung quy định về chủ thể và thời hạn công bố nội dung giao quy định chi tiết để thuận tiện trong áp dụng.	trách nhiệm lập danh mục, theo dõi và công bố nội dung giao quy định chi tiết là biện pháp tổ chức thi hành, được giao Chính phủ quy định; Điều 8 tập trung vào nguyên tắc giao và trách nhiệm ban hành.
		STP TP Hà Nội	Đề nghị làm rõ khái niệm và giới hạn của “quy định chi tiết” và “biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành”. Quy định chi tiết chỉ cụ thể hóa nội dung, điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục, mức, tỷ lệ hoặc vấn đề đã được văn bản cấp trên xác định về nguyên tắc; không được đặt ra chính sách mới hoặc mở rộng đối tượng, phạm vi, điều kiện, quyền và nghĩa vụ. Biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành chỉ là biện pháp quản lý, điều hành để thực hiện pháp luật, không được bổ sung quy phạm chưa được giao hoặc làm thay đổi nội dung văn bản được hướng dẫn.	Tiếp thu Về nguyên tắc; khoản 2 cấm lặp lại và cấm chuyển tiếp thẩm quyền, khoản 3 giới hạn văn bản chỉ đồng thời quy định nội dung khác được giao và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành, không cho phép đặt chính sách mới vượt phạm vi thẩm quyền.
		STP tỉnh Quảng Ninh, STP TP Hà Nội	Đề nghị xác định rõ loại văn bản và chủ thể có thẩm quyền giao quy định chi tiết; nội dung giao phải chỉ rõ cơ quan được quy định chi tiết, không giao chung chung cho “chính quyền địa phương”. Không phải mọi văn bản quy phạm pháp luật đều có thể tiếp tục giao cho văn bản cấp dưới quy định những vấn đề mà pháp luật không cho phép.	Tiếp thu Khoản 1 yêu cầu chỉ rõ cơ quan, người có thẩm quyền ngay tại điều, khoản, điểm giao, không giao chung cho “chính quyền địa phương”; việc giao phải phù hợp thẩm quyền quy định tại Chương II.
		STP tỉnh Quảng Ninh	Việc yêu cầu dự thảo văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị, trình đồng thời với	Tiếp thu

			dự án luật, pháp lệnh và có hiệu lực cùng thời điểm là thiếu tính khả thi đối với địa phương, nhất là cấp xã. Đề nghị tiếp tục nghiên cứu để có quy định phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.	Dự thảo đã bỏ yêu cầu dự thảo văn bản quy định chi tiết phải chuẩn bị, trình đồng thời với dự án luật, pháp lệnh; chỉ giữ yêu cầu hiệu lực đồng thời và trách nhiệm xác định thời gian chuẩn bị phù hợp.
		Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý	Đề nghị quy định chủ thể được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không chỉ là cơ quan mà còn bao gồm người có thẩm quyền, phù hợp với hệ thống VBQPPL tại Điều 4.	Tiếp thu Khoản 1 Điều 8 của dự thảo Luật đã sử dụng cụm từ “cơ quan, người có thẩm quyền”, bao quát Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và Chủ tịch UBND cấp tỉnh.
		Bộ Công Thương	Đề nghị làm rõ: (i) khi luật giao Chính phủ quy định chi tiết thì nghị định có được giao Bộ trưởng quy định chi tiết các nội dung cụ thể hay không; (ii) trường hợp nội dung chỉ cần quy định chi tiết khi đủ điều kiện thực tiễn có phải ban hành và có hiệu lực cùng thời điểm với Luật hay không; (iii) tiêu chí xác định “trường hợp cần phải quy định trong các văn bản khác nhau” tại khoản 4.	Chính phủ được giao quy định chi tiết không được chuyển tiếp cho Bộ trưởng, trừ khi chính luật xác định trực tiếp thẩm quyền. Nội dung đã được giao phải được ban hành có hiệu lực đồng thời; khoản 4 chỉ cho phép tách văn bản khi có căn cứ khách quan, không vì thuận tiện soạn thảo.
		Bộ Xây dựng	Đề nghị bổ sung quy định về “văn bản quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành” và nội dung của loại biện pháp này; bổ sung dự thảo văn bản quy định chi tiết vào hồ sơ tại Điều 34, Điều 35 và rà soát trường hợp Luật giao Bộ trưởng, HĐND, UBND quy định chi tiết. Đồng thời, chỉnh lý để bảo đảm thống nhất giữa khoản 3 Điều 8 với khoản 1, khoản 3 Điều 51 về thời điểm có hiệu lực.	Tiếp thu Về việc phân định nội dung; khoản 3 Điều 8 hiện cho phép văn bản quy định chi tiết đồng thời quy định biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành. Dự thảo không còn yêu cầu trình đồng thời nên không bổ sung dự thảo văn bản quy định chi tiết thành thành phần bắt buộc của mọi hồ sơ.
		Cục Pháp luật quốc tế và Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Đề nghị làm rõ cách thức, nơi thể hiện việc “phân biệt rõ các nội dung” giữa quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành;	Tiếp thu Khoản 3 được chỉnh lý theo hướng không yêu cầu tách riêng hình thức

			làm rõ dự thảo văn bản quy định chi tiết là thành phần hồ sơ hay được trình theo quy trình độc lập. Nếu là thành phần hồ sơ thì bổ sung vào các điều tương ứng như Điều 32, Điều 35.	thể hiện mà kiểm soát theo phạm vi thẩm quyền và nội dung được giao. Dự thảo văn bản quy định chi tiết không còn là thành phần bắt buộc của hồ sơ dự án luật, pháp lệnh.
		Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị hồ sơ dự án luật kèm danh mục đầy đủ nội dung giao quy định chi tiết, cơ quan chủ trì, thời hạn hoàn thành và tình trạng soạn thảo; nếu văn bản quy định chi tiết chưa được ban hành, công bố thì nội dung tương ứng chưa làm phát sinh nghĩa vụ, điều kiện hoặc thủ tục bất lợi đối với tổ chức, cá nhân. Tình trạng xây dựng, ban hành phải được cập nhật công khai trên Cổng Pháp luật quốc gia.	Điều 8 yêu cầu xác định nội dung, chủ thể quy định chi tiết và bảo đảm hiệu lực đồng thời; Điều 70 quy định trách nhiệm về tiến độ, chất lượng; Điều 73 yêu cầu cập nhật tình trạng hiệu lực. Không quy định nội dung chưa có văn bản chi tiết đương nhiên chưa làm phát sinh nghĩa vụ vì có thể làm vô hiệu quy định của luật; danh mục theo dõi là biện pháp tổ chức thi hành.
		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ, Bộ Công an, Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị bỏ từ “có thể” và quy định: “Văn bản có điều, khoản, điểm mà nội dung cần quy định chi tiết thì giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết”.	Tiếp thu Khoản 1 Điều 8 hiện đã bỏ từ “có thể” và quy định bắt buộc xác định cơ quan, người có thẩm quyền quy định chi tiết.
		Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng	Đề nghị quy định nội dung được giao phải thể hiện cụm từ “quy định chi tiết” trong văn bản giao, nhằm xác định rõ phạm vi nội dung được giao và phân biệt với các trường hợp giao thực hiện hoặc giao quy định nội dung khác.	việc xác định nội dung giao căn cứ câu lệnh và vị trí giao tại điều, khoản, điểm; không bắt buộc một cụm từ duy nhất vì luật còn có thể giao “quy định”, “quy định cụ thể” theo tính chất nội dung.
		Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk	Đề nghị nghiên cứu lại quy định cấm cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết ủy quyền tiếp. Cần có cơ chế phù hợp đối với nội dung kỹ thuật, nghiệp vụ hoặc thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành; đồng thời làm rõ việc cơ quan được giao tiếp tục giao hoặc phân công cơ quan, người thuộc phạm vi quản lý quy định nội dung thuộc chức năng,	không bổ sung ngoại lệ cho nội dung kỹ thuật, nghiệp vụ vì có thể làm mất trách nhiệm của chủ thể được luật giao. Phân công đơn vị tham mưu không phải chuyển thẩm quyền ban hành; giao, phân cấp cho chủ thể khác ban hành quy phạm là chuyển tiếp và không được phép.

			nhiệm vụ của họ có được coi là ủy quyền tiếp hay không.	
		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An	Đề nghị quy định yêu cầu chuẩn bị, trình đồng thời và bảo đảm hiệu lực cùng thời điểm đối với văn bản quy định chi tiết của tất cả các loại văn bản quy phạm pháp luật, không chỉ đối với luật, pháp lệnh, nhằm hạn chế tình trạng nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực nhưng chậm ban hành thông tư quy định chi tiết.	Tiếp thu Về yêu cầu hiệu lực; khoản 2 Điều 8 hiện áp dụng chung cho văn bản quy định chi tiết của mọi loại văn bản, không chỉ luật, pháp lệnh. Yêu cầu chuẩn bị, trình đồng thời đã được bỏ để bảo đảm khả thi.
		Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai	Đề nghị điều chỉnh yêu cầu dự thảo văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị, trình đồng thời và có hiệu lực cùng thời điểm theo hướng khả thi đối với địa phương; xác định thời hạn cụ thể để hoàn thành việc xây dựng, trình, ban hành và có cơ chế phù hợp khi không thể ban hành đồng thời.	Tiếp thu Yêu cầu trình đồng thời đã được bỏ, nhưng khoản 2 vẫn yêu cầu hiệu lực đồng thời. Thời gian chuẩn bị phải được tính khi xác định thời điểm có hiệu lực của văn bản giao, không hợp thức hóa việc chậm ban hành.
		Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk	Đề nghị bổ sung trường hợp loại trừ yêu cầu chuẩn bị, trình và ban hành đồng thời, nhất là khi luật, pháp lệnh giao chính quyền địa phương quy định chi tiết; đồng thời rà soát để thống nhất với khoản 3 Điều 51, vì theo điều khoản này không phải mọi văn bản quy định chi tiết đều có hiệu lực cùng thời điểm với văn bản được quy định chi tiết.	Tiếp thu Dự thảo đã bỏ yêu cầu chuẩn bị, trình đồng thời và bỏ quy định thời hạn tối thiểu 06 tháng tại Điều 51, qua đó thống nhất với nguyên tắc hiệu lực đồng thời tại Điều 8.
		Bộ Công an	Đề nghị quy định trường hợp một cơ quan được giao quy định chi tiết nhiều nội dung của một văn bản thì ban hành một văn bản để quy định chi tiết, trừ trường hợp cần quy định trong các văn bản khác nhau hoặc trường hợp khác do cơ quan được giao quy định chi tiết quyết định; nhằm xử lý trường hợp các nội dung có phạm vi áp dụng khác nhau hoặc có nội dung thuộc bí mật nhà nước.	khoản 4 đã có ngoại lệ khi khách quan cần quy định trong các văn bản khác nhau, bao gồm trường hợp khác biệt về phạm vi hoặc bảo vệ bí mật nhà nước; không giao toàn quyền cho cơ quan được giao quyết định vì sẽ làm vô hiệu nguyên tắc hạn chế nhiều văn bản.

		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai	Đề nghị xác định rõ khoản 1 áp dụng đối với loại văn bản nào và xử lý sự chưa thống nhất với khoản 3, vì khoản 3 chỉ quy định việc chuẩn bị, trình đồng thời văn bản quy định chi tiết đối với luật, pháp lệnh.	Tiếp thu Khoản 1 hiện áp dụng cho mọi văn bản có nội dung giao quy định chi tiết; yêu cầu riêng về chuẩn bị, trình đồng thời đối với luật, pháp lệnh đã được bỏ.
		Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị sửa “cơ quan nhà nước có thẩm quyền” thành quy định bao quát cả người có thẩm quyền; làm rõ phạm vi cấm lập lại nội dung; bổ sung quy định không được phân cấp hoặc giao tiếp nội dung được giao quy định chi tiết.	Tiếp thu Điều 8 đã sử dụng cụm từ “cơ quan, người có thẩm quyền”, xác định phạm vi cấm lập lại là nội dung của văn bản giao và không cho phép ủy quyền chủ thể khác quy định.
		Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đề nghị làm rõ cách thức, kỹ thuật thể hiện yêu cầu “phải phân biệt rõ các nội dung” giữa nội dung quy định chi tiết và biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành.	Khoản 3 kiểm soát bằng nguồn thẩm quyền và nội dung: phần quy định chi tiết phải bám đúng nội dung được giao, phần tổ chức thi hành phải thuộc thẩm quyền vốn có; không cần tách thành chương, mục riêng nếu vẫn nhận diện rõ qua từng điều khoản.
		Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị làm rõ văn bản quy định chi tiết có được đồng thời quy định các biện pháp hoặc chính sách khác thuộc thẩm quyền của địa phương ngoài biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành hay không.	Tiếp thu Khoản 3 cho phép văn bản quy định chi tiết đồng thời quy định nội dung khác được giao và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành thuộc thẩm quyền, nhưng không cho phép đặt chính sách mới vượt thẩm quyền.
		Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đề nghị quy định dự thảo văn bản quy định chi tiết là một thành phần của hồ sơ dự án luật, pháp lệnh và phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm.	Dự thảo đã bỏ yêu cầu trình đồng thời nên không quy định dự thảo văn bản chi tiết là thành phần bắt buộc của hồ sơ; trách nhiệm ban hành có hiệu lực đồng thời vẫn được giữ tại khoản 2 Điều 8.
		Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh	Đề nghị làm rõ tiêu chí xác định “trường hợp cần phải quy định trong các văn bản khác nhau”, tránh cách hiểu và áp dụng tùy nghi;	Nguyên tắc một cơ quan ban hành một văn bản thể chế hóa Kết luận số 09-KL/TW. Chỉ tách khi có yêu cầu

		Lào Cai, Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường đồng thời đề nghị cân nhắc yêu cầu gộp toàn bộ nội dung quy định chi tiết vào một văn bản vì có thể làm văn bản công kênh, khó tra cứu và sửa đổi.	khách quan về phạm vi, đối tượng, căn cứ pháp lý, chế độ công khai hoặc bí mật nhà nước; không tách chỉ vì văn bản dài hoặc thuận tiện sửa đổi.
		Đoàn ĐBQH tỉnh Gia Lai, Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính	Đề nghị bổ sung cơ chế theo dõi, đôn đốc, báo cáo và công khai tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết; xác định trách nhiệm giải trình khi chậm ban hành, không bảo đảm tiến độ hoặc hiệu lực đồng thời.	Tiếp thu Điều 70 quy định trách nhiệm của chủ thể được giao về tiến độ, chất lượng; Điều 73 yêu cầu cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác dữ liệu và tình trạng hiệu lực. Cơ chế lập danh mục, theo dõi, đôn đốc, báo cáo được quy định trong tổ chức thi hành.
		Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị bổ sung trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho địa phương ngay khi văn bản giao quy định chi tiết được thông qua, ký ban hành, làm cơ sở lập danh mục và chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện.	Tiếp thu Về yêu cầu chủ động; cơ chế thông báo, cập nhật danh mục nội dung giao quy định chi tiết cho địa phương thuộc biện pháp tổ chức thi hành và được quy định thống nhất trên hệ thống dữ liệu pháp luật.
	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật (Điều 9)	Sở Tư pháp tỉnh Bắc Ninh	<ul style="list-style-type: none"> - Tại khoản 2, đề nghị quy định rõ hình thức văn bản bãi bỏ trong trường hợp này là quy phạm pháp luật để thống nhất thực hiện; bởi lẽ: (i) tại khoản 1 quy định hình thức văn bản quy phạm pháp luật đối với việc “sửa đổi, bổ sung, thay thế”; (ii) tại khoản 2 đã loại trừ trường hợp bãi bỏ bằng văn bản hành chính đối với trường hợp thuộc điểm a và điểm b khoản 2 Điều 52 của Luật. - Tại khoản 5, đề nghị nghiên cứu thêm đối với trường hợp bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật do chủ thể khác cùng cấp ban hành của cùng loại văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành trước đó để đảm bảo tính phù hợp thực tiễn, tiết kiệm 	Khoản 2 sử dụng “văn bản” để cho phép bãi bỏ bằng văn bản hành chính khi chỉ chấm dứt hiệu lực mà không đặt ra quy phạm mới; trường hợp sửa đổi, thay thế phải bằng văn bản quy phạm pháp luật. Việc bãi bỏ văn bản của chủ thể khác chỉ thực hiện khi luật xác định thẩm quyền hoặc trong trường hợp kế thừa thẩm quyền do sắp xếp tổ chức bộ máy.

			<p>rút ngắn thủ tục trong xử lý văn bản QPPL, đơn cử như trường hợp một nội dung quy định chi tiết được giao thẩm quyền ban hành cho UBND cấp tỉnh, nhưng sau một thời gian nội dung quy định chi tiết đó được giao thẩm quyền ban hành cho Chủ tịch UBND tỉnh – có sự thay đổi về thẩm quyền ban hành quy định chi tiết – trường hợp này cần nghiên cứu mở rộng thêm phạm vi xử lý văn bản có cùng nội dung được giao quy định nhưng do thay đổi chủ thể có thẩm quyền quy định trong cùng một cấp hành chính đối với cùng loại văn bản quy phạm pháp luật quy định.</p>	
		Thường trực Ủy ban Văn hóa và Xã hội	<p>Đề nghị không căn cứ chủ yếu vào tỷ lệ số điều được sửa đổi; chỉ ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung khi nội dung sửa đổi mang tính đơn lẻ, cấp bách, không làm thay đổi chính sách cơ bản; cơ quan trình phải giải trình việc lựa chọn hình thức văn bản trong Tờ trình và nội dung này thuộc phạm vi thẩm tra.</p>	<p>Khoản 5 Điều 9 kết hợp tiêu chí định tính về thay đổi chính sách, phạm vi, đối tượng với tiêu chí định lượng chỉ tính các điều sửa đổi về nội dung. Giới hạn như đề nghị sẽ loại trừ trường hợp cần sửa đổi đồng bộ nhưng chưa thay đổi chính sách cơ bản; việc lựa chọn hình thức đã được thể hiện trong Tờ trình và xem xét khi thẩm tra theo Điều 35.</p>
		STP tỉnh Đồng Nai	<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo thuyết minh làm rõ hơn nội dung quy định “Trường hợp bãi bỏ pháp lệnh thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội có trách nhiệm báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.</p>	<p>Pháp lệnh tại khoản 1 Điều 12 được ban hành trên cơ sở Quốc hội giao; do đó, khi bãi bỏ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội để bảo đảm trách nhiệm và sự giám sát đối với việc thực hiện thẩm quyền được giao.</p>
		STP TP Hà Nội	<p>Đề nghị làm rõ hình thức văn bản được sử dụng trong trường hợp chỉ bãi bỏ toàn bộ một văn bản quy phạm pháp luật mà không đồng thời ban hành quy định mới để thay thế hoặc điều chỉnh nội dung của văn bản bị bãi bỏ.</p>	<p>Trường hợp chỉ bãi bỏ toàn bộ mà không đặt ra quy phạm mới có thể sử dụng văn bản hành chính của cơ quan, người có thẩm quyền theo khoản 2; trường hợp đồng thời quy định nội</p>

				dung mới phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
	STP TP Hà Nội	Đề nghị nghiên cứu quy định trường hợp văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung từ 03 lần trở lên thì được xem xét ban hành văn bản mới để thay thế, nhằm thuận lợi cho việc theo dõi, hệ thống hóa, hợp nhất và áp dụng thống nhất.		Không quy định cứng số lần sửa đổi vì một lần sửa đổi có thể rất lớn, nhiều lần sửa đổi có thể chỉ mang tính kỹ thuật. Điều 9 sử dụng tiêu chí thay đổi cơ bản hoặc quá một phần hai nội dung để xác định trường hợp phải ban hành văn bản thay thế.
	STP TP Hà Nội	Đề nghị rà soát điểm d khoản 6 để làm rõ các yêu cầu “xử lý kịp thời, đồng bộ” quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp phải đồng thời được đáp ứng hay được lựa chọn tùy từng trường hợp.		Yêu cầu “kịp thời, đồng bộ” là yêu cầu chung đối với việc xử lý nhóm quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp, không phải các điều kiện độc lập để lựa chọn; cơ quan đề xuất phải chứng minh sự liên hệ của các nội dung được xử lý.
	Bộ Công Thương	Đề nghị: (i) một văn bản chỉ được sửa đổi, bổ sung một lần, nếu tiếp tục phát sinh yêu cầu thì ban hành văn bản mới thay thế; (ii) làm rõ hình thức văn bản bãi bỏ; (iii) làm rõ tiêu chí “thay đổi cơ bản chính sách”, cách tính điều được sửa đổi khi chỉ sửa một phần nhỏ và tiêu chí “nhóm lĩnh vực” khi một văn bản sửa nhiều văn bản.		Không giới hạn một lần sửa đổi vì không phản ánh thực chất mức độ thay đổi; hình thức bãi bỏ được xác định theo việc có hay không đặt ra quy phạm mới. Khoản 5 đã quy định hai tiêu chí thay thế là thay đổi cơ bản chính sách, phạm vi, đối tượng hoặc sửa quá một phần hai nội dung.
	Bộ Tài chính	Đề nghị bổ sung trường hợp phải ban hành văn bản thay thế khi sửa đổi nhiều nội dung, phụ lục của văn bản ban hành kèm quy chế, phụ lục, biểu mẫu; bổ sung nguyên tắc văn bản cấp trên có thể bãi bỏ văn bản cấp dưới; chỉnh lý điểm d khoản 7 theo hướng xử lý quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không còn áp dụng được được phát hiện qua tổ chức thi hành VBQPPL.		Tiếp thu Điểm b khoản 5 đã bao quát trường hợp sửa quá một phần hai nội dung của văn bản ban hành kèm theo; khoản 2 cho phép cơ quan, người có thẩm quyền bãi bỏ và điểm d khoản 7 cho phép xử lý đồng bộ quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp.

		Cục Pháp luật quốc tế và Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Đề nghị làm rõ hình thức văn bản dùng để bãi bỏ là văn bản hành chính hay VBQPPL, cấp nào là “cơ quan, người có thẩm quyền”; bổ sung, làm rõ thẩm quyền bãi bỏ thông tư liên tịch.	Văn bản chỉ bãi bỏ có thể là văn bản hành chính; thẩm quyền bãi bỏ được xác định theo Hiến pháp, luật tổ chức bộ máy và quy định về kiểm tra, xử lý văn bản. Thông tư liên tịch được bãi bỏ bởi các chủ thể đã liên tịch ban hành hoặc cơ quan, người có thẩm quyền theo luật.
		Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau	Đề nghị làm rõ văn bản dùng để bãi bỏ theo khoản 2 là văn bản hành chính hay văn bản quy phạm pháp luật; bổ sung trường hợp “sửa đổi, bổ sung nội dung chính” vào các trường hợp phải ban hành văn bản thay thế tại điểm b khoản 4.	Khoản 2 cho phép dùng văn bản hành chính khi chỉ bãi bỏ, không đặt quy phạm mới. Điểm a khoản 5 đã bao quát trường hợp sửa đổi làm thay đổi cơ bản chính sách, phạm vi điều chỉnh hoặc đối tượng áp dụng.
		Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;	Đề nghị xem xét lại tiêu chí “sửa đổi, bổ sung quá một phần hai tổng số điều” vì chưa phản ánh thực chất mức độ thay đổi của văn bản. Đồng thời, đề nghị rà soát quy định về việc thay thế, bãi bỏ nhiều văn bản để bảo đảm phù hợp với định hướng chỉ sửa đổi nhiều văn bản khi có mối liên hệ chặt chẽ về nội dung hoặc cùng lĩnh vực.	Tiêu chí quá một phần hai là ngưỡng khách quan để tránh tùy nghi và được áp dụng cùng tiêu chí thay đổi cơ bản chính sách, phạm vi, đối tượng; khoản 7 đã giới hạn việc xử lý nhiều văn bản theo quan hệ nội dung hoặc nhóm lĩnh vực.
		Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;	Đề nghị xem xét tiêu chí “sửa đổi, bổ sung về nội dung quá một phần hai tổng số điều”, vì văn bản quy định về phân cấp thường chỉ có từ 03 đến 04 điều nên áp dụng tỷ lệ này có thể bất cập.	Khoản 5 áp dụng đồng thời tiêu chí định lượng và tiêu chí thay đổi cơ bản; đối với văn bản ít điều, việc có phải thay thế còn căn cứ bản chất nội dung sửa đổi, không chỉ số lượng điều.
		Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai	Đề nghị quy định rõ hình thức văn bản mà cơ quan, người có thẩm quyền cấp trên sử dụng để đình chỉ hoặc bãi bỏ văn bản. Đồng thời, đề nghị quy định số lần tối đa được sửa đổi, bổ sung một văn bản; vượt quá số lần đó thì phải ban hành văn bản thay thế.	hình thức đình chỉ, bãi bỏ phụ thuộc việc văn bản xử lý có đặt ra quy phạm mới hay không và thẩm quyền theo pháp luật có liên quan. Không ấn định số lần sửa đổi vì số lần không phản ánh mức độ thay đổi; khoản 5 sử dụng tiêu chí nội dung thay thế.

		Bộ Công an	Đề nghị tại khoản 4 xác định trường hợp phải ban hành văn bản thay thế căn cứ vào việc sửa đổi, bổ sung quá một phần hai nội dung của văn bản, thay vì chỉ căn cứ tổng số điều, để bao quát cả việc thay thế phụ lục, quy chế, biểu mẫu; đồng thời bỏ cụm từ “của Đảng” tại điểm d khoản 6 để phù hợp các chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và thực tiễn rà soát văn bản.	Tiếp thu Khoản 5 đã bổ sung tiêu chí quá một phần hai nội dung của văn bản ban hành kèm theo, bao quát quy chế, phụ lục, biểu mẫu; điểm d khoản 7 hiện không còn giới hạn ở việc thực hiện chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền của Đảng.
		Văn phòng Bộ Tư pháp	Đề nghị quy định cụ thể văn bản dùng để bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người đã ban hành được thực hiện bằng văn bản hành chính hay văn bản quy phạm pháp luật, tránh lúng túng trong quá trình thực hiện.	Văn bản chỉ bãi bỏ, không đặt ra quy phạm mới được thực hiện bằng văn bản hành chính; nếu đồng thời sửa đổi, thay thế hoặc ban hành quy phạm mới thì phải sử dụng văn bản quy phạm pháp luật đúng thẩm quyền.
		Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai; Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa	Đề nghị làm rõ tiêu chí “thay đổi cơ bản” và cách xác định việc sửa đổi, bổ sung quá một phần hai tổng số điều; đề nghị làm rõ việc tính cộng dồn qua các lần sửa đổi và trường hợp sửa kỹ thuật, còn Thường trực HĐND tỉnh Lào Cai đề nghị có cơ chế xử lý khi yêu cầu thay thế chỉ phát sinh trong quá trình soạn thảo.	“thay đổi cơ bản” được xác định theo chính sách, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; tỷ lệ được tính trên nội dung văn bản tại thời điểm đề xuất, không tính sửa đổi thuần túy kỹ thuật. Nếu trong quá trình soạn thảo vượt ngưỡng, cơ quan soạn thảo phải chuyển sang văn bản thay thế.
		Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đề nghị bổ sung trường hợp một văn bản quy phạm pháp luật được ban hành để bãi bỏ nhiều văn bản không còn hiệu lực hoặc không còn được áp dụng; đồng thời làm rõ cấp cơ quan có thẩm quyền của Đảng tại điểm d khoản 6.	Tiếp thu Khoản 7 cho phép một văn bản bãi bỏ nhiều văn bản khi các nội dung có liên quan chặt chẽ, cùng điều chỉnh một nhóm lĩnh vực hoặc cần xử lý đồng bộ; thẩm quyền của Đảng được xác định theo khái niệm “cấp có thẩm quyền” tại Điều 3.
		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tại khoản 2, đề nghị làm rõ “cơ quan, người có thẩm quyền” là chủ thể nào và được xác định tại văn bản nào.	“cơ quan, người có thẩm quyền” là chủ thể có quyền bãi bỏ theo Hiến pháp, luật tổ chức bộ máy, pháp luật về giám sát, kiểm tra và xử lý văn bản;

				không thể liệt kê cố định tại Điều 9 vì thẩm quyền phụ thuộc từng loại văn bản.
		Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng	Tại khoản 1, đề nghị quy định cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không được phân cấp, ủy quyền tiếp. Tại khoản 3, đề nghị bổ sung cụm từ “Dự thảo văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh phải được chuẩn bị...” và làm rõ yêu cầu về việc văn bản quy định chi tiết phải có hiệu lực cùng thời điểm áp dụng đối với văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh hay đối với mọi văn bản quy định chi tiết. Đồng thời, đề nghị bổ sung cách xác định nội dung giao quy định chi tiết, theo hướng nội dung được giao phải chứa cụm từ “quy định chi tiết” để phân biệt với “nội dung khác được giao”, tạo thuận lợi cho việc tổ chức thi hành.	Nội dung góp ý thuộc Điều 8. Dự thảo đã cấm ủy quyền tiếp và yêu cầu mọi văn bản quy định chi tiết có hiệu lực đồng thời; không yêu cầu trình đồng thời hoặc bắt buộc dùng cụm từ “quy định chi tiết”, vì thẩm quyền giao được xác định ngay tại điều, khoản, điểm hoặc điều khoản thi hành.
		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp	Tại khoản 6, đề nghị không giới hạn trường hợp này ở việc thực hiện chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền của Đảng; khi rà soát phát hiện quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp thì cơ quan có thẩm quyền cũng cần được ban hành một văn bản để xử lý kịp thời, đồng bộ.	Tiếp thu Điểm d khoản 7 hiện cho phép xử lý kịp thời, đồng bộ các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp mà không giới hạn ở trường hợp có chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền của Đảng.
		Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai	Tại khoản 3, đề nghị thuyết minh, làm rõ quy định “Trường hợp bãi bỏ pháp lệnh thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội có trách nhiệm báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất”.	Pháp lệnh tại khoản 1 Điều 12 được ban hành đối với vấn đề chưa có luật điều chỉnh do Quốc hội giao. Vì vậy, việc Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo tại kỳ họp gần nhất bảo đảm Quốc hội giám sát việc chấm dứt hiệu lực của văn bản được ban hành theo thẩm quyền được giao, không phải thủ tục xin phép trước.

		Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng	Tại khoản 4, đề nghị bổ sung trường hợp ban hành văn bản thay thế khi: (i) sửa đổi, bổ sung không quá một phần hai tổng số điều nhưng đã sửa đổi, bổ sung toàn bộ nội dung chính thuộc phạm vi điều chỉnh; (ii) thay thế văn bản đang có hiệu lực trong phạm vi địa giới của đơn vị hành chính trước khi thành lập, giải thể, chia, nhập hoặc điều chỉnh địa giới theo điểm d khoản 2 Điều 52.	Tiếp thu Khoản 5 Điều 9 đã bổ sung trường hợp phải ban hành văn bản thay thế khi thay đổi cơ bản chính sách, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng hoặc sửa đổi quá một phần hai nội dung. Trường hợp thay đổi địa giới được xử lý theo điểm d khoản 2 Điều 52, theo đó văn bản tiếp tục có hiệu lực cho đến khi được sửa đổi, thay thế hoặc bãi bỏ.
		Bộ Nội vụ	Đề nghị làm rõ hình thức văn bản bãi bỏ tại khoản 2, khoản 3 là văn bản hành chính hay văn bản quy phạm pháp luật; tại khoản 6, đề nghị quy định điều kiện ban hành một văn bản sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản theo tiêu mục 2.1 Mục 2 Kết luận số 09-KL/TW thay vì liệt kê các trường hợp, hoặc thuyết minh đầy đủ căn cứ và lý do nếu giữ dự thảo.	Khoản 2, khoản 3 quy định theo thẩm quyền xử lý và không mặc định mọi văn bản chỉ để bãi bỏ là văn bản quy phạm pháp luật; trường hợp chỉ để bãi bỏ được áp dụng thủ tục rút gọn theo khoản 2 Điều 48. Khoản 7 đã cụ thể hóa các trường hợp sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản, bảo đảm nội dung có liên quan chặt chẽ hoặc cần được xử lý đồng bộ.
		Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị làm rõ tiêu chí “có liên quan chặt chẽ về nội dung” để thuận lợi, thống nhất khi xác định trường hợp một văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ nhiều văn bản.	“liên quan chặt chẽ về nội dung” được xác định qua cùng mục tiêu chính sách, nhóm quan hệ xã hội, đối tượng hoặc chuỗi quy định cần xử lý đồng bộ; liệt kê cứng có thể bỏ sót tình huống phát sinh.
	Gửi, lưu trữ và đăng tải VBQPPL (Điều 10)	Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau	Đề nghị tích hợp Công báo và Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật thành một hình thức đăng tải chính thống duy nhất trên Cổng Pháp luật quốc gia; sửa khoản 4 để công nhận giá trị pháp lý như văn bản gốc đối với văn bản được đăng tải trên Cổng.	Công báo điện tử có chức năng công bố chính thức, còn Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật phục vụ cập nhật, tra cứu, kết nối dữ liệu; hai hệ thống có thể liên thông nhưng không đồng nhất chức năng. Vì vậy, giá trị như bản gốc được gắn với văn bản đăng Công báo điện tử.

		Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai	Đề nghị bổ sung từ “ban hành” vào quy định về văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt phải đăng tải trên công báo điện tử cấp tỉnh, để thống nhất với cách diễn đạt đối với văn bản của cơ quan trung ương.	Cụm từ “văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân...” đã bao hàm văn bản do các chủ thể này ban hành; bổ sung từ “ban hành” không làm rõ thêm nội dung.
		Cục Pháp luật quốc tế và Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Đề nghị quy định giá trị pháp lý của văn bản đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, tương ứng với quy định về giá trị của văn bản đăng trên công báo điện tử.	Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật là nguồn khai thác, tra cứu và có thể tiếp nhận dữ liệu liên thông; giá trị như bản gốc chỉ xác lập đối với văn bản đăng Công báo điện tử để bảo đảm một nguồn công bố chính thức.
		Bộ Xây dựng	Đề nghị cho phép đăng tải trực tiếp hoặc thông qua kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu giữa Cổng thông tin điện tử của cơ quan và Cổng Pháp luật quốc gia, tránh cập nhật thủ công trùng lặp nhưng vẫn bảo đảm nội dung, thời gian.	Điều 73 xác lập nguyên tắc ứng dụng công nghệ số và cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Cách thức kết nối, tích hợp, đồng bộ giữa các cổng thông tin là yêu cầu kỹ thuật do Chính phủ quy định, phù hợp kiến trúc dữ liệu và hạ tầng từng thời kỳ, không quy định cứng trong Luật.
		Bộ Công an	Đề nghị chỉnh lý theo hướng không đăng tải trên công báo điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật đối với văn bản có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước hoặc văn bản có quy định không đăng tải công khai trên mạng.	Tiếp thu Khoản 3 Điều 10 đã quy định không đăng tải văn bản có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước hoặc văn bản, điều ước quốc tế có quy định không đăng tải.
	Luật của Quốc hội về thực hiện thí điểm (Điều 11)	Bộ Công an	Đề nghị cân nhắc quy định Quốc hội ban hành luật để thực hiện thí điểm chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội, vì luật có tính ổn định lâu dài trong khi thí điểm thường mang tính tạm thời và cần được điều chỉnh linh hoạt theo thực tiễn.	Khi không tiếp tục hình thức nghị quyết quy phạm pháp luật của Quốc hội, luật là hình thức phù hợp để Quốc hội quyết định chính sách thí điểm. Điều 20 yêu cầu xác định rõ phạm vi, thời hạn, cơ chế đánh giá, điều chỉnh và kết thúc để bảo đảm tính linh hoạt.

		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tại khoản 9, đề nghị làm rõ thẩm quyền, căn cứ, phạm vi và giới hạn của văn bản quy định chi tiết luật thí điểm, nhất là việc văn bản này có được quy định khác văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên hay không.	văn bản quy định chi tiết luật thí điểm chỉ được cụ thể hóa nội dung trong phạm vi được giao và không được trái luật; việc thí điểm khác văn bản cấp trên phải được chính luật hoặc văn bản có thẩm quyền cho phép, không phát sinh từ văn bản quy định chi tiết.
		Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đề nghị làm rõ tiêu chí xác định luật mới và luật thí điểm.	Luật thí điểm phải đáp ứng phạm vi, nguyên tắc, thời hạn và cơ chế kiểm soát tại Điều 20. “Luật mới” được xác định theo phạm vi điều chỉnh và quan hệ với hệ thống pháp luật hiện hành; không bổ sung khái niệm riêng để tránh làm cứng tiêu chí đối với các dự án có tính chất khác nhau.
		Kiểm toán nhà nước	Tại khoản 3, đề nghị xem xét lại yêu cầu chuẩn bị, trình và ban hành đồng thời vì trong một số trường hợp phải ban hành nhiều văn bản quy định chi tiết cùng lúc, khó bảo đảm tính khả thi.	Tiếp thu Dự thảo hiện không còn yêu cầu dự thảo văn bản quy định chi tiết phải chuẩn bị, trình đồng thời, chỉ giữ trách nhiệm bảo đảm hiệu lực đồng thời tại Điều 8.
		Kiểm toán nhà nước	Tại khoản 4, đề nghị quy định tiêu chí cụ thể cho trường hợp ngoại lệ phải quy định trong các văn bản khác nhau, như khác biệt về thời gian có hiệu lực, lĩnh vực chuyên môn độc lập hoặc bí mật nhà nước; đồng thời làm rõ chủ thể quyết định trường hợp ngoại lệ.	Ngoại lệ tách văn bản tại khoản 4 Điều 8 chỉ áp dụng khi có căn cứ khách quan về phạm vi, đối tượng, căn cứ pháp lý hoặc bảo vệ bí mật nhà nước; chủ thể được giao phải chịu trách nhiệm giải trình về việc tách.
		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tại khoản 3, đề nghị làm rõ “trình đồng thời” là trình ở giai đoạn nào và yêu cầu về mức độ hoàn thiện của dự thảo văn bản quy định chi tiết.	Tiếp thu Dự thảo đã bỏ yêu cầu “trình đồng thời”, nên không còn phải xác định giai đoạn trình và mức độ hoàn thiện của dự thảo văn bản quy định chi tiết.
	Nghị định của Chính phủ (Điều 14)	STP tỉnh Hưng Yên	Đề nghị quy định rõ hình thức thể hiện “sự đồng ý” của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi Chính phủ ban hành nghị định để	Ý kiến đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được thể hiện bằng văn bản theo trình tự hoạt động của Ủy ban

			quy định vấn đề cần thiết thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật; đồng thời quy định thời hạn xem xét và cách xử lý trường hợp không đồng ý để bảo đảm tính khả thi và kiểm soát chặt chẽ thẩm quyền này.	Thường vụ Quốc hội; quy định chi tiết hình thức, thời hạn xử lý thuộc quy chế làm việc, không cần ấn định trong điều về thẩm quyền ban hành nghị định.
		Bộ Tài chính	Đề nghị quy định theo hướng nghị định quy định các biện pháp để tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, pháp lệnh, lệnh; bỏ cụm từ “những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của từ 02 Bộ, cơ quan ngang Bộ trở lên”.	Nội dung liên quan từ hai Bộ, cơ quan ngang Bộ trở lên thuộc thẩm quyền điều hành thống nhất của Chính phủ, không phù hợp giao một Bộ quy định; vì vậy cần giữ để phân định với thẩm quyền ban hành thông tư.
		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đề nghị bổ sung dấu hiệu nhận diện nghị định được ban hành theo khoản 4 Điều 14 để xác định đúng trình tự, thủ tục và hồ sơ khi sửa đổi, bổ sung.	Nghị định theo khoản 4 được nhận diện trực tiếp qua nội dung tạm ngưng, điều chỉnh hiệu lực hoặc kéo dài thời hạn áp dụng nghị định; trình tự, hồ sơ cụ thể được Chính phủ quy định theo Điều 43.
		Thường trực Hội đồng Dân tộc	Đề nghị bổ sung trách nhiệm của Chính phủ báo cáo Quốc hội về việc ban hành và nội dung nghị định quy định vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.	Khoản 6 yêu cầu Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi ban hành, bảo đảm kiểm soát trước; Quốc hội tiếp tục giám sát theo thẩm quyền nên không cần thêm thủ tục báo cáo bắt buộc tại kỳ họp gần nhất.
		Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị giới hạn nghị định chỉ quy định vấn đề cần thiết trong phạm vi được Quốc hội cho phép; không đặt ra hạn chế quyền, điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính, nghĩa vụ tài chính, hành vi vi phạm hoặc chế tài mới nếu chưa có căn cứ từ luật, nghị quyết của Quốc hội. Luật cần quy định chuẩn thủ tục tối thiểu về căn cứ, phạm vi ủy quyền, đánh giá tác động, công khai, tham vấn, thẩm định, tiếp thu, giải trình, kiểm tra và công bố.	Khoản 6 chỉ cho phép trong phạm vi đã báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội; mọi hạn chế quyền con người, quyền công dân vẫn phải tuân thủ khoản 2 Điều 14 Hiến pháp. Các yêu cầu đánh giá tác động, thẩm định, công khai và tiếp thu được áp dụng theo quy trình xây dựng nghị định.

		Bộ Công Thương	Đề nghị làm rõ lý do bổ sung khoản 7 để tránh trùng nội hàm với khoản 4; làm rõ sự cần thiết và ranh giới giữa cơ chế nghị định điều chỉnh luật tại khoản 8 với cơ chế pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại khoản 6 Điều 12.	Khoản 5 Điều 14 quy định thí điểm chính sách thuộc thẩm quyền Chính phủ hoặc khác với nghị định hiện hành, khác khoản 4 về xử lý hiệu lực nghị định. Khoản 7 áp dụng đối với luật do Chính phủ trình; khoản 6 Điều 12 áp dụng đối với luật không do Chính phủ trình. Phạm vi, chủ thể đề xuất và cơ chế kiểm soát khác nhau nên không trùng lặp.
	Phân định nội dung của luật, nghị định và quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Điều 11, Điều 14, Điều 15)	Bộ Nội vụ	Đề nghị bổ sung tiêu chí rõ ràng để phân định cấp độ văn bản: luật quy định chính sách cơ bản, nguyên tắc, quyền, nghĩa vụ, điều kiện và vấn đề tác động lớn; nghị định quy định chi tiết và biện pháp tổ chức thi hành, không đặt chính sách mới hoặc hạn chế quyền vượt phạm vi luật giao; quyết định của Thủ tướng chủ yếu quy định chỉ đạo, điều hành, phân công, phối hợp, phân cấp và tổ chức thực hiện. - Tại khoản 8, khoản 9 Điều 14, đề nghị cần nhắc vì Kết luận số 09-KL/TW định hướng cơ chế làm trước, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất, trong khi dự thảo quy định theo hướng xin ý kiến trước, làm sau.	Các điều 11, 14 và 15 đã phân định nội dung theo thẩm quyền hiến định của Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ. Việc báo cáo hoặc xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi Chính phủ quy định vấn đề thuộc thẩm quyền Quốc hội hoặc điều chỉnh luật là cơ chế kiểm soát quyền lực, bảo đảm tính hợp hiến, không phải quy trình xây dựng nghị định thông thường.
	Thông tư, thông tư liên tịch (Điều 17)	STP tỉnh Đồng Nai	Tại khoản 3, đề nghị bổ cục nội dung “Không ban hành thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ” vào khoản 9 Điều 4 về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp.	Điều 4 xác định hình thức thông tư liên tịch trong hệ thống; quy định không liên tịch giữa các Bộ trưởng tại Điều 17 là giới hạn thẩm quyền, đặt tại điều quy định nội dung thông tư để bảo đảm logic.
		Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đề nghị quy định cụ thể phạm vi thẩm quyền ban hành thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao để quản lý thống	Tiếp thu Khoản 2 Điều 17 đã quy định Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

			nhất tổ chức, hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự và quy định các vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc được giao tại Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và luật, pháp lệnh, lệnh khác.	ban hành thông tư về tổ chức, hoạt động và vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc được giao theo Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và luật, pháp lệnh, lệnh khác.
		Bộ Công Thương	Đề nghị quy định Bộ trưởng ban hành thông tư để quy định chi tiết nội dung được giao trong nghị định, quyết định của Thủ tướng và biện pháp chuyên môn, kỹ thuật thực hiện chức năng quản lý. Trường hợp đặc biệt giao trực tiếp tại luật, pháp lệnh thì cơ quan chủ trì phải giải trình sự cần thiết, nội dung và phạm vi giao.	Tiếp thu Khoản 3 Điều 17 hiện cho phép Bộ trưởng quy định nội dung được giao trong luật, pháp lệnh, lệnh, nghị định, quyết định của Thủ tướng và biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước, phân cấp.
		Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị làm rõ khái niệm “biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước” để thuận lợi trong áp dụng.	“biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước” là biện pháp chuyên môn, kỹ thuật thuộc ngành, lĩnh vực và trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng; không được đặt chính sách hoặc nghĩa vụ vượt thẩm quyền.
		Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai	Tại khoản 5, đề nghị chuyển nội dung “Không ban hành thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ” vào khoản 9 Điều 4 về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.	Điều 4 chỉ xác định các hình thức văn bản trong hệ thống; quy định không ban hành thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ là giới hạn thẩm quyền nên được đặt tại Điều 17 để gắn trực tiếp với chủ thể, phạm vi nội dung của thông tư liên tịch.
		Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai	Đề nghị chỉnh lý cách liệt kê các chủ thể có thẩm quyền ban hành thông tư liên tịch, tránh cách hiểu tất cả các chủ thể được liệt kê có thể cùng ban hành một thông tư liên tịch.	Tiếp thu Khoản 5 Điều 17 và Điều 47 được hiểu theo hướng thông tư liên tịch do hai hoặc nhiều chủ thể có thẩm quyền, có nội dung liên quan phối hợp ban hành; không bắt buộc toàn bộ các chủ

				thể được liệt kê cùng ký một thông tư liên tịch.
VBQPPL của chính quyền địa phương cấp tỉnh (Điều 18)	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ	Đề nghị bổ sung thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để tạm ngưng, điều chỉnh hiệu lực hoặc kéo dài thời hạn áp dụng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, tương tự thẩm quyền của Chính phủ tại khoản 6 Điều 14.	Điều 54 đã quy định nguyên tắc chung, theo đó chính cơ quan ban hành có quyền tạm ngưng toàn bộ hoặc một phần văn bản của mình; vì vậy HĐND cấp tỉnh đã có thẩm quyền và không cần lập lại tại Điều 18.	
	Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ	Đề nghị làm rõ trường hợp nghị định hoặc thông tư quy định việc “phân cấp” cho địa phương thì có được xác định là nội dung được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên theo điểm b khoản 1, điểm c khoản 2 hay không.	Phân cấp nhiệm vụ quản lý không mặc nhiên bao gồm giao thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Chỉ khi văn bản cấp trên xác định rõ nội dung và chủ thể quy định thì mới là giao quy định chi tiết theo Điều 8.	
	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai	Đề nghị trường hợp cùng một lĩnh vực có nội dung được giao thuộc thẩm quyền của cả Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì cân nhắc giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành một văn bản thống nhất để thuận lợi áp dụng, tiết kiệm nguồn lực.	HĐND và UBND là hai chủ thể có thẩm quyền khác nhau; nội dung đã được giao đích danh phải do đúng chủ thể ban hành, không thể gộp vào một văn bản của UBND vì mục tiêu tinh gọn.	
	Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng; Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng	Đề nghị quy định cụ thể hơn các khái niệm “biện pháp thi hành”, “biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước”, “vấn đề khác thuộc thẩm quyền” và “chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành”; nghiên cứu giới hạn thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương chủ yếu trong trường hợp được văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên giao quy định cụ thể.	Các nội dung này được xác định theo nhiệm vụ, quyền hạn tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và luật chuyên ngành; Điều 18 chỉ xác lập phạm vi khái quát để bảo đảm quyền chủ động địa phương nhưng vẫn chịu giới hạn tại Điều 5 và văn bản cấp trên.	
	Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk	Đề nghị làm rõ trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung được giao tại văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương thì có phải lập danh mục văn	Quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh nếu quy định chi tiết nội dung được giao vẫn thuộc phạm vi Điều 8 và phải được lập danh mục, theo dõi	

			bản quy định chi tiết và nội dung được giao quy định hay không.	như các văn bản quy định chi tiết khác.
	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn		Tại điểm a khoản 1, đề nghị làm rõ “các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên” là nội dung được giao trong luật hay nghị định. Tại điểm b khoản 3, đề nghị quy định cụ thể “vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”, tránh quy định quá chung.	Nội dung này sẽ được quy định ở văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật.
	Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa		Đề nghị rà soát điểm c khoản 1 về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách, bảo đảm thống nhất với điểm c khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15. Đồng thời, đề nghị làm rõ các nhóm nội dung thuộc thẩm quyền ban hành quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có được tích hợp trong một văn bản hay phải ban hành riêng; trường hợp tích hợp thì xác định rõ trình tự, thủ tục, đăng ký xây dựng, thời điểm có hiệu lực và trách nhiệm tổ chức thực hiện.	Tiếp thu Điểm c khoản 1 Điều 18 đã dẫn chiếu Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các luật khác. Dự thảo không bắt buộc tách riêng các nhóm nội dung trong quyết định của Ủy ban nhân dân; việc tích hợp phải đúng thẩm quyền, còn trình tự, thủ tục được Chính phủ quy định theo Điều 43.
	Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên; Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai		- Cần quy định cụ thể hơn về phạm vi, nội dung cơ chế, chính sách được thí điểm, phân biệt với việc ban hành văn bản để thực hiện thí điểm thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Chính phủ và việc ban hành nghị quyết quy định biện pháp đặc thù thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh. - Đề nghị quy định rõ hơn về “Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh” làm cơ sở để phân định với thẩm quyền của UBND cấp tỉnh trong việc ban hành quyết định để quy định các nội dung tại điểm	Tiếp thu Điều 20 đã quy định phạm vi, giới hạn thí điểm; khoản 3 Điều 18 hiện bỏ cụm từ “vấn đề khác thuộc thẩm quyền” và chỉ giữ quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh về phân cấp, thực hiện nhiệm vụ được phân quyền, phân cấp.

			b, c khoản 2 Điều 18 dự thảo Luật (“b)Biện pháp thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; c) Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương...”); bởi trong thực tế, việc xác định thẩm quyền chung của UBND tỉnh trong việc tổ chức thi hành Hiến pháp, văn bản cấp trên, nghị quyết của HĐND cùng cấp, tổ chức thực hiện quản lý hành chính nhà nước tại địa phương và thẩm quyền riêng của Chủ tịch UBND tỉnh trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các công việc của UBND tỉnh theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Luật Tổ chức chính quyền địa phương còn có nhiều quan điểm khác nhau.	
	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi		Tại điểm b khoản 1, đề nghị giới hạn “biện pháp khác có tính chất đặc thù” trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật có liên quan, bảo đảm phân định với thẩm quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Tiếp thu Về giới hạn thẩm quyền; biện pháp đặc thù tại điểm b khoản 1 chỉ được ban hành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, phù hợp điều kiện địa phương và phải tuân thủ Điều 5, không được trái văn bản cấp trên.
	Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ		Tại điểm c khoản 1, đề nghị quy định HĐND cấp tỉnh thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật có liên quan, tránh cách hiểu dự thảo tạo lập một thẩm quyền thí điểm độc lập.	Tiếp thu Điểm c khoản 1 Điều 18 đã quy định HĐND cấp tỉnh chỉ thực hiện thí điểm theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các luật khác, không tạo thẩm quyền thí điểm độc lập.
	Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang		Tại khoản 3, đề nghị nghiên cứu, bổ sung trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định quy phạm pháp luật	Khoản 3 Điều 18 được thu hẹp, chỉ giữ thẩm quyền quy định về phân cấp và thực hiện nhiệm vụ được phân

			để quy định “nội dung được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên” vì thực tế có nhiều văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Trung ương giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định các nội dung có chứa quy phạm pháp luật (như: Ban hành Quy chế, ban hành quy trình, trình tự, thủ tục...). Đồng thời, xem xét quy định cụ thể hơn.	quyền, phân cấp nhằm kiểm soát việc ban hành quy phạm của cá nhân. Nội dung cấp trên giao cho địa phương phải xác định đúng chủ thể theo Điều 8.
	Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế; Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ, Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp		Đề nghị thu hẹp phạm vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều 18 vì quy định hiện tại “vấn đề khác thuộc thẩm quyền...” quá rộng, khó xác định nội dung và thẩm quyền ban hành văn bản của Chủ tịch UBND cấp tỉnh; thay bằng quy định về chi tiết các điều, khoản, điểm và nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.	Tiếp thu Khoản 3 Điều 18 đã bỏ quy định mở “vấn đề khác thuộc thẩm quyền” và thu hẹp vào phân cấp, thực hiện nhiệm vụ được phân quyền, phân cấp.
	Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng		Đề nghị tách riêng quy định về biện pháp đặc thù, phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; đồng thời làm rõ, thu hẹp phạm vi “vấn đề khác thuộc thẩm quyền” của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, chỉ bao gồm những vấn đề được pháp luật giao cụ thể hoặc phân cấp, ủy quyền.	Tiếp thu Điều 18 đã phân định riêng biện pháp thi hành, biện pháp quản lý và phân cấp của UBND; thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh được thu hẹp, không còn cụm từ “vấn đề khác thuộc thẩm quyền”.
	Sở Tư pháp tỉnh Bắc Ninh		- Điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 có quy định “nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”; điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 quy định “Biện pháp thi hành Hiến pháp, văn bản 3 quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên ...”; tùy nhiên trong thực tiễn thi	Văn bản của Đảng không trực tiếp giao thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật; HĐND thực hiện theo thẩm quyền đã được Luật Ngân sách nhà nước xác lập. Điểm b khoản 2 đã cho phép UBND quy định biện pháp thi hành nghị quyết HĐND;

		<p>hành, có những nội dung giao chính quyền địa phương quy định nhưng không được giao trong văn bản quy phạm pháp luật, đơn cử như nội dung: điểm b khoản 2 Điều 4 Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng Quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của tỉnh ủy, thành ủy có quy định: “b) Căn cứ các nội dung, mức chi tại Quy định này (trừ nội dung quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này), văn phòng tỉnh ủy, thành ủy chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan của tỉnh, thành phố báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy (bằng văn bản) đề nghị HĐND cấp tỉnh, thành phố quyết định hoặc giao HĐND cấp xã quyết định đối với Đảng ủy xã, phường, đặc khu và Đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở Đảng ở những nơi có đặc điểm riêng, mức chi tối đa bằng 50% mức chi của tỉnh ủy, thành ủy, bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối của ngân sách địa phương”. Do đó, đề nghị nghiên cứu nội dung này để đảm bảo tính bao quát, thống nhất, khả thi trong thực tiễn thi hành.</p> <p>- Tại điểm b khoản 2, đề nghị cân nhắc nghiên cứu nội dung này để giao thẩm quyền cho UBND tỉnh ban hành quyết định để quy định biện pháp thi hành nghị quyết của HĐND cùng cấp quy định “biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương” để đảm bảo tính linh hoạt, chủ động trong triển khai thực hiện chính sách, biện pháp thuộc thẩm quyền ban hành của chính quyền địa phương.</p>	<p>khoản 3 hiện đã bỏ cụm từ “vấn đề khác thuộc thẩm quyền”.</p>
--	--	--	--

			- Tại điểm b khoản 3, đề nghị làm rõ “Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh” là vấn đề như thế nào? bởi theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì Chủ tịch UBND tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 17 và Chủ tịch UBND thành phố có nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 20.	
	STP tỉnh Đồng Nai, UBND tỉnh Vĩnh Long, STP tỉnh Hưng Yên, Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ, Văn phòng Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh, Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn		Tại khoản 3, đề nghị quy định rõ nội dung “Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” là vấn đề gì, nội dung gì để tránh lúng túng khi thực hiện.	Tiếp thu Khoản 3 Điều 18 hiện không còn quy định “vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh”, mà chỉ quy định về phân cấp và thực hiện nhiệm vụ được phân quyền, phân cấp.
	STP tỉnh Tây Ninh, STP TP Hà Nội		Đề nghị phân định rõ thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nhất là đối với biện pháp quản lý nhà nước, phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp. Cần quy định cụ thể các nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bỏ hoặc thu hẹp quy định mở “vấn đề khác thuộc thẩm quyền”, tránh tùy nghi và khó xác định chủ thể ban hành.	Tiếp thu Dự thảo đã phân định biện pháp quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền UBND và thu hẹp thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, bỏ quy định mở “vấn đề khác thuộc thẩm quyền”.
	STP TP Hà Nội		Đề nghị làm rõ “văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên” được xác định theo tiêu chí nào, gồm những loại văn bản nào có thể giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết; cần nhắc liệt kê cụ thể để xử lý rõ trường hợp văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan	Văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên được xác định theo vị trí tổ chức và thứ bậc tại Điều 4; việc giao quy định chi tiết chỉ hợp pháp khi chủ thể ban hành văn bản cấp trên có thẩm quyền giao và xác định đúng chủ thể theo Điều 8, nên không cần liệt kê cứng.

			ngang bộ hoặc nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp.	
		Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị quy định tiêu chí xác định biện pháp khác có tính chất đặc thù, điều kiện ban hành và giới hạn nội dung; khẳng định biện pháp đặc thù không được trái Hiến pháp, luật và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên.	Biện pháp đặc thù phải thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương và tuân thủ nguyên tắc hợp hiến, hợp pháp, thống nhất tại Điều 5; không được đặt ra nội dung trái văn bản cấp trên.
	VBQPPL của chính quyền địa phương cấp xã (Điều 19)	STP tỉnh Hưng Yên	Đề nghị quy định Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ ban hành văn bản quy phạm pháp luật để quy định những vấn đề được luật, pháp lệnh, nghị định của Chính phủ và thông tư giao.	Khoản 2 Điều 19 cho phép Hội đồng nhân dân cấp xã quy định biện pháp thi hành, phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện nhiệm vụ được phân cấp để đáp ứng mô hình chính quyền hai cấp. Khoản 3 đã giới hạn Ủy ban nhân dân cấp xã trong nội dung được luật, pháp lệnh, nghị định giao và nhiệm vụ được phân cấp.
		Bộ Nội vụ	Đề nghị mở rộng phạm vi ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với các đơn vị hành chính đặc thù ở cấp xã như khu kinh tế đặc biệt, đơn vị hành chính cấp xã hạt nhân để thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù được giao.	Thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải gắn với loại đơn vị hành chính được pháp luật xác lập. Khoản 1 Điều 19 đã quy định đối với đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; cơ chế của đơn vị cấp xã có tính chất đặc thù chỉ được thực hiện khi luật hoặc văn bản của Quốc hội xác định rõ mô hình và thẩm quyền.
		STP tỉnh Tây Ninh	Đề nghị giới hạn thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp xã trong việc ban hành chính sách, biện pháp: chỉ thuộc nhiệm vụ, quyền hạn do luật quy định hoặc được phân cấp; phù hợp văn bản cấp trên và khả năng cân đối ngân sách; không đặt ra thủ tục hành chính, khoản thu, nghĩa vụ hoặc biện pháp hạn chế quyền nếu không được luật giao.	Thẩm quyền cấp xã tại Điều 19 bị giới hạn bởi nhiệm vụ, quyền hạn, văn bản cấp trên và khả năng ngân sách; việc đặt khoản thu, thủ tục, hạn chế quyền phải có căn cứ luật. Điều b khoản 3 cho phép UBND cấp xã quy định việc thực hiện nhiệm vụ được phân cấp khi cần quy tắc xử sự chung.

			Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, đề nghị bổ sung thẩm quyền quy định biện pháp tổ chức thi hành văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp; đồng thời phân định rõ trường hợp giao quy định chi tiết với trường hợp phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn và cho phép ban hành văn bản quy phạm pháp luật khi nội dung phân cấp cần có quy tắc xử sự chung để tổ chức thực hiện.	
		Đoàn ĐBQH tỉnh Khánh Hòa; Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa	Đề nghị tách Điều 19 thành 02 điều: một điều riêng về VBQPPL ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và một điều riêng về VBQPPL của chính quyền địa phương cấp xã.	Hai nhóm chủ thể được quy định chung do đều thuộc chính quyền địa phương ngoài cấp tỉnh và nội dung điều không dài; khoản 1 dẫn chiếu riêng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, khoản 2 và khoản 3 quy định riêng cấp xã nên vẫn để nhận diện.
		Thường trực Ủy ban Văn hóa và Xã hội	Đề nghị bổ sung hình thức, thẩm quyền và trình tự ban hành VBQPPL của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.	Hình thức, thẩm quyền và trình tự ban hành phụ thuộc mô hình tổ chức cụ thể do Quốc hội quyết định khi thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. Khoản 1 Điều 19 dẫn chiếu Luật này và văn bản có liên quan của Quốc hội để bảo đảm áp dụng đúng mô hình, không quy định trước khi mô hình chưa được xác lập.
		Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế	Đề nghị bỏ quy định tại điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 19, vì việc cho phép HĐND, UBND cấp xã ban hành văn bản quy phạm pháp luật để “thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp” có thể gây nhầm lẫn, chồng lấn giữa thẩm quyền quản lý, tổ chức thực hiện và thẩm quyền ban hành quy phạm pháp luật; việc ban hành quy phạm phải được pháp luật quy định cụ thể.	Phân cấp nhiệm vụ có thể cần quy tắc xử sự chung để tổ chức thực hiện trên địa bàn; vì vậy cần giữ thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nhưng chỉ trong phạm vi nhiệm vụ được phân cấp và không được mở rộng thẩm quyền.

		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh	Đề nghị khôi phục các nhóm thẩm quyền cần thiết của cấp xã tương ứng với nhiệm vụ được giao, gồm biện pháp thi hành Hiến pháp, văn bản cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp và biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước; đồng thời quy định giới hạn không đặt thêm thủ tục, hồ sơ, điều kiện hoặc nghĩa vụ tài chính trái thẩm quyền.	Tiếp thu Khoản 2 Điều 19 đã bổ sung thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp xã quy định biện pháp thi hành văn bản cấp trên, phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện nhiệm vụ được phân cấp. Khoản 3 giới hạn Ủy ban nhân dân cấp xã trong nội dung được luật, pháp lệnh, nghị định giao và nhiệm vụ được phân cấp, qua đó kiểm soát việc đặt thêm nghĩa vụ ngoài thẩm quyền.
		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đề nghị xác định rõ tên và loại hình VBQPPL của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.	Tên, hình thức văn bản của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt phụ thuộc mô hình tổ chức do Quốc hội quyết định; khoản 1 Điều 19 dẫn chiếu luật và văn bản có liên quan để tránh quy định trước khi chưa có mô hình cụ thể.
		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa	Thống nhất giữ nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã. Đề nghị giới hạn rõ thẩm quyền ban hành quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, phân biệt với văn bản hành chính, cá biệt, chỉ đạo, điều hành; đồng thời rà soát thẩm quyền cấp xã và cơ chế kiểm soát chất lượng văn bản.	Tiếp thu Dự thảo tiếp tục giữ nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã. Khoản 3 Điều 18 giới hạn quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vào nội dung phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền, phân cấp; Điều 19 xác định riêng phạm vi của cấp xã.
		Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng	Đề nghị làm rõ phạm vi, điều kiện, giới hạn và tiêu chí ban hành VBQPPL của HĐND, UBND cấp xã, phân biệt với văn bản cá biệt, hành chính.	Phạm vi thẩm quyền đã được giới hạn tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 và các luật về tổ chức chính quyền địa phương; văn bản cá biệt, hành chính được phân biệt với văn bản <u>quy phạm</u>

				pháp luật theo Điều 2 và khoản 1 Điều 3.
	Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ	Đề nghị làm rõ trường hợp nghị định, thông tư giao Ủy ban nhân dân cấp xã quy định một nội dung thì có được coi là thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp để ban hành văn bản quy phạm pháp luật hay không.		Trường hợp nghị định, thông tư hợp pháp trực tiếp giao UBND cấp xã quy định một nội dung thì đó là giao quy định chi tiết theo Điều 8; phân cấp chỉ là căn cứ ban hành khi nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, không mặc nhiên là giao quy định chi tiết.
	Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên	Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 19 dự thảo Luật, HĐND cấp xã ban hành nghị quyết để quy định: “b) Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương”. Liên quan đến quy định về chế độ chi ngân sách, Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 chỉ quy định HĐND cấp xã “ban hành chế độ chi ngân sách phù hợp khả năng quản lý và khả năng cân đối của ngân sách cấp xã” trong trường hợp được HĐND cấp tỉnh giao. Do đó, đề nghị điều chỉnh quy định trên của dự thảo Luật đảm bảo thống nhất với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, tránh cách hiểu HĐND cấp xã có thể ban hành chính sách liên quan đến chế độ chi ngân sách ngoài thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.		Điểm b khoản 2 Điều 19 không tạo thẩm quyền chi ngân sách độc lập; HĐND cấp xã chỉ được quyết định chế độ chi khi đáp ứng điều kiện và được HĐND cấp tỉnh giao theo Luật Ngân sách nhà nước. Quy định chuyên ngành tiếp tục giới hạn quy định chung của Điều 19.
	Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ, Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp	Đề nghị rà soát việc chỉ cho phép HĐND, UBND cấp xã quy định vấn đề được luật, pháp lệnh giao. Cần nhắc cho phép quy định chi tiết điều, khoản, điểm và nội dung khác được giao trong VBQPPL của cơ quan nhà nước cấp trên, đồng thời kế thừa thẩm quyền		Tiếp thu Khoản 2 Điều 19 đã bổ sung thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp xã quy định biện pháp thi hành, phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện nhiệm vụ được phân cấp. Khoản 3

			quy định biện pháp thi hành pháp luật và thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương; nếu không kể thừa cần thuyết minh cơ chế pháp lý thay thế.	cho phép Ủy ban nhân dân cấp xã quy định nội dung được luật, pháp lệnh, nghị định giao và nhiệm vụ được phân cấp, không mở rộng chung sang mọi biện pháp quản lý nhà nước.
		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai	Đề nghị xác định rõ nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quy định nội dung được luật, pháp lệnh giao có phải là văn bản quy định chi tiết theo Điều 8 hay không, làm căn cứ xác định thời điểm hết hiệu lực theo Điều 55.	Nghị quyết của HĐND chỉ là văn bản quy định chi tiết khi luật, pháp lệnh hoặc văn bản có thẩm quyền xác định rõ nội dung giao; khi đó việc xác định hiệu lực thực hiện theo Điều 55. Nghị quyết ban hành theo thẩm quyền tự chủ không đương nhiên là văn bản quy định chi tiết.
	Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội (khoản 1 Điều 20)	Thường trực Hội đồng Dân tộc	Đề nghị hoàn thành Định hướng lập pháp nhiệm kỳ trong 06 tháng kể từ khi bắt đầu phiên họp đầu tiên của Quốc hội khóa mới, thay vì trong năm đầu tiên của nhiệm kỳ.	Điều 21 không tiếp tục ấn định mốc cứng trong năm đầu hoặc 06 tháng; tiến độ phải phù hợp thời điểm kiện toàn tổ chức, tổng kết nhiệm kỳ, tổng hợp nhiệm vụ và trình cấp có thẩm quyền của Đảng phê duyệt.
	Quyền trình, kiến nghị về luật, pháp lệnh của đại biểu Quốc hội (Điều 21)	Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu	Đề nghị phân định rõ quyền kiến nghị về luật, pháp lệnh và quyền trình dự án luật, pháp lệnh của đại biểu Quốc hội theo Điều 84 Hiến pháp; quy định quy trình, hồ sơ và trách nhiệm phù hợp với tính chất của từng quyền, tránh nhập hai quyền và làm mờ hoặc thu hẹp quyền kiến nghị. Đồng thời, cần rà soát việc áp dụng chung trách nhiệm của “cơ quan trình” đối với đại biểu Quốc hội, vì đại biểu thực hiện quyền với tư cách cá nhân, không có bộ máy chuyên môn trực thuộc. Đề nghị bổ sung cụ thể cơ chế, trách nhiệm, điều kiện hỗ trợ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và cơ quan nơi đại biểu làm việc trong quá trình xây dựng, lấy ý kiến,	Tiếp thu Dự thảo tiếp tục phân biệt quyền kiến nghị với quyền trình dự án theo Điều 84 Hiến pháp; Điều 70 xác định trách nhiệm theo tư cách chủ thể và cơ chế hỗ trợ đại biểu Quốc hội khi xây dựng, trình, tiếp thu, chỉnh lý dự án.

			hoàn thiện hồ sơ, giải trình, tiếp thu và chỉnh lý dự án.	
		Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu	Đề nghị chỉnh lý khoản 1 Điều 21 để xác định rõ Ủy ban Thường vụ Quốc hội thuộc nhóm “cơ quan trình”. Cách diễn đạt hiện nay tách Ủy ban Thường vụ Quốc hội ở về “tự mình đề xuất” và đặt cụm từ “sau đây gọi chung là cơ quan trình” sau danh sách các chủ thể còn lại, dễ dẫn đến cách hiểu không thống nhất với các điều quy định trách nhiệm của cơ quan trình.	Khoản 1 Điều 22 tách Ủy ban Thường vụ Quốc hội với tư cách chủ thể tự mình đề xuất và đồng thời là cơ quan quyết định Chương trình; thuật ngữ “cơ quan trình” dùng chung cho các chủ thể còn lại gửi đề xuất đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cách thiết kế này không làm thu hẹp quyền đề xuất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
		Bộ Quốc phòng	Đề nghị thay quy định “Chính phủ phân công một cơ quan chủ trì tiếp nhận, tổng hợp...” bằng quy định trực tiếp Bộ Tư pháp là cơ quan chủ trì tiếp nhận, tổng hợp các đề xuất điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm để trình cấp có thẩm quyền.	Tiếp thu Khoản 2 Điều 24 đã quy định trực tiếp Bộ Tư pháp giúp Chính phủ tổng hợp đề xuất điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.
		Bộ Y tế	Đề nghị cân nhắc không quy định việc Chính phủ phân công một cơ quan chủ trì tiếp nhận, tổng hợp các đề xuất điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm của các bộ, cơ quan ngang bộ vì không thuộc thẩm quyền của Quốc hội.	Khoản 2 Điều 24 chỉ xác định Bộ Tư pháp là đầu mối giúp Chính phủ tổng hợp đề xuất của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, không chuyển thẩm quyền quyết định Chương trình; Ủy ban Thường vụ Quốc hội vẫn là chủ thể xem xét, quyết định. Quy định này cần thiết để làm rõ trách nhiệm trong quy trình điều chỉnh Chương trình lập pháp.
		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Y tế	Đề nghị làm rõ tiêu chí xác định “các luật quan trọng khác” được xem xét, thông qua theo quy trình nhiều kỳ họp; nếu không xác định được tiêu chí thì cân nhắc bỏ cụm từ này.	“luật quan trọng khác” được Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét theo phạm vi, mức độ tác động, tính phức tạp và yêu cầu thảo luận tại thời điểm quyết định Chương trình; quy định mở cần thiết để không bỏ sót dự án đặc thù.

		Bộ Xây dựng	Đề nghị làm rõ tiêu chí xác định “luật quan trọng”, “luật nền tảng” để áp dụng quy trình nhiều kỳ họp.	Tiếp thu Khoản 3 Điều 23 đã bỏ tiêu chí “luật nền tảng”, chỉ giữ trường hợp luật có nội dung quan trọng cần xem xét tại nhiều kỳ họp; Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định khi thông qua Chương trình.
Điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm (Điều 23)		Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên	<p>Việc quy định UBTVQH quyết định việc bổ sung vào “dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội đang diễn ra” để trình Quốc hội xem xét, thông qua là chưa hợp lý, bởi khi kỳ họp Quốc hội đã khai mạc và đang diễn ra thì “dự kiến chương trình kỳ họp” đã được Quốc hội xem xét, thông qua và trở thành “chương trình kỳ họp”. Do đó, để bảo đảm tính chính xác về thuật ngữ và chặt chẽ trong quy định, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ “<i>dự kiến</i>” trước cụm từ “<i>chương trình kỳ họp</i>”. Viết lại khoản này như sau: “3. ... Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định việc bổ sung vào chương trình kỳ họp Quốc hội đang diễn ra để trình Quốc hội xem xét, thông qua.”.</p> <p><i>* Phương án 1:</i></p> <p>8. Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật là việc cập nhật nội dung của văn bản sửa đổi, bổ sung, đính chính, bãi bỏ một phần, quy định hết hiệu lực một phần, 2 quy định tạm ngưng hiệu lực một phần hoặc công bố tiếp tục có hiệu lực một phần vào văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, đính chính, bãi bỏ một phần, hết hiệu lực một phần, tạm ngưng hiệu lực một phần hoặc được công bố tiếp tục có hiệu lực một phần mà không làm thay đổi nội dung và hiệu lực của văn bản được hợp nhất.</p>	Khoản 3 Điều 24 sử dụng “dự kiến chương trình kỳ họp” vì Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định việc bổ sung dự án vào dự kiến chương trình để trình Quốc hội xem xét, quyết định chương trình hoặc điều chỉnh chương trình kỳ họp; không thay thế thẩm quyền quyết định của Quốc hội.

			<p>9. Văn bản được hợp nhất là văn bản sửa đổi, bổ sung, đính chính, bãi bỏ một phần, quy định hết hiệu lực một phần, quy định tạm ngưng hiệu lực một phần hoặc công bố tiếp tục có hiệu lực một phần và văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, đính chính, bãi bỏ một phần, hết hiệu lực một phần, tạm ngưng hiệu lực một phần hoặc được công bố tiếp tục có hiệu lực một phần.</p> <p>10. Văn bản hợp nhất là văn bản được hình thành sau khi hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>11. Ký xác thực văn bản hợp nhất là việc người có thẩm quyền ký xác nhận tính chính xác về nội dung và kỹ thuật hợp nhất của văn bản hợp nhất.</p> <p>12. Pháp điển là việc rà soát, tập hợp, sắp xếp các quy phạm pháp luật đang còn hiệu lực trong các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ở trung ương ban hành, trừ Hiến pháp để xây dựng Bộ pháp điển mà không làm thay đổi nội dung và hiệu lực của quy phạm pháp luật được pháp điển.</p> <p>13. Bộ pháp điển là tập hợp, sắp xếp các quy phạm pháp luật đang còn hiệu lực theo thứ bậc hiệu lực pháp lý của quy phạm pháp luật từ cao xuống thấp được cấu trúc thành chủ đề, đề mục.</p> <p>14. Chủ đề là bộ phận cấu thành của Bộ pháp điển, trong đó chứa đựng quy phạm pháp luật điều chỉnh các nhóm quan hệ xã hội nhất định được xác định theo lĩnh vực. 15. Đề mục là bộ phận cấu thành chủ đề, trong đó chứa đựng quy phạm pháp luật điều chỉnh một nhóm quan hệ xã hội nhất định.</p>	
--	--	--	---	--

		<p><i>Phương án 2:</i></p> <p>8. Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật là việc cập nhật nội dung của văn bản sửa đổi, bổ sung, đính chính, bãi bỏ một phần, quy định hết hiệu lực một phần, quy định tạm ngưng hiệu lực một phần hoặc công bố tiếp tục có hiệu lực một phần vào văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, đính chính, bãi bỏ một phần, hết hiệu lực một phần, tạm ngưng hiệu lực một phần hoặc được công bố tiếp tục có hiệu lực một phần mà không làm thay đổi nội dung và hiệu lực của văn bản được hợp nhất.</p> <p>9. Văn bản được hợp nhất là văn bản sửa đổi, bổ sung, đính chính, bãi bỏ một phần, quy định hết hiệu lực một phần, quy định tạm ngưng hiệu lực một phần hoặc công bố tiếp tục có hiệu lực một phần và văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, 3 bổ sung, đính chính, bãi bỏ một phần, hết hiệu lực một phần, tạm ngưng hiệu lực một phần hoặc được công bố tiếp tục có hiệu lực một phần.</p> <p>10. Văn bản hợp nhất là văn bản được hình thành sau khi hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>11. Ký xác thực văn bản hợp nhất là việc người có thẩm quyền ký xác nhận tính chính xác về nội dung và kỹ thuật hợp nhất của văn bản hợp nhất.</p>	
	Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu	<p>Đề nghị tiếp tục rà soát cơ chế bổ sung dự án luật vào kỳ họp Quốc hội đang diễn ra hoặc kỳ họp gần nhất, trong đó: (i) làm rõ tiêu chí cấp bách về thời điểm và hậu quả nếu thực hiện theo chương trình thông thường; (ii) phân định điều kiện, thẩm quyền, cách thức</p>	<p>Tiếp thu</p> <p>Về cơ chế kiểm soát; khoản 3 Điều 24 chỉ cho phép bổ sung dự án cần ban hành ngay, đã có hồ sơ và được cấp có thẩm quyền đồng ý; dự án vẫn phải thẩm định, thẩm tra theo Luật, không</p>

			xử lý giữa kỳ họp đang diễn ra và kỳ họp gần nhất; (iii) làm rõ mối quan hệ với quy trình xây dựng chính sách và thủ tục rút gọn; (iv) quy định yêu cầu tối thiểu về đánh giá tác động, nhất là đối với chính sách mới hoặc nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân; (v) có thời hạn thay thế phù hợp cho việc gửi hồ sơ thẩm tra, gửi Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội; (vi) phân định cơ chế này với thủ tục rút gọn và trường hợp đặc biệt, đặt giới hạn khi kết hợp để tránh cộng dồn ngoại lệ làm giản lược quá mức các công đoạn kiểm soát chất lượng.	mặc nhiên đồng thời giản lược theo thủ tục rút gọn hoặc đặc biệt.
	Bộ Tài chính	Đề nghị không quy định việc các bộ, ngành xây dựng hồ sơ theo mẫu, báo cáo Chính phủ sau khi lấy ý kiến Bộ Tư pháp, Chính phủ phân công một cơ quan tiếp nhận, tổng hợp đề xuất và gửi định kỳ; cho rằng quy trình hiện hành phù hợp, còn quy định mới làm phát sinh thủ tục hành chính và ảnh hưởng tiến độ.	Giao Bộ Tư pháp giúp Chính phủ tiếp nhận, tổng hợp nhằm bảo đảm một đầu mối, kiểm soát thống nhất Chương trình và thay thế việc các Bộ gửi rời rạc; đây là quy trình nội bộ của Chính phủ, không phải thủ tục hành chính đối với tổ chức, cá nhân nên không quy định trong dự thảo Luật.	
	Bộ Công an	Đề nghị bỏ nội dung “và việc xây dựng, ban hành luật đó đã được cơ quan có thẩm quyền của Đảng đồng ý”.	Việc bổ sung dự án ngoài Chương trình vào kỳ họp đang hoặc sắp diễn ra là ngoại lệ lớn, nên cần có sự đồng ý của cấp có thẩm quyền của Đảng để bảo đảm sự lãnh đạo và kiểm soát việc sử dụng cơ chế đặc biệt.	
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đề nghị làm rõ việc thay đổi tên dự án luật đã có trong Chương trình lập pháp hằng năm có phải thực hiện thủ tục điều chỉnh Chương trình hay không.	Chỉ phải điều chỉnh Chương trình khi đổi tên làm thay đổi phạm vi, nội dung, cơ quan trình hoặc thời điểm trình; trường hợp chỉnh kỹ thuật tên gọi mà không thay đổi các nội dung này được cập nhật trong hồ sơ dự án.	
	Kiểm toán nhà nước	Đề nghị quy định rõ Chính phủ giao Bộ Tư pháp chủ trì tiếp nhận, tổng hợp đề xuất điều	Tiếp thu	

			chính Chương trình lập pháp hằng năm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ.	Khoản 2 Điều 24 đã giao Bộ Tư pháp giúp Chính phủ tổng hợp đề xuất điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ.
		Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính	Đề nghị bổ sung trường hợp cần xử lý yêu cầu cấp bách từ thực tiễn kinh tế - xã hội hoặc vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp; đồng thời quy định điều kiện, thẩm quyền và cơ chế kiểm soát chặt chẽ.	Yêu cầu cấp bách từ kinh tế - xã hội hoặc vận hành chính quyền hai cấp đã được bao quát bởi tiêu chí cần ban hành ngay để kịp thời thể chế hóa, xử lý vấn đề thực tiễn; không liệt kê theo sự kiện để bảo đảm quy định ổn định.
Các trường hợp thực hiện quy trình xây dựng chính sách (Điều 24)		Bộ Công Thương	Đề nghị bổ sung tại điểm c khoản 1: nếu luật sửa đổi, bổ sung có cả nội dung phải và không phải xây dựng chính sách thì chỉ thực hiện quy trình xây dựng chính sách đối với nội dung phải xây dựng chính sách; các nội dung còn lại thực hiện theo khoản 2.	Tiếp thu Quy trình xây dựng chính sách chỉ áp dụng đối với nội dung thuộc trường hợp tại khoản 1 Điều 25; nội dung còn lại được thuyết minh tác động trong hồ sơ dự án, không phải thực hiện lại toàn bộ quy trình.
		Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị lấy mức độ tác động làm căn cứ xác định yêu cầu xây dựng chính sách. Chính sách tác động đáng kể đến quyền, nghĩa vụ, chi phí tuân thủ, thủ tục hành chính, đầu tư, kinh doanh, ngân sách hoặc phân bổ nguồn lực phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách dù dự án luật không thuộc khoản 1; mức độ tác động càng lớn thì yêu cầu đánh giá, tham vấn càng sâu.	Điều 25 sử dụng tiêu chí loại dự án và tác động đến hạn chế quyền để dễ xác định, tránh tranh luận về ngưỡng “đáng kể”. Mọi nội dung không qua quy trình chính sách vẫn phải thuyết minh tác động tại giai đoạn soạn thảo.
		Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính	Đề nghị cơ quan lập đề nghị xác định, tách bạch nội dung quy phạm pháp luật và nội dung cá biệt trong nghị quyết tổng hợp; cơ quan thẩm tra rà soát, kiến nghị xử lý và Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định khi còn ý kiến khác nhau. Đồng thời, nghiên cứu quy trình chính sách trung gian đối với dự án luật có phạm vi hẹp, tính chất đặc thù, thời hạn xác định.	Dự thảo không tiếp tục nghị quyết quy phạm pháp luật của Quốc hội; nội dung quy phạm phải được xây dựng theo hình thức luật, pháp lệnh và quy trình tương ứng, nên không cần quy trình trung gian riêng cho nghị quyết tổng hợp.

	Xác định chính sách (khoản 1 Điều 25)	Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai	Đề nghị thay từ “cam kết” bằng “thỏa thuận” trong cụm từ về điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, để thống nhất với Luật Điều ước quốc tế và bao quát cả quyền, nghĩa vụ của Việt Nam theo điều ước quốc tế.	“cam kết trong điều ước quốc tế” phản ánh các quyền, nghĩa vụ và yêu cầu Việt Nam phải thực hiện theo điều ước; thay bằng “thỏa thuận” có thể thu hẹp sang chính văn kiện mà không thể hiện đầy đủ nghĩa vụ phát sinh.
		Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị làm rõ căn cứ, tiêu chí đánh giá các nội dung định tính như “vấn đề mới, xu hướng mới”, “khuyến khích sáng tạo, khơi thông mọi nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”, bảo đảm việc xác định chính sách dựa trên thực tiễn, dữ liệu và kết quả phân tích có thể kiểm chứng.	Giải trình “Vấn đề mới, xu hướng mới” và yêu cầu khuyến khích sáng tạo là căn cứ định hướng, phải được chứng minh trong từng hồ sơ bằng tổng kết thực tiễn, dữ liệu và đánh giá tác động. Việc lượng hóa cứng trong Luật không phù hợp với mọi lĩnh vực; Điều 26 và Điều 27 đã quy định nội dung chính sách, giải pháp và các nhóm tác động phải đánh giá.
Đánh giá tác động chính sách (Điều 26)		Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đề nghị không yêu cầu cơ quan lập đề xuất chính sách tự đánh giá tác động đối với phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vì khó bảo đảm khách quan; nội dung này nên được xem xét trong khâu thẩm định chính sách.	Cơ quan đề xuất chính sách phải chịu trách nhiệm ban đầu về nhận diện tác động phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thẩm định là cơ chế kiểm tra độc lập, không thay thế trách nhiệm tự đánh giá của cơ quan đề xuất.
		Bộ Quốc phòng	Đề nghị bổ sung quy định phạm vi đánh giá tác động của chính sách phải phù hợp với yêu cầu phân cấp, phân quyền trong từng hình thức văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và chính quyền địa phương.	Tiếp thu Điểm b khoản 2 Điều 27 đã bổ sung tác động của chính sách đối với phân quyền, phân cấp; phạm vi đánh giá được xác định theo chính sách của dự án luật, pháp lệnh và đối tượng chịu tác động trực tiếp.
		Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị làm rõ căn cứ, tiêu chí đánh giá các nội dung định tính như “vấn đề mới, xu hướng mới”, “khuyến khích sáng tạo, khơi	Tiếp thu Khoản 2 Điều 26 yêu cầu xác định vấn đề, mục tiêu, các giải pháp, đối

			thông mọi nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”, bảo đảm việc xác định chính sách dựa trên thực tiễn, dữ liệu và kết quả phân tích có thể kiểm chứng. Đồng thời, làm rõ căn cứ, tiêu chí và trình tự lựa chọn giải pháp tối ưu; bảo đảm giải pháp được lựa chọn trên cơ sở kết quả đánh giá, so sánh tác động giữa các giải pháp và thống nhất với quy định về đánh giá tác động chính sách.	tương tác động và giải pháp tối ưu; Điều 27 quy định đánh giá tác động đối với hệ thống pháp luật, kinh tế - xã hội, thủ tục hành chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực làm căn cứ lựa chọn.
	Lấy ý kiến, tham vấn chính sách (Điều 27)	Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên	<p>Dự thảo Luật bổ sung quy định “<i>Trường hợp Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội chủ trì tổ chức hội nghị tham vấn, cơ quan lập đề xuất chính sách có trách nhiệm phối hợp thực hiện tham vấn. Cơ quan chủ trì hội nghị tham vấn có trách nhiệm xây dựng văn bản về kết quả tham vấn chính sách trong đó phải nêu rõ quan điểm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được tham vấn gửi cơ quan lập đề xuất chính sách.</i>”</p> <p>Đề nghị cân nhắc quy định này, bởi cơ quan lập đề xuất chính sách là chủ thể chịu trách nhiệm xuyên suốt từ xác định chính sách, đánh giá tác động, tổ chức tham vấn đến tiếp thu, giải trình và hoàn thiện chính sách. Việc một cơ quan khác chủ trì tham vấn và xây dựng văn bản kết quả tham vấn có thể ảnh hưởng đến tính liên tục, thống nhất của quy trình, cũng như nguyên tắc “rõ việc, rõ trách nhiệm, một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì”.</p> <p>Trường hợp tiếp tục quy định cơ chế này, đề nghị làm rõ tính chất của văn bản về kết quả tham vấn: chỉ tổng hợp, ghi nhận ý kiến tham vấn hay còn thể hiện quan điểm, kết luận của cơ quan chủ trì; đồng thời xác định cụ thể</p>	<p>Hội nghị do cơ quan của Quốc hội chủ trì là kênh tham vấn độc lập phục vụ thẩm tra; văn bản kết quả chỉ ghi nhận quan điểm của cơ quan chủ trì và người được tham vấn. Cơ quan lập đề xuất vẫn chịu trách nhiệm tiếp thu, giải trình và hoàn thiện chính sách.</p>

			trường hợp, điều kiện Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội chủ trì hội nghị tham vấn. Qua đó, bảo đảm rõ đầu mối chịu trách nhiệm, tránh chồng lấn giữa vai trò tham vấn với trách nhiệm xây dựng, tiếp thu, giải trình chính sách.	
	Bộ Công an		Đề nghị chỉ giao cơ quan chủ trì lập đề xuất chính sách tổ chức hội nghị tham vấn chính sách. Trường hợp Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội thấy cần thiết thì có thể tổ chức hội nghị tham vấn độc lập và gửi kết quả cho cơ quan chủ trì, nhưng không coi đây là quy trình bắt buộc.	Điều 28 quy định cơ quan lập đề xuất là chủ thể tham vấn chính; Thường trực Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội chỉ chủ trì trong trường hợp cần thiết đối với dự án được phân công thẩm tra, không phải công đoạn bắt buộc của mọi dự án.
	Bộ Nông nghiệp và Môi trường		Đề nghị xem xét tính khả thi của việc yêu cầu có Đề cương chi tiết dự thảo văn bản trong hồ sơ lấy ý kiến, tham vấn chính sách, nhất là đối với luật mới và luật thí điểm.	Tiếp thu Hồ sơ hiện sử dụng Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách, chỉ thể hiện định hướng chuyển hóa chính sách thành quy định, không đòi hỏi dự thảo điều khoản hoàn chỉnh ở giai đoạn chính sách.
	Thường trực Ủy ban Văn hóa và Xã hội		Đề nghị bỏ quy định Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội chủ trì hội nghị tham vấn và xây dựng văn bản về kết quả tham vấn, vì đây là chủ thể được tham vấn và quy định có thể ảnh hưởng tính khách quan của hoạt động thẩm tra.	Khoản 4 Điều 28 chỉ thiết lập cơ chế tham vấn bổ sung, độc lập phục vụ thẩm tra, không thay thế trách nhiệm tham vấn, tổng hợp và giải trình của cơ quan lập đề xuất chính sách. Cơ quan lập đề xuất vẫn phải tham dự, cung cấp thông tin và giải trình, nên không làm thay đổi vai trò của các bên hoặc tính khách quan của thẩm tra.
	Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu		Tán thành cơ chế Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội trực tiếp chủ trì hội nghị tham vấn. Đề nghị làm rõ tiêu chí “chính sách liên quan trực tiếp thuộc phạm vi, lĩnh vực phụ trách”, bao gồm	Tiếp thu Khoản 4 Điều 28 giới hạn ở dự án được phân công chủ trì thẩm tra, kết quả phải ghi rõ quan điểm và gửi cơ quan lập đề xuất trong 05 ngày; hồ sơ,

			cả chính sách tác động đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc đối tượng thuộc phạm vi phụ trách và chính sách liên ngành. Kết quả tiếp thu, giải trình phải được thể hiện đầy đủ, cung cấp lại cho cơ quan đã tham vấn; đồng thời cần có thời hạn tối thiểu gửi hồ sơ trước hội nghị để bảo đảm tham vấn thực chất.	thời hạn tham vấn được thực hiện theo khoản 1 và quy định chi tiết.
Thay đổi trình tự, thủ tục xây dựng luật, pháp lệnh (Điều 30)	Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa		Đề nghị quy định rõ trường hợp, căn cứ, điều kiện, thẩm quyền, trình tự và trách nhiệm khi chuyển đổi giữa quy trình có xây dựng chính sách và không xây dựng chính sách trong quá trình soạn thảo; nếu phát sinh chính sách mới hoặc thay đổi đáng kể chính sách đã xác định thì phải thực hiện đầy đủ yêu cầu về xây dựng, đánh giá và tham vấn chính sách.	Tiếp thu Khoản 4 và khoản 5 Điều 25 đã quy định việc chuyển giữa quy trình có xây dựng chính sách và không xây dựng chính sách trong quá trình soạn thảo; trường hợp phát sinh yêu cầu xây dựng chính sách phải bổ sung Báo cáo đánh giá tác động vào hồ sơ thẩm định, trình Chính phủ.
Hồ sơ dự án luật, pháp lệnh (điểm e khoản 2 Điều 32)		Thanh tra Chính phủ	Đề nghị đánh giá kỹ tác động của việc bổ sung Báo cáo thuyết minh nội dung dự thảo trong giai đoạn soạn thảo. Thành phần hồ sơ cần được thiết kế theo hướng đơn giản, tạo thuận lợi cho cơ quan chủ trì soạn thảo, trong khi các cơ quan đang thực hiện ổn định thành phần hồ sơ theo Luật hiện hành.	Tiếp thu Khoản 4 Điều 31 không còn yêu cầu Báo cáo thuyết minh nội dung dự thảo riêng; phụ lục so sánh được tích hợp vào Tờ trình, còn Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách chỉ áp dụng đối với trường hợp tại khoản 2 Điều 25.
Vai trò của Đoàn ĐBQH trong quy trình xây dựng luật, pháp lệnh (Điều 27, Điều 31, Điều 35)		Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu	Đề nghị cân nhắc quy định dự án đã thực hiện quy trình xây dựng chính sách thì không bắt buộc lấy ý kiến ở giai đoạn soạn thảo. Lấy ý kiến chính sách và lấy ý kiến dự thảo có đối tượng, mục đích khác nhau; chỉ ở giai đoạn soạn thảo mới có thể đánh giá đầy đủ quy phạm cụ thể. Cần tiếp tục bảo đảm Đoàn đại biểu Quốc hội được góp ý dự thảo luật, pháp lệnh, có thời hạn phù hợp và được cung cấp kết quả tổng hợp, tiếp thu, giải trình.	Tiếp thu Khoản 3 Điều 31 tiếp tục bắt buộc lấy ý kiến Đoàn đại biểu Quốc hội, đối tượng chịu tác động và cơ quan liên quan đối với toàn văn dự thảo, dù dự án đã thực hiện quy trình xây dựng chính sách.

	Nội dung thẩm định, thẩm tra (Điều 28, Điều 32, Điều 35)	Thanh tra Chính phủ, STP TP Hà Nội	<p>Đề nghị cân nhắc không quy định thành nội dung thẩm định, thẩm tra bắt buộc việc nhận diện, xử lý tổng thể, đồng bộ các điểm nghẽn và nguy cơ giải pháp, quy định bị lợi dụng để tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Các yêu cầu này mang tính định tính, rất khó nhận diện, phân tích và dự báo trong giai đoạn xây dựng văn bản; “có nguy cơ bị lợi dụng” không đồng nghĩa quy định của dự thảo có vấn đề, vì nguy cơ có thể phát sinh từ người thực thi. Nếu tiếp tục quy định thì cần làm rõ tiêu chí, phạm vi trách nhiệm và điều kiện thực hiện; đồng thời cân nhắc đặt cơ chế nhận diện tại khâu theo dõi, tổ chức thi hành pháp luật.</p>	<p>Nhận diện nguy cơ bị lợi dụng là yêu cầu phòng ngừa trong đánh giá, thẩm định, thẩm tra, không phải kết luận dự thảo có vi phạm; trách nhiệm được xác định trong phạm vi hồ sơ, thông tin và nhiệm vụ của từng cơ quan.</p>
		Bộ Nội vụ	<p>Đề nghị xác định rõ người có thẩm quyền thẩm định, cơ quan lập Báo cáo thẩm định và cơ quan chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định. Việc thẩm định dự án luật, pháp lệnh do Chính phủ trình là công việc nội bộ của Chính phủ nên có thể quy định cơ quan, trình tự, thủ tục tại nghị định; nếu quy định cụ thể Bộ Tư pháp trong Luật thì cần giải trình sự cần thiết và xác định Bộ Tư pháp là cơ quan chịu trách nhiệm chính, còn cơ chế phối hợp, Hội đồng thẩm định quy định tại nghị định.</p>	<p>Tiếp thu Điều 29 và Điều 32 đã xác định Bộ Tư pháp chủ trì thẩm định, nội dung, kết luận và việc thẩm định lại; khoản 6 Điều 70 xác định cơ quan thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định. Cơ chế phối hợp và hội đồng thẩm định được quy định theo từng trường hợp.</p>
	Thẩm tra dự án (Điều 35)	Thường trực Ủy ban Văn hóa và Xã hội	<p>Đề nghị bỏ cụm từ “theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội”; quy định trực tiếp trách nhiệm tham gia thẩm tra của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đồng thời xác định Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện điều hòa, phối hợp, phân công thẩm tra và phối hợp thẩm tra.</p>	<p>Khoản 2 Điều 35 đã quy định trực tiếp trách nhiệm chủ trì, tham gia thẩm tra theo lĩnh vực; cụm từ “theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội” được giữ để bảo đảm thẩm quyền điều hòa, phối hợp và phân công thẩm tra. Cơ quan chủ trì vẫn chịu trách nhiệm tổ chức thẩm tra và lập Báo cáo thẩm tra.</p>

		Bộ Nội vụ	<p>Đề nghị xác định rõ người có thẩm quyền thẩm tra và cơ quan chịu trách nhiệm đối với Báo cáo, kết quả thẩm tra là cơ quan chủ trì thẩm tra hay gồm cả cơ quan tham gia thẩm tra.</p>	<p>Tiếp thu Khoản 2 và khoản 6 Điều 35 xác định cơ quan chủ trì thẩm tra chịu trách nhiệm tổ chức thẩm tra, lập Báo cáo thẩm tra; Báo cáo phải phản ánh đầy đủ ý kiến của cơ quan tham gia thẩm tra nhưng trách nhiệm về kết quả thuộc cơ quan chủ trì thẩm tra.</p>
Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành VBQPPL của chính quyền địa phương (Điều 43)		STP tỉnh Tây Ninh	<p>Đề nghị Luật quy định các nguyên tắc, yêu cầu và công đoạn bắt buộc tối thiểu của quy trình xây dựng văn bản địa phương, gồm: chủ thể đề nghị; trách nhiệm soạn thảo; đối tượng, hình thức, thời hạn lấy ý kiến; thẩm định, thẩm tra; tiếp thu, giải trình; hồ sơ trình; trình tự xem xét, thông qua, ký ban hành và công khai. Chính phủ chỉ quy định chi tiết hồ sơ, thời hạn và cách thức thực hiện. Đối với cấp xã cần có quy trình riêng, đơn giản và phù hợp năng lực tổ chức thực hiện nhưng vẫn bảo đảm tính pháp lý.</p>	<p>Điều 43 giao Chính phủ quy định quy trình cụ thể để phù hợp từng loại văn bản và năng lực cấp xã; các yêu cầu tối thiểu về thẩm quyền, công khai, góp ý, phản biện, tiếp thu và trách nhiệm đã được xác lập tại Chương I và áp dụng chung.</p>
		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn	<p>Đề nghị quy định ngay trong Luật những vấn đề cơ bản về hồ sơ, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương; trên cơ sở đó giao Chính phủ quy định chi tiết.</p>	<p>Điều 43 giao Chính phủ quy định quy trình cụ thể để phù hợp từng loại văn bản, từng cấp chính quyền và yêu cầu cải cách thủ tục. Luật đã quy định nguyên tắc chung, thẩm quyền tại Điều 18, Điều 19 và trách nhiệm của các chủ thể; không quy định lặp lại toàn bộ hồ sơ, trình tự của địa phương trong Luật.</p>
		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa	<p>Đề nghị Luật quy định các nguyên tắc, yêu cầu tối thiểu đối với quy trình của chính quyền địa phương, gồm rà soát căn cứ và thẩm quyền; đăng ký, đánh giá tác động; lấy ý kiến; thẩm định của cơ quan tư pháp; thẩm tra của Ban Hội đồng nhân dân; tiếp thu, giải</p>	<p>Các yêu cầu về đúng thẩm quyền, hợp hiến, hợp pháp, công khai, tham vấn, tiếp thu, giải trình và trách nhiệm đã được quy định chung tại Chương I; Điều 43 giao Chính phủ cụ thể hóa hồ sơ, lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra và</p>

			trình; xem xét, thông qua, công khai và theo dõi sau ban hành; Chính phủ quy định chi tiết các nội dung cụ thể.	thủ tục ban hành cho từng cấp để bảo đảm thống nhất, khả thi.
	Quy trình xây dựng chính sách và soạn thảo (Điều 27, Điều 28, Điều 31, Điều 32)	Bộ Xây dựng	Đề nghị tiếp tục hoàn thiện quy trình xây dựng luật theo hướng liên thông, không phát sinh tầng nấc, thủ tục, hồ sơ trùng lặp; hiện hồ sơ chính sách và hồ sơ dự án luật cùng yêu cầu báo cáo tổng kết hoặc đánh giá thực trạng và báo cáo rà soát.	Tiếp thu Hồ sơ tiếp tục được chỉnh lý theo hướng kế thừa tài liệu đã có ở giai đoạn chính sách, tích hợp phụ lục so sánh vào Tờ trình và không lập lại nội dung không thay đổi.
	Quy trình xây dựng chính sách và soạn thảo luật, pháp lệnh (Mục 1 Chương IV)	Bộ Công an	Đề nghị lược bỏ quy trình riêng về xây dựng chính sách và lồng ghép việc xây dựng chính sách, đánh giá tác động cần thiết vào giai đoạn xây dựng hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, nhằm rút ngắn thời gian, giảm thủ tục và tập trung nguồn lực cho soạn thảo, chỉnh lý dự thảo.	Quy trình chính sách chỉ còn áp dụng với luật mới, luật thay thế, nội dung hạn chế quyền và một số pháp lệnh; đây là khâu cần thiết để lựa chọn giải pháp trước khi viết quy phạm. Các dự án còn lại được chuyển thẳng sang soạn thảo để giảm thủ tục.
	Thời hạn lấy ý kiến (Điều 27, Điều 31)	Bộ Ngoại giao	Đề nghị quy định thời hạn lấy ý kiến bằng văn bản ít nhất là 15 ngày kể từ ngày gửi đủ hồ sơ, trừ trường hợp văn bản được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn.	Tiếp thu Khoản 1 Điều 28 và khoản 3 Điều 31 hiện quy định thời hạn trả lời bằng văn bản là 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị.
	Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng chính sách (Điều 27, Điều 28 và Điều 35)	Thường trực Ủy ban Văn hóa và Xã hội	Đề nghị đánh giá tác động giới dựa trên dữ liệu phân tách theo giới; tham vấn đa dạng đối tượng chịu tác động, nhất là nhóm dễ bị tổn thương; làm rõ trách nhiệm đánh giá, thẩm định, thẩm tra và giải trình việc lồng ghép bình đẳng giới.	Điểm b khoản 2 Điều 27 đã quy định đánh giá tác động về giới; Điều 32 và Điều 35 kiểm soát việc bảo đảm bình đẳng giới trong thẩm định, thẩm tra. Phương pháp dữ liệu phân tách theo giới và phạm vi tham vấn cần được xác định phù hợp từng chính sách, lĩnh vực, không quy định cứng trong Luật.
	Thay đổi trình tự, thủ tục xây dựng luật, pháp lệnh (Điều 30)	Bộ Tài chính	Đề nghị bỏ cụm từ “bỏ sót” trong quy định về trường hợp trong quá trình soạn thảo xuất hiện yêu cầu phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách.	Tiếp thu Dự thảo hiện không còn dùng từ “bỏ sót”, mà quy định khách quan trường hợp trong quá trình soạn thảo phát sinh yêu cầu phải đánh giá chính sách.

		Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đề nghị quy định trực tiếp trong Luật quy trình xây dựng chính sách khi trong quá trình soạn thảo phát sinh yêu cầu phải thực hiện quy trình này, thay vì giao Chính phủ quy định.	Tiếp thu Khoản 5 Điều 25 đã quy định trực tiếp trường hợp phát sinh yêu cầu xây dựng chính sách thì bổ sung Báo cáo đánh giá tác động vào hồ sơ thẩm định, trình Chính phủ; nội dung kỹ thuật thực hiện do Chính phủ hướng dẫn.
Soạn thảo luật, pháp lệnh (Điều 31)		Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị: (i) có quy định khả thi khi đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đối với lĩnh vực đặc thù, chuyên môn cao, chưa có tiền lệ; (ii) tiếp tục lấy ý kiến dự thảo dù đã xây dựng chính sách vì dự thảo có thể thay đổi; (iii) cân nhắc Báo cáo thuyết minh nội dung dự thảo để tránh trùng Tờ trình và tăng hồ sơ.	Tiếp thu Chi phí tuân thủ được đánh giá theo dữ liệu có thể thu thập và tính chất lĩnh vực; Điều 31 vẫn yêu cầu lấy ý kiến toàn văn dự thảo. Khoản 4 Điều 31 không còn Báo cáo thuyết minh riêng; phụ lục so sánh được tích hợp vào Tờ trình.
		Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị kế thừa kết quả tham vấn ở giai đoạn chính sách nhưng vẫn lấy ý kiến toàn văn dự thảo khi có nội dung khác chính sách đã thông qua hoặc phát sinh tác động mới đáng kể đến quyền, nghĩa vụ, thủ tục, hồ sơ và chi phí tuân thủ.	Tiếp thu Điều 31 yêu cầu lấy ý kiến dự thảo luật, pháp lệnh, nhất là đối tượng chịu tác động; kết quả giai đoạn chính sách được kế thừa nhưng nội dung mới, thay đổi và tác động mới phải tiếp tục được đánh giá, lấy ý kiến.
		Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đề nghị xem xét sự cần thiết của việc vừa bắt buộc lấy ý kiến Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vừa quy định phản biện xã hội; đồng thời cân nhắc thời hạn 20 ngày gửi văn bản phản biện vì có thể kéo dài quy trình.	lấy ý kiến Mặt trận và phản biện xã hội có mục đích, chủ thể và sản phẩm khác nhau; thời hạn 20 ngày bảo đảm phản biện thực chất nhưng vẫn ngắn hơn quy trình thông thường và được tính trong thời gian soạn thảo.
		Bộ Xây dựng	Đề nghị cho phép đăng tải trực tiếp hoặc thông qua kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu giữa Công thông tin điện tử của cơ quan và Cổng Pháp luật quốc gia, tránh cập nhật thủ công trùng lặp nhưng vẫn bảo đảm nội dung, thời gian.	Điều 73 xác lập nguyên tắc ứng dụng công nghệ số và cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Cách thức đăng tải qua kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu là vấn đề kỹ thuật do Chính

				phù quy định để tránh trùng lặp nhưng vẫn bảo đảm tính chính xác, kịp thời.
		Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đề nghị bỏ thành phần “Báo cáo thuyết minh nội dung dự thảo” vì hồ sơ đã có bản so sánh dự thảo sửa đổi, bổ sung, thay thế với luật, pháp lệnh hiện hành; việc bổ sung báo cáo này làm phát sinh thủ tục, thành phần hồ sơ không cần thiết.	Tiếp thu Khoản 4 Điều 31 đã bỏ Báo cáo thuyết minh nội dung dự thảo độc lập; phụ lục so sánh được tích hợp vào Tờ trình, còn Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách chỉ áp dụng đối với trường hợp tại khoản 2 Điều 25.
		Bộ Công Thương	Đề nghị gộp Báo cáo thuyết minh nội dung dự thảo và Bản so sánh dự thảo sửa đổi, bổ sung, thay thế với luật, pháp lệnh hiện hành thành “Bản so sánh và thuyết minh”; trường hợp xây dựng luật, pháp lệnh mới thì có Báo cáo thuyết minh nội dung dự thảo.	Tiếp thu Dự thảo không duy trì Báo cáo thuyết minh riêng, mà tích hợp phụ lục so sánh vào Tờ trình; Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách chỉ lập đối với dự án không thực hiện quy trình chính sách theo khoản 2 Điều 25.
		Bộ Tài chính	Đề nghị rà soát hồ sơ gửi phản biện xã hội, lấy ý kiến, đăng tải để tránh trùng lặp; các nội dung về thủ tục hành chính, phân quyền, phân cấp, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, bình đẳng giới, chính sách dân tộc có thể thuyết minh tại Tờ trình; báo cáo rà soát có nội dung trùng với báo cáo đánh giá thực trạng.	Tiếp thu Các nội dung về thủ tục hành chính, phân quyền, công nghệ, bình đẳng giới và dân tộc được thuyết minh trong Tờ trình; phụ lục so sánh được tích hợp và các báo cáo tiếp tục rà soát để không lặp thông tin.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị quy định linh hoạt thời hạn lấy ý kiến; trường hợp ngắn hơn 15 ngày phải nêu rõ lý do và có hình thức phù hợp để bảo đảm góp ý thực chất, hiệu quả.	15 ngày là thời hạn tối thiểu của quy trình thông thường để bảo đảm thời gian nghiên cứu. Dự án cấp bách được áp dụng thủ tục rút gọn theo Điều 48 và Điều 49, với thời hạn lấy ý kiến bằng văn bản ít nhất 03 ngày; bổ sung ngoại lệ ngay trong quy trình thông thường sẽ làm không rõ ranh giới giữa hai thủ tục và giảm tính thực chất của việc góp ý.

		Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Đề nghị tại điểm a bổ sung việc lấy ý kiến các tổ chức chính trị - xã hội. Tại điểm b, đề nghị quy định việc lấy ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cử đại diện tham gia cuộc họp phản biện xã hội khi được đề nghị và bổ sung việc lấy ý kiến phản biện của các tổ chức chính trị - xã hội, bảo đảm tính chủ động của từng tổ chức và thống nhất với Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.	Tiếp thu Điểm a, điểm b khoản 3 Điều 31 đã bổ sung lấy ý kiến Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ chế tổ chức chính trị - xã hội chủ trì phản biện trên cơ sở thống nhất với Mặt trận.
		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ	Đề nghị không phải lấy lại ý kiến đối với chính sách đã được lấy ý kiến đầy đủ và không thay đổi; nhưng phải lấy ý kiến đối tượng chịu tác động và cơ quan liên quan đối với nội dung mới, nội dung thay đổi hoặc quy định cụ thể hóa chính sách ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ, thủ tục hành chính và điều kiện tổ chức thi hành.	Kết quả góp ý chính sách được kế thừa, nhưng dự thảo điều khoản vẫn phải được lấy ý kiến vì cách quy phạm hóa có thể phát sinh tác động khác chính sách. Cơ quan soạn thảo tập trung lấy ý kiến nội dung mới, thay đổi và quy định ảnh hưởng trực tiếp.
		Tạp chí Dân chủ và Pháp luật	Đề nghị yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo chủ động đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin, như hợp báo, cung cấp thông tin cho báo chí, xây dựng tài liệu tóm tắt, đồ họa thông tin, video; đối với dự thảo có chính sách tác động lớn đến xã hội, yêu cầu này cần mang tính bắt buộc.	Khoản 4 Điều 70 đã xác định trách nhiệm truyền thông chính sách và dự thảo; phương thức truyền thông được lựa chọn theo đối tượng, mức độ tác động và điều kiện thực tế, không quy định cứng trong Luật để tránh hình thức.
	Thẩm định chính sách, dự án luật, pháp lệnh (Điều 28, Điều 32)	Bộ Công an	Đề nghị cân nhắc bỏ quy định cụ thể tên Bộ, ngành và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Bộ, ngành trong các điều về thẩm định, bảo đảm phù hợp nguyên tắc tại Luật Tổ chức Chính phủ; đồng thời rút thời hạn thẩm định chính sách và dự án luật, pháp lệnh từ 30 ngày xuống 15 ngày.	Việc nêu cơ quan phối hợp bảo đảm thẩm định đủ các lĩnh vực bắt buộc; Bộ Tư pháp vẫn là cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm về báo cáo. Thời hạn 30 ngày phù hợp dự án luật phức tạp; thời hạn rút gọn được quy định riêng tại Điều 49.
		Cục Pháp luật quốc tế và Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Đề nghị tiếp tục quy định cụ thể các cơ quan phối hợp với Bộ Tư pháp trong thẩm định, nhưng cho phép Bộ Tư pháp tùy trường hợp lựa chọn cơ quan trong nhóm được nêu;	Tiếp thu Điều 29, Điều 32 xác định Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan và có thể thành lập hội

			<p>nghiên cứu tiêu chuẩn của người tham gia hội đồng thẩm định để bảo đảm chuyên môn và chất lượng ý kiến.</p>	<p>đồng khi cần thiết; tiêu chuẩn, thành phần cụ thể được Chính phủ quy định để bảo đảm chuyên môn.</p>
		Bộ Tài chính	<p>Đề nghị không quy định trách nhiệm của nhiều cơ quan trong thẩm định mà xác định một cơ quan thẩm định chịu trách nhiệm; hội đồng thẩm định chỉ mang tính tham vấn. Không quy định quá cụ thể về thẩm định trong Luật, nên giao văn bản của Chính phủ để bảo đảm linh hoạt.</p>	<p>Tiếp thu Về đầu mỗi trách nhiệm; Bộ Tư pháp là cơ quan chủ trì thẩm định và chịu trách nhiệm về kết quả, ý kiến thành viên hoặc hội đồng là căn cứ tham vấn; quy trình chi tiết được giao Chính phủ quy định.</p>
		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	<p>Đề nghị quy định rõ trường hợp, phạm vi và trình tự thẩm định lại hồ sơ “chưa đủ điều kiện trình Chính phủ”, tránh phải thực hiện lại toàn bộ quy trình khi chỉ cần hoàn thiện về kỹ thuật.</p>	<p>Chỉ thẩm định lại khi báo cáo kết luận hồ sơ chưa đủ điều kiện trình; phạm vi thẩm định lại tập trung vào nội dung đã được yêu cầu hoàn thiện và phần chỉnh lý liên quan, quy trình cụ thể do Chính phủ quy định.</p>
	Hồ sơ trình Chính phủ (Điều 34)	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	<p>Đề nghị bổ sung quy định về hồ sơ trình Chính phủ hoặc giao Chính phủ quy định chi tiết.</p>	<p>Hồ sơ trình Chính phủ được hình thành từ hồ sơ đã thẩm định và báo cáo tiếp thu, giải trình tại Điều 32; Điều 34 chỉ quy định thẩm quyền xem xét, quyết định trình, còn thành phần, thủ tục cụ thể được Chính phủ quy định.</p>
	Hồ sơ thẩm định, thẩm tra dự án luật, pháp lệnh (Điều 32, Điều 35)	Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	<p>Đề nghị bổ sung văn bản phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đối với dự thảo được phản biện vào hồ sơ gửi thẩm định, thẩm tra.</p>	<p>Giải trình Điểm b khoản 3 Điều 31 yêu cầu thực hiện và tiếp thu phản biện xã hội; điểm c khoản 2 Điều 32 và điểm b khoản 3 Điều 35 yêu cầu bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình trong hồ sơ thẩm định, thẩm tra. Không bắt buộc thêm văn bản phản biện thành một đầu mục riêng để tiếp tục tinh gọn hồ sơ; có thể kèm theo khi cần thiết.</p>
		Bộ Nông nghiệp và Môi trường	<p>Đề nghị tiếp tục đơn giản hóa quy trình thẩm tra, hạn chế việc cơ quan thẩm tra lấy lại ý</p>	<p>Thẩm tra là hoạt động độc lập phục vụ Quốc hội, Ủy ban Thường vụ</p>

Thẩm tra dự án luật, pháp lệnh (Điều 35)		kiến các bộ, ngành, địa phương đối với hồ sơ Chính phủ đã thống nhất, làm phát sinh thêm nội dung giải trình và chậm tiến độ.	Quốc hội nên cơ quan thẩm tra có quyền lấy ý kiến khi cần làm rõ vấn đề; việc lấy lại ý kiến chỉ thực hiện có trọng tâm, không thay thế trách nhiệm thống nhất hồ sơ của Chính phủ.
	Bộ Tài chính	Đề nghị bổ sung thời hạn gửi hồ sơ đối với dự án xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn.	Tiếp thu Điều 49 đã quy định thời hạn thẩm định, thẩm tra 07 ngày và tối đa 15 ngày đối với dự án phức tạp, liên quan nhiều ngành, lĩnh vực.
Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự án luật (khoản 2 Điều 36)	Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị xác định cơ quan trình chịu trách nhiệm gửi hồ sơ dự án luật, cơ quan chủ trì thẩm tra gửi báo cáo thẩm tra; quy định thống nhất thời hạn, phương thức và trách nhiệm bảo đảm hồ sơ đầy đủ trước phiên họp.	Tiếp thu Trách nhiệm gửi hồ sơ của cơ quan trình, gửi báo cáo thẩm tra của cơ quan chủ trì thẩm tra và thời hạn phục vụ phiên họp tiếp tục được quy định rõ trong quy trình tại Điều 36.
Xem xét, thông qua dự thảo luật, pháp lệnh (Điều 37)	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị có cơ chế bảo đảm thực hiện nghiêm thời hạn gửi hồ sơ 15 ngày; quy định trách nhiệm của cơ quan trình, cơ quan chủ trì thẩm tra. Hồ sơ hoàn thiện, bổ sung hoặc có nội dung mới gửi sau thời hạn phải dành thời gian tối thiểu để đại biểu nghiên cứu, trừ trường hợp đặc biệt, cấp bách do Quốc hội quyết định.	Khoản 1 Điều 37 đã ấn định thời hạn 15 ngày; Điều 70 quy định trách nhiệm về tiến độ, chất lượng của cơ quan trình và cơ quan thẩm tra. Việc xử lý hồ sơ gửi chậm, tài liệu bổ sung trong kỳ họp thuộc quy trình, chương trình làm việc của Quốc hội, không quy định thêm một thủ tục cứng trong Luật.
Phối hợp chỉnh lý dự thảo luật (Điều 38)	Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính	Đề nghị bổ sung cơ chế trao đổi, thống nhất hoặc xử lý khi còn quan điểm khác nhau giữa cơ quan trình và cơ quan chủ trì thẩm tra trước khi hoàn thiện dự thảo; hạn chế phát sinh thêm khâu xin ý kiến khi quy trình, thẩm quyền xử lý đã rõ.	Tiếp thu Quy trình chỉnh lý xác định trách nhiệm phối hợp giữa cơ quan trình và cơ quan chủ trì thẩm tra; vấn đề còn ý kiến khác nhau được báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định, không phát sinh thêm tầng nấc xin ý kiến.
	Thường trực Ủy ban Văn hóa và Xã hội	Đề nghị bổ sung trường hợp điều chỉnh tên luật, pháp lệnh trong Chương trình lập pháp	Giải trình

			hàng năm và quy trình đơn giản để Quốc hội quyết định tên mới cùng với việc thông qua dự thảo; nếu đổi tên không làm thay đổi chính sách thì không phải thực hiện lại quy trình xây dựng chính sách và điều chỉnh Chương trình.	Trường hợp đổi tên không làm thay đổi phạm vi, chính sách, cơ quan trình hoặc thời điểm trình có thể được Quốc hội quyết định khi thông qua mà không phải điều chỉnh Chương trình. Nếu việc đổi tên phản ánh thay đổi nội dung, thời điểm hoặc cơ quan trình thì thực hiện điều chỉnh theo Điều 24; không cần quy định một thủ tục riêng.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị xác định thảo luận tại Tổ đại biểu Quốc hội là một bước bắt buộc trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, thay cho quy định dự án “có thể” được thảo luận tại Tổ.	Không phải mọi dự án đều cần thảo luận tại Tổ; hình thức thảo luận phải phù hợp phạm vi, mức độ phức tạp, chương trình và thời gian của kỳ họp. Điều 38 vẫn cho phép tổ chức thảo luận tại Tổ đối với dự án cần nghiên cứu sâu và yêu cầu báo cáo giải trình bước đầu trước phiên họp toàn thể.
	Xem xét, thông qua dự thảo luật tại nhiều kỳ họp (Điều 39)	Bộ Tài chính	Đề nghị nghiên cứu quy trình xây dựng, trình dự án luật, nghị quyết được cấp có thẩm quyền giao soạn thảo, trình Quốc hội tại nhiều kỳ họp vì dự thảo chưa quy định quy trình cho trường hợp này.	Điều 38 và Điều 39 đã quy định trình tự xem xét dự thảo luật tại kỳ họp đầu và kỳ họp tiếp theo; việc dự án được xác định xem xét nhiều kỳ họp không làm phát sinh quy trình xây dựng, trình riêng trước khi Quốc hội xem xét.
	Tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo luật (Điều 38 đến Điều 40)	Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính	Đề nghị quy định mốc thời gian cơ quan trình phải gửi báo cáo tiếp thu, giải trình, chỉnh lý cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội và cơ quan chủ trì thẩm tra trước phiên họp, bảo đảm đủ thời gian nghiên cứu.	Thời điểm gửi báo cáo được xác định theo lịch phiên họp, kỳ họp và yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; ấn định một mốc chung có thể không phù hợp tiến độ chỉnh lý của từng dự án, nhưng phải bảo đảm đủ thời gian nghiên cứu.
	Xây dựng, ban hành lệnh của Chủ tịch nước	Cục Pháp luật quốc tế và Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Đề nghị cân nhắc quy định Chủ tịch nước trực tiếp quyết định việc đăng tải dự thảo lệnh vì có thể phát sinh thủ tục không cần thiết;	Lệnh thuộc thẩm quyền trực tiếp của Chủ tịch nước và có thể chứa nội dung đặc thù; khoản 4 Điều 42 giao

	(khoản 4 Điều 42)		làm rõ thời điểm và mối quan hệ giữa đăng tải dự thảo với các bước hoàn thiện, báo cáo Chủ tịch nước và lấy ý kiến.	Chủ tịch nước quyết định việc đăng tải hồ sơ dự thảo lệnh, sau đó cơ quan soạn thảo tiếp thu, hoàn thiện trước khi trình ký.
	Quy trình xây dựng VBQPPL của cơ quan hành pháp và chính quyền địa phương (Điều 43)	Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị Luật quy định các yêu cầu tối thiểu về công khai hồ sơ, đánh giá tác động, lấy ý kiến đối tượng chịu tác động, thẩm định, tiếp thu, giải trình, công bố và kiểm tra; Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thời hạn và trách nhiệm thực hiện.	Các yêu cầu tối thiểu về hợp hiến, hợp pháp, công khai, góp ý, phản biện, tiếp thu, giải trình và trách nhiệm đã được quy định chung tại Chương I; Điều 43 giao Chính phủ cụ thể hóa quy trình cho từng chủ thể để bảo đảm linh hoạt, khả thi.
		Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ	Đề nghị bổ sung nguyên tắc dự thảo VBQPPL của chính quyền địa phương thuộc trường hợp phải thẩm định được thẩm định trước khi trình ban hành; giao Chính phủ quy định cơ quan thẩm định, hồ sơ, nội dung, thời hạn và phương thức thẩm định.	Tiếp thu Về nguyên tắc thẩm định; văn bản địa phương thuộc trường hợp phải thẩm định chỉ được trình sau khi hoàn thành thẩm định. Cơ quan, hồ sơ, nội dung và thời hạn được Chính phủ quy định theo Điều 43 để phù hợp từng cấp.
	Xây dựng, ban hành thông tư liên tịch (Điều 47)	Bộ Xây dựng	Đề nghị chỉnh lý vì thông tư liên tịch có thể do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ khác liên tịch ban hành, không chỉ Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Tiếp thu Điều 47 hiện áp dụng chung cho thông tư liên tịch giữa các chủ thể có thẩm quyền và giao các chủ thể phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, không giới hạn ở Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
		Cục Pháp luật quốc tế và Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Đề nghị quy định cụ thể trình tự, thủ tục, nội dung thẩm định và trách nhiệm của cơ quan tham gia; làm rõ thông tư liên tịch không có Bộ trưởng Bộ Tư pháp tham gia có phải thẩm định và do cơ quan nào thẩm định.	Tiếp thu Theo hướng đơn giản hóa; Điều 47 quy định cơ quan chủ trì tổ chức soạn thảo, lấy ý kiến, tiếp thu và chỉ thông qua khi các chủ thể liên tịch thống nhất; không đặt riêng thủ tục thẩm định theo việc có Bộ trưởng Bộ Tư pháp tham gia.
		Cục Quản lý Thi hành án dân sự	Đề nghị cân nhắc để đồng bộ với thông tư liên tịch do bộ, ngành khác ban hành và bảo	Tiếp thu

			đảm khách quan, tránh khác biệt về trình tự, thủ tục; quy trình liên tịch giữa Bộ Tư pháp, TANDTC, VKSNDTC đã có cơ chế lấy ý kiến và thống nhất của ba ngành.	Dự thảo đã bỏ cơ chế thẩm định riêng đối với thông tư liên tịch có Bộ trưởng Bộ Tư pháp tham gia, áp dụng thống nhất trách nhiệm của cơ quan chủ trì và yêu cầu đồng thuận của các chủ thể liên tịch.
		Bộ Quốc phòng	Tại khoản 2, đề nghị bảo đảm khách quan, độc lập trong thẩm định: cơ quan chủ trì soạn thảo không đồng thời thực hiện chức năng thẩm định; trường hợp thông tư liên tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp liên tịch ban hành thì giao cơ quan khác thẩm định hoặc thành lập Hội đồng thẩm định độc lập phù hợp.	Tiếp thu Điều 47 đã bỏ thủ tục thẩm định riêng đối với thông tư liên tịch. Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm tổ chức soạn thảo, lấy ý kiến, chỉnh lý; dự thảo chỉ được thông qua khi các chủ thể có thẩm quyền ban hành thống nhất và cùng ký.
		Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đề nghị bỏ quy định “Dự thảo Thông tư liên tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp liên tịch ban hành phải được Bộ Tư pháp thẩm định” và chỉnh lý theo hướng cơ quan chủ trì soạn thảo thông tư liên tịch có trách nhiệm thực hiện thẩm định.	Tiếp thu Điều 47 hiện không còn quy định dự thảo thông tư liên tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp tham gia phải được Bộ Tư pháp thẩm định; cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm về chất lượng dự thảo.
Trường hợp áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn (Điều 48)		Bộ Công an	Đề nghị bổ sung trường hợp ban hành văn bản để bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật.	Tiếp thu Khoản 2 Điều 48 đã bổ sung trường hợp ban hành văn bản quy phạm pháp luật chỉ để bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn.
		Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai	Đề nghị bổ sung trường hợp cần ban hành mới ngay để phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành, theo hướng: “Trường hợp cần ban hành, sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành mà văn bản đó có hiệu lực trong thời hạn ít hơn 30 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành”.	Trường hợp cần ban hành mới được áp dụng thủ tục rút gọn nếu đáp ứng tiêu chí cấp bách tại điểm b; không coi mọi văn bản mới để phù hợp văn bản cấp trên là trường hợp rút gọn, tránh mở rộng và lạm dụng thủ tục ngoại lệ.

	Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, làm rõ và cụ thể hóa hơn những trường hợp cần áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn để thống nhất áp dụng trong thực tiễn và bảo đảm cơ chế kiểm soát chất lượng, nhất là lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra.	Tiếp thu Điều 48 đã cụ thể hóa các trường hợp, Điều 49 bổ sung hồ sơ đề nghị phải nêu vấn đề thực tiễn, tác động, hậu quả nếu chậm ban hành và vẫn duy trì thẩm định, thẩm tra.
	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đề nghị xác định rõ Chính phủ hay Thủ tướng Chính phủ quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị định.	Điểm c khoản 3 Điều 48 hiện quy định Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn đối với nghị định, còn Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với quyết định của mình. Cách phân định giữa Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đối với nghị định trong dự thảo Luật chưa rõ, cần tiếp tục rà soát.
	Bộ Y tế	Tại khoản 1, đề nghị nâng mốc thời gian có hiệu lực của văn bản hoặc nội dung giao quy định chi tiết từ ít hơn 30 ngày lên ít hơn 60 ngày vì thời gian dưới 30 ngày vẫn không đủ để xây dựng văn bản quy định chi tiết theo thủ tục thông thường.	Dự thảo dự thảo Luật sử dụng mốc dưới 45 ngày tại điểm d và điểm e khoản 1 Điều 48, thống nhất với thời hạn có hiệu lực tối thiểu của văn bản trung ương tại Điều 51. Mốc 60 ngày sẽ mở rộng quá mức trường hợp áp dụng thủ tục rút gọn và làm giảm kiểm soát chất lượng.
	Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn	Đề nghị bổ sung, làm rõ chủ thể quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã và quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.	Tiếp thu Điểm đ khoản 3 Điều 48 quy định Thường trực HĐND quyết định đối với nghị quyết HĐND và Chủ tịch UBND quyết định đối với quyết định UBND, áp dụng cho cả cấp xã.
	Bộ Công Thương	Đề nghị: (i) tại điểm e khoản 1, nếu là hai trường hợp độc lập thì thay “và” bằng “hoặc”; (ii) làm rõ thẩm quyền tại điểm c khoản 2 là Chính phủ hay Thủ tướng; (iii) xem lại thời hạn lấy ý kiến đối tượng chịu tác	Tiếp thu Thời hạn 03 ngày tại Điều 49 là mức tối thiểu và có thể kéo dài khi điều kiện cho phép. Riêng cách diễn đạt tại điểm e khoản 1 và việc phân định Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại

			động chỉ 03 ngày vì quá ngắn đối với hiệp hội, doanh nghiệp.	điểm c khoản 3 Điều 48 trong dự thảo Luật vẫn cần tiếp tục chỉnh lý để bảo đảm rõ ràng.
	Bộ Xây dựng		Đề nghị luật hóa cách hiểu “trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn” đã được hướng dẫn tại văn bản của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Thủ tướng để tránh tiếp tục phải giải thích luật.	Tiếp thu Khoản 3 Điều 49 yêu cầu hồ sơ phải nêu rõ vấn đề phát sinh, dự báo tác động tiêu cực và hậu quả nếu không ban hành kịp thời, qua đó cụ thể hóa tiêu chí cấp bách và kiểm soát việc áp dụng.
	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn		Đề nghị bổ sung trường hợp cần thay thế hoặc bãi bỏ ngay văn bản quy phạm pháp luật để phù hợp với văn bản mới của cơ quan nhà nước cấp trên; đồng thời bổ sung thẩm quyền quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.	Tiếp thu Khoản 2 Điều 48 đã cho phép áp dụng thủ tục rút gọn đối với văn bản chỉ đề bãi bỏ. Điểm d khoản 3 Điều 48 quy định Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định áp dụng thủ tục rút gọn đối với văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, bao gồm cấp xã.
	Cục Pháp luật quốc tế và Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế		Đề nghị quy định chặt chẽ, gắn trách nhiệm cơ quan đề xuất và xác định khoảng thời gian được đề xuất thủ tục rút gọn: ví dụ 1-2 tháng từ khi phát sinh vấn đề cấp bách; đối với điều ước quốc tế, ví dụ 30 tháng từ ngày có hiệu lực; quá thời hạn thì thực hiện trình tự thông thường.	tính cấp bách được xác định theo hậu quả tại thời điểm đề xuất, không phụ thuộc một thời hạn cố định kể từ khi phát sinh sự việc hoặc điều ước có hiệu lực; ấn định thời hạn có thể loại trừ trường hợp khách quan phát sinh muộn.
	Bộ Tài chính		Đề nghị tại điểm d khoản 1 quy định văn bản mới có hiệu lực trong thời hạn dưới 30 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành; tại điểm d, điểm e quy định thời hạn dưới 60 ngày để bảo đảm khả thi.	Dự thảo Luật sử dụng thống nhất mốc dưới 45 ngày tại điểm d và điểm e khoản 1 Điều 48, tương ứng thời hạn có hiệu lực tối thiểu của văn bản trung ương tại Điều 51. Mốc 60 ngày sẽ mở rộng thủ tục ngoại lệ; mốc 30 ngày không còn được sử dụng.
	Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa		Tại điểm d khoản 1, đề nghị rà soát điều kiện văn bản mới có hiệu lực trong thời hạn ít hơn	Tiếp thu

			30 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành để bảo đảm thống nhất với thời hạn có hiệu lực tối thiểu 45 ngày đối với văn bản của cơ quan nhà nước ở trung ương tại Điều 51.	Điểm d và điểm e khoản 1 Điều 48 đã được chỉnh lý sử dụng mốc dưới 45 ngày, thống nhất với thời hạn có hiệu lực tối thiểu đối với văn bản của cơ quan nhà nước ở trung ương tại khoản 1 Điều 51.
		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	Đề nghị xác định trường hợp cấp bách theo hướng nếu áp dụng thủ tục thông thường sẽ không bảo đảm thời gian và có nguy cơ gây thiệt hại hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng; cơ quan đề nghị phải nêu rõ tính cấp bách và hậu quả nếu văn bản không được ban hành kịp thời.	Tiếp thu Điểm a khoản 3 Điều 49 yêu cầu nêu rõ hậu quả nếu không kịp thời ban hành, cơ quan đề nghị phải chứng minh tính cấp bách và chịu trách nhiệm về đề xuất.
		Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng	Tại điểm e khoản 1, đề nghị bỏ quy định về trường hợp văn bản có hiệu lực dưới 30 ngày vì đã thuộc trường hợp áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn, tránh trùng lặp và lạm dụng.	Điểm e khoản 1 Điều 48 áp dụng riêng cho văn bản quy định chi tiết của văn bản được ban hành theo thủ tục rút gọn hoặc trong trường hợp đặc biệt có hiệu lực dưới 45 ngày, nhằm bảo đảm hiệu lực đồng thời. Trường hợp này khác với căn cứ sửa đổi ngay tại điểm d.
		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp	Đề nghị bổ sung trường hợp cần “thay thế” ngay để phù hợp với VBQPPL mới có hiệu lực trong thời hạn dưới 30 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành.	trường hợp thay thế ngay có thể áp dụng điểm b nếu thực sự cấp bách; không bổ sung thành trường hợp tự động vì thay thế thường có phạm vi lớn, cần kiểm soát kỹ hơn sửa đổi để phù hợp văn bản mới.
		Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng	Tại khoản 1, đề nghị bổ sung trường hợp cần “thay thế ngay” cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành, bên cạnh trường hợp cần “sửa đổi ngay”, để thống nhất với hình thức xử lý văn bản tại khoản 4 Điều 9.	Điểm d khoản 1 Điều 48 chỉ xác định trường hợp cần sửa đổi ngay; thay thế thường làm thay đổi phạm vi, chính sách hoặc phần lớn nội dung theo khoản 5 Điều 9 nên cần thực hiện quy trình thông thường, trừ khi đồng thời đáp ứng căn cứ cấp bách khác tại khoản 1 Điều 48.

		Bộ Nội vụ	Đề nghị làm rõ “trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn” để tránh việc trường hợp thông thường cũng được coi là cấp bách khi đề xuất xây dựng, ban hành văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn.	“Cấp bách” là tiêu chí mở để xử lý tình huống thực tiễn chưa thể dự liệu hết. Khoản 3 Điều 49 yêu cầu hồ sơ phải nêu vấn đề phát sinh, dự báo tác động, hậu quả nếu không ban hành kịp thời và căn cứ áp dụng; cơ quan có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn thủ tục.
		Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị mở rộng thành trường hợp cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ ngay để phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành.	Tiếp thu Đối với bãi bỏ; khoản 2 Điều 48 đã quy định trường hợp ban hành văn bản chỉ để bãi bỏ. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế chỉ áp dụng thủ tục rút gọn khi đáp ứng một trong các căn cứ tại khoản 1, tránh mở rộng ngoại lệ.
Trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (Điều 49)		Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, làm rõ hơn đối với văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền cấp tỉnh trong trường hợp cơ quan soạn thảo lấy ý kiến thì có bắt buộc lấy ý kiến đủ các cơ quan: Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ như đối với trình tự, thủ tục thông thường hay không?	Tiếp thu Khoản 4 Điều 49 xác định yêu cầu lấy ý kiến theo thủ tục rút gọn và giao Chính phủ quy định hồ sơ, quy trình đối với văn bản của chính quyền địa phương, không bắt buộc máy móc lấy ý kiến đủ mọi cơ quan.
		Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Trị	Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi theo hướng “phải đăng tải” và “phải lấy ý kiến” trong thời hạn rút ngắn, phù hợp (khoảng 03–05 ngày), trừ trường hợp nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước.	Không bắt buộc đăng tải, lấy ý kiến trong mọi trường hợp vì có tình huống khẩn cấp không đủ điều kiện thực hiện; khi có thể, cơ quan soạn thảo lấy ý kiến ít nhất 03 ngày và vẫn phải chịu trách nhiệm về chất lượng, thẩm định, thẩm tra.
		Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý	Đề nghị thủ tục rút gọn vẫn duy trì mức độ kiểm soát cần thiết; không quy định việc đăng tải, lấy ý kiến quá tùy nghi; hồ sơ cần có nội dung đánh giá tác động, thay vì chỉ tập trung vào báo cáo thuyết minh.	Khoản 3 Điều 49 yêu cầu hồ sơ nêu vấn đề phát sinh, tác động và hậu quả nếu chậm ban hành; khoản 5 vẫn duy trì thẩm định, thẩm tra đối với dự án luật, pháp lệnh. Việc đăng tải, lấy ý

				kiến tại điểm b khoản 4 không bắt buộc trong mọi trường hợp để bảo đảm khả năng xử lý khẩn cấp, nhưng nếu lấy ý kiến bằng văn bản thì thời hạn tối thiểu là 03 ngày.
		STP tỉnh Bắc Ninh	<p>- Tại khoản 1, cần nghiên cứu làm rõ thêm việc quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật từ thời điểm nào thì quy trình rút gọn được xác lập từ thời điểm đó hay sẽ được hiểu là việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đó theo trình tự, thủ tục rút gọn trong cả quy trình, bởi thực tế đã có cách hiểu khác nhau về việc áp dụng trình tự thủ tục rút gọn trong trường hợp này.</p> <p>- Tại điểm b khoản 4, đề nghị chỉnh sửa thành “Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì thời hạn tham gia ý kiến ít nhất là 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tham gia góp ý kiến.”</p> <p>- Khoản 5, khoản 6, khoản 7 quy định nội dung về thẩm định, thẩm tra; hồ sơ xem xét, thông qua và trình tự xem xét, thông qua đối với dự án luật, pháp lệnh và việc Chính phủ cho ý kiến đối với dự án luật, pháp lệnh không do Chính phủ trình theo trình tự, thủ tục rút gọn; tuy nhiên nội dung thuộc Điều chưa thể hiện quy định về thẩm định, thẩm tra; hồ sơ xem xét, thông qua và trình tự xem xét, thông qua đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do chính quyền địa phương ban hành theo trình tự thủ tục rút gọn và tại Điều này không có nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.</p>	<p>Tiếp thu</p> <p>Khoản 1 Điều 49 được chỉnh lý để làm rõ chỉ áp dụng các bước rút gọn sau khi có quyết định; thời hạn góp ý tính từ ngày nhận đề nghị. Khoản 4, khoản 6 và khoản 7 Điều 49 giao Chính phủ quy định hồ sơ, thẩm định, thẩm tra và trình tự đối với văn bản địa phương.</p>

		Bộ Xây dựng	Đề nghị giao Chính phủ quy định cả hồ sơ gửi thẩm định, hồ sơ trình đối với văn bản của Chính phủ, Thủ tướng, Bộ trưởng, chính quyền địa phương; chỉnh lý mốc tính thời hạn lấy ý kiến ít nhất 03 ngày vì các cơ quan có thể nhận đề nghị ở thời điểm khác nhau.	Tiếp thu Điểm c khoản 4, điểm c khoản 6 và điểm d khoản 7 Điều 49 giao Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự đối với văn bản của Chính phủ, Thủ tướng, Bộ trưởng và chính quyền địa phương; thời hạn góp ý tính từ ngày nhận đề nghị.
		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị quy định rõ tiêu chí áp dụng, thẩm quyền quyết định, hồ sơ tối thiểu, yêu cầu thẩm định, thẩm tra và trách nhiệm giải trình. Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân, cần bảo đảm vai trò thẩm tra của Ban Hội đồng nhân dân, quyền tiếp cận hồ sơ của đại biểu; có cơ chế ngăn ngừa lạm dụng thủ tục rút gọn đối với chính sách tác động rộng, ngân sách lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ hoặc tổ chức bộ máy.	Tiếp thu Điều 48 đã quy định trường hợp và thẩm quyền quyết định; khoản 3 Điều 49 quy định hồ sơ đề nghị, khoản 5 quy định thẩm định, thẩm tra, trách nhiệm tiếp thu, giải trình. Hồ sơ và quy trình đối với nghị quyết Hội đồng nhân dân được Chính phủ quy định theo điểm c khoản 6 và điểm d khoản 7 Điều 49.
		Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Tháp	Đề nghị làm rõ cách tính thời hạn 07 ngày và cân nhắc thời hạn không quá 15 ngày đối với dự án phức tạp, liên quan nhiều ngành, lĩnh vực, bảo đảm đủ thời gian nghiên cứu nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu xử lý khẩn trương.	Tiếp thu Điểm d khoản 5 Điều 49 quy định thời hạn 07 ngày và cho phép tối đa 15 ngày đối với dự án phức tạp, liên quan nhiều ngành, lĩnh vực.
		Bộ Ngoại giao	Đề nghị tiếp tục giữ bản rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan trong hồ sơ theo thủ tục rút gọn hoặc trường hợp đặc biệt, nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và tương thích điều ước quốc tế.	Yêu cầu rà soát chủ trương, văn bản và điều ước quốc tế vẫn là nội dung bắt buộc của thẩm định; thông tin được tích hợp trong Tờ trình, thuyết minh và hồ sơ, không duy trì một báo cáo riêng để giảm đầu mục.
		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đề nghị bổ sung thành phần hồ sơ trình Chính phủ theo trình tự, thủ tục rút gọn.	Tiếp thu Khoản 4 Điều 49 giao Chính phủ quy định hồ sơ dự thảo văn bản của Chính phủ, Thủ tướng, Bộ trưởng và chính

			quyền địa phương theo thủ tục rút gọn.
	Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính	Đề nghị quy định rõ vai trò, trách nhiệm của Đoàn đại biểu Quốc hội trong quá trình thẩm tra, cho ý kiến đối với dự án luật, pháp lệnh được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn.	Đoàn đại biểu Quốc hội đã được lấy ý kiến trong quá trình soạn thảo và tham gia theo pháp luật về tổ chức Quốc hội; thủ tục rút gọn không đặt thêm một khâu bắt buộc làm ảnh hưởng yêu cầu xử lý khẩn trương.
	Cục Pháp luật quốc tế và Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Đề nghị quy định trình tự, thủ tục rút gọn chỉ được áp dụng từ thời điểm có quyết định chính thức của cấp có thẩm quyền, tránh gửi hồ sơ thẩm định theo thủ tục rút gọn khi chưa có quyết định.	Tiếp thu Khoản 1 Điều 49 xác định việc đề nghị, quyết định có thể thực hiện trước hoặc trong quá trình xây dựng, nhưng chỉ sau quyết định chính thức mới được áp dụng các công đoạn rút gọn.
	Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai	Đề nghị quy định trường hợp chưa lập danh mục văn bản quy định chi tiết, chưa xác định nội dung được giao hoặc chưa đăng ký xây dựng văn bản thì chỉ thực hiện thủ tục đề nghị áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn, không đồng thời thực hiện quy trình lập danh mục hoặc đăng ký xây dựng văn bản.	Thủ tục rút gọn được bắt đầu bằng đề nghị, quyết định áp dụng; việc lập kế hoạch, danh mục hoặc đăng ký được tích hợp vào quy trình này, không yêu cầu thực hiện thêm các thủ tục thông thường không còn phù hợp.
	Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên	Điều này chưa quy định/hoặc giao cho Chính phủ quy định về việc thẩm định, thẩm tra (đối với Nghị quyết) văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương.	Điều 49 chỉ quy định trực tiếp việc thẩm định, thẩm tra đối với dự án luật, pháp lệnh; hồ sơ và quy trình rút gọn đối với nghị quyết Hội đồng nhân dân, quyết định Ủy ban nhân dân được giao Chính phủ quy định tại điểm c khoản 6, điểm d khoản 7 và Điều 43, bao gồm yêu cầu thẩm định, thẩm tra phù hợp từng loại văn bản.
	Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị đăng tải và lấy ý kiến là nguyên tắc chung; chỉ miễn khi thực sự cấp bách, không có điều kiện thực hiện và phải nêu rõ lý do,	Đăng tải, lấy ý kiến được khuyến khích nhưng không bắt buộc trong mọi trường hợp rút gọn vì có thể không đủ thời gian; quyết định phải

			đồng thời có cơ chế rà soát, tiếp thu, xử lý sau ban hành.	nêu căn cứ, hậu quả và văn bản sau ban hành tiếp tục được kiểm tra, rà soát, đánh giá theo Chương VIII.
		Bộ Tài chính	Đề nghị hồ sơ dự thảo văn bản của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội gửi lấy ý kiến gồm văn bản đề nghị; dự thảo tờ trình; dự thảo văn bản; báo cáo thuyết minh; bản so sánh đối với dự án sửa đổi, bổ sung, thay thế và lý do đề xuất; tài liệu khác nếu có.	Tiếp thu Điểm c khoản 4 và khoản 5 Điều 49 đã quy định các thành phần hồ sơ tương ứng đối với dự án luật, pháp lệnh gửi lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra và xem xét, thông qua.
		Bộ Nội vụ	Đề nghị bổ sung thời hạn tối thiểu đăng tải hồ sơ theo trình tự, thủ tục rút gọn trên Cổng thông tin điện tử để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của đối tượng chịu tác động.	Thủ tục rút gọn cần bảo đảm khả năng xử lý khẩn trương nên không ấn định thời hạn đăng tải bắt buộc cho mọi trường hợp. Điểm b khoản 4 Điều 49 cho phép đăng tải, lấy ý kiến; nếu lấy ý kiến bằng văn bản thì thời hạn tối thiểu là 03 ngày, cơ quan soạn thảo có thể dành thời gian dài hơn khi điều kiện cho phép.
		Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Tháp	Tại khoản 5, đề nghị làm rõ cách tính thời hạn 07 ngày và cân nhắc thời hạn phù hợp với mức độ phức tạp của dự án, bảo đảm đủ thời gian nghiên cứu nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu xử lý khẩn trương.	Tiếp thu Điểm d khoản 5 Điều 49 quy định 07 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ và tối đa 15 ngày đối với dự án phức tạp, liên quan nhiều ngành, lĩnh vực.
		Bộ Công an	Đề nghị quy định cụ thể thành phần hồ sơ và thời gian đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử.	Tiếp thu Về thành phần hồ sơ; khoản 4 Điều 49 đã quy định hồ sơ dự án luật, pháp lệnh và giao Chính phủ quy định hồ sơ của các văn bản còn lại. Thời gian đăng tải không ấn định bắt buộc do phụ thuộc mức độ cấp bách.
	Trình tự, thủ tục rút gọn (Điều 48, Điều 49)	STP tỉnh Tây Ninh	Đề nghị quy định tiêu chí cụ thể xác định trường hợp “cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn”; hồ sơ phải thuyết minh hậu quả nếu không ban hành ngay và không được áp dụng thủ tục rút gọn do	Khoản 3 Điều 49 đã yêu cầu thuyết minh vấn đề phát sinh, tác động và hậu quả nếu chậm ban hành. Quy trình kiểm tra pháp lý, thẩm định, thẩm tra đối với văn bản địa phương

			nguyên nhân chủ quan, chậm chuẩn bị, soạn thảo. Việc kiểm tra pháp lý hoặc thẩm định phải là thủ tục bắt buộc đối với văn bản địa phương tác động trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của người dân, ngân sách, đất đai, tài sản công hoặc thủ tục hành chính; quyết định áp dụng thủ tục rút gọn phải được công khai cùng hồ sơ dự thảo.	được Chính phủ quy định theo Điều 43 và Điều 49; không bắt buộc công khai hồ sơ trong mọi trường hợp vì có tình huống khẩn cấp không đủ điều kiện thực hiện.
Xây dựng, ban hành VBQPPL trong trường hợp đặc biệt (Điều 50)		Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị hồ sơ tối thiểu gồm báo cáo căn cứ, tính cấp bách, hậu quả nếu không ban hành; đánh giá sơ bộ tính hợp hiến, hợp pháp, tác động đến quyền và nguồn lực; ý kiến thẩm định, thẩm tra hoặc lý do không thể thực hiện; đồng thời có trách nhiệm đánh giá, rà soát sau ban hành.	Điều 50 chỉ áp dụng tình huống đặc biệt, hồ sơ tối thiểu phải có Tờ trình và dự thảo; trường hợp điều kiện cho phép vẫn thực hiện thẩm định, thẩm tra. Sau ban hành, văn bản tiếp tục chịu kiểm tra, rà soát và đánh giá hiệu quả theo Chương VIII.
		Bộ Công an	Đề nghị bổ sung thời hạn thẩm định văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp đặc biệt.	Trường hợp đặc biệt đòi hỏi xử lý theo mức độ khẩn cấp thực tế nên không thể ấn định một thời hạn thẩm định chung; khoản 2 Điều 50 vẫn yêu cầu thẩm định, thời hạn do cơ quan có thẩm quyền quyết định phù hợp tình huống.
		Bộ Quốc phòng	Đề nghị rà soát khoản 1 Điều 50 để tránh chồng chéo với trường hợp ban hành văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn tại Điều 48, Điều 49; bổ sung quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền quyết định xây dựng, ban hành văn bản trong trường hợp đặc biệt.	Tiếp thu Điều 50 đã xác định riêng căn cứ ban hành trong trường hợp đặc biệt gắn với chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và tình huống khẩn cấp, sự cố, thảm họa, bất khả kháng hoặc vấn đề đặc biệt quan trọng; khoản 2 đến khoản 4 quy định chủ thể giao nhiệm vụ, cách phối hợp và hồ sơ tối thiểu.
Thời điểm có hiệu lực (Điều 51)		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên	Đề nghị xem lại quy định thời điểm có hiệu lực của nội dung được giao quy định chi tiết không được sớm hơn 06 tháng kể từ ngày văn bản giao quy định chi tiết được thông qua	Tiếp thu Dự thảo đã bỏ thời hạn tối thiểu 06 tháng đối với nội dung giao quy định chi tiết. Điều 51 chỉ quy định thời hạn

			hoặc ký ban hành, để phù hợp với thời hạn có hiệu lực chung tại khoản 1 và tránh khoảng trống pháp lý khi Luật đã có hiệu lực nhưng văn bản quy định chi tiết chưa có hiệu lực.	hiệu lực chung, còn văn bản quy định chi tiết phải có hiệu lực đồng thời theo Điều 8.
		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang	Đề nghị cân nhắc quy định thời hạn tối thiểu 06 tháng đối với nội dung được giao quy định chi tiết, vì thông thường văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị, trình và có hiệu lực cùng thời điểm; quy định này có thể dẫn đến chậm ban hành văn bản quy định chi tiết hoặc phát sinh khoảng trống pháp lý.	Tiếp thu Quy định 06 tháng không còn trong Điều 51, qua đó tránh cách hiểu cho phép chậm ban hành và bảo đảm thống nhất với yêu cầu hiệu lực đồng thời tại Điều 8.
		Thường trực Ủy ban Văn hóa và Xã hội	Đề nghị thời điểm có hiệu lực sớm nhất của luật, pháp lệnh phải sau khi được công bố và đăng tải trên công báo điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, tránh có hiệu lực trước khi công bố hoặc công khai.	Nội dung này chưa được thể hiện trong dự thảo Luật: khoản 2 Điều 51 vẫn cho phép văn bản ban hành theo thủ tục rút gọn hoặc trong trường hợp đặc biệt có hiệu lực từ ngày thông qua hoặc ký ban hành. Cần tiếp tục rà soát riêng đối với luật, pháp lệnh để bảo đảm quan hệ giữa hiệu lực, công bố và công khai.
		Học viện Tư pháp, Văn phòng Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Tháp, Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị rà soát khoản 3 Điều 51 và khoản 3 Điều 8 để bảo đảm thống nhất, không mâu thuẫn giữa thời hạn tối thiểu 06 tháng đối với nội dung được giao quy định chi tiết với yêu cầu văn bản quy định chi tiết có hiệu lực cùng thời điểm.	Tiếp thu Khoản 3 về thời hạn 06 tháng đã được bỏ. Điều 8 hiện yêu cầu văn bản quy định chi tiết có hiệu lực cùng thời điểm, Điều 51 quy định thời hạn hiệu lực chung và ngoại lệ đối với thủ tục rút gọn, đặc biệt.
		Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau	Đề nghị rà soát quy định thời hạn tối thiểu 06 tháng tại khoản 3 Điều 51 với yêu cầu văn bản quy định chi tiết phải có hiệu lực cùng thời điểm tại khoản 3 Điều 8; tránh tạo kẽ hở cho việc chậm ban hành văn bản hướng dẫn và gây vướng mắc khi thi hành.	Tiếp thu Dự thảo không còn thời hạn tối thiểu 06 tháng, nên không tạo khoảng trống hoặc cơ chế hợp thức hóa việc chậm ban hành văn bản quy định chi tiết.
		Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế	Đề nghị bỏ từ “có thể” tại điểm a khoản 2 Điều 51, vì điểm b đã quy định theo hướng	Giữ từ “có thể” vì không phải mọi văn bản ban hành theo thủ tục rút gọn

			loại trừ các trường hợp tại điểm a; việc bỏ từ này sẽ làm rõ, thống nhất và thuận tiện hơn trong áp dụng quy định về thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn.	hoặc đặc biệt đều cần có hiệu lực ngay; cơ quan ban hành quyết định thời điểm phù hợp mức độ cấp bách và điều kiện thi hành.
		Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ	Đề nghị làm rõ trường hợp nghị định giao thông tư quy định chi tiết thì thời điểm có hiệu lực của nội dung được giao được xác định theo khoản 3 Điều 51 hay theo yêu cầu chuẩn bị, trình và có hiệu lực cùng thời điểm tại khoản 3 Điều 8, tránh tình trạng luật, nghị định có hiệu lực nhưng thiếu thông tư hướng dẫn.	Tiếp thu Dự thảo đã bỏ mốc 06 tháng. Nghị định giao thông tư quy định chi tiết phải xác định thời gian chuẩn bị và thông tư phải được ban hành có hiệu lực đồng thời theo khoản 2 Điều 8.
		Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk	Đề nghị làm rõ mối liên hệ giữa thời hạn có hiệu lực chung tại khoản 1 và thời hạn tối thiểu 06 tháng tại khoản 3; bỏ từ “được” trong cụm từ “nội dung được giao quy định chi tiết”; đồng thời quy định cách xử lý khoảng thời gian văn bản cũ và văn bản quy định chi tiết cũ đã hết hiệu lực nhưng nội dung giao quy định chi tiết mới chưa có hiệu lực do chưa đủ 06 tháng.	Tiếp thu Điều 51 hiện chỉ quy định thời hạn hiệu lực chung và không còn thời hạn riêng 06 tháng cho nội dung giao quy định chi tiết, nên không phát sinh khoảng trống nêu trong ý kiến.
		STP Bắc Ninh	Khoản 3 quy định “Thời điểm có hiệu lực của nội dung được giao quy định chi tiết không được sớm hơn 06 tháng kể từ ngày văn bản giao quy định chi tiết thông qua hoặc ký ban hành, trừ trường hợp văn bản quy định chi tiết đã được xây dựng và ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm hoặc văn bản giao quy định chi tiết có quy định thời hạn khác.”; trong khi đó tại khoản 3 Điều 8 về văn bản quy định chi tiết có quy định “Dự thảo văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị và trình đồng thời với dự án luật, pháp lệnh và phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có	Tiếp thu Dự thảo đã bỏ yêu cầu trình đồng thời và bỏ mốc 06 tháng; chỉ giữ yêu cầu kết quả là văn bản quy định chi tiết có hiệu lực cùng thời điểm với nội dung giao.

			hiệu lực của văn bản hoặc điều, khoản, điểm được quy định chi tiết” – từ “phải” dẫn đến cách hiểu quy định cứng về thời điểm có hiệu lực của văn bản quy định chi tiết.	
	Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên, Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi		Đề nghị rà soát, làm rõ quy định tại Điều 51 dự thảo Luật về thời điểm có hiệu lực và khái niệm “nội dung giao quy định chi tiết”, “nội dung được giao quy định chi tiết”, tránh cách hiểu và áp dụng không thống nhất; trong đó, cần nhắc bỏ quy định cho phép văn bản giao quy định chi tiết quy định thời hạn khác mốc 6 tháng, đồng thời làm rõ trường hợp thủ tục rút gọn áp dụng thời hạn 5/10 ngày hay 6 tháng và xác định cụ thể phạm vi của “nội dung được giao quy định chi tiết”.	Tiếp thu Các khái niệm và mốc 06 tháng đã được lược bỏ. Thời điểm có hiệu lực được xác định theo Điều 51, riêng văn bản quy định chi tiết phải tuân thủ yêu cầu hiệu lực đồng thời tại Điều 8.
	UBND tỉnh Vĩnh Long		Đề nghị xem lại nội dung khoản này có mâu thuẫn với nội dung Điều 8 hay không để quy định cho thống nhất.	Tiếp thu Điều 8 và Điều 51 đã được chỉnh lý thống nhất, không còn quy định thời hạn tối thiểu 06 tháng đối với nội dung giao quy định chi tiết.
	STP TP Hà Nội, Kiểm toán nhà nước		Đề nghị làm rõ mối quan hệ giữa khoản 3 Điều 8 và khoản 3 Điều 51 về việc chuẩn bị, ban hành văn bản quy định chi tiết có hiệu lực cùng thời điểm và thời hạn tối thiểu 06 tháng của nội dung được giao quy định chi tiết. Cần xác định rõ mục đích của thời hạn 06 tháng; trường hợp văn bản giao quy định chi tiết quy định “thời hạn khác” có phải ngoại lệ cho phép rút ngắn hay không và điều kiện, giới hạn áp dụng, tránh làm mất ý nghĩa của thời hạn này.	Tiếp thu Khoản 3 Điều 51 về thời hạn 06 tháng đã được bỏ, qua đó thống nhất với trách nhiệm ban hành văn bản quy định chi tiết có hiệu lực đồng thời tại Điều 8.
	Bộ Xây dựng		Đề nghị bổ sung quy định áp dụng theo từng nội dung trong văn bản, vì một văn bản có thể đồng thời có nội dung áp dụng trực tiếp, nội	Tiếp thu Khoản 1 Điều 51 cho phép xác định thời điểm có hiệu lực của toàn bộ hoặc từng phần văn bản, phù hợp

			dung giao quy định chi tiết và các nội dung cần hiệu lực sớm hoặc muộn khác nhau.	trường hợp các nhóm nội dung cần thời điểm áp dụng khác nhau.
	Cục Pháp luật quốc tế và Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế		Đề nghị quy định rõ thời điểm cụ thể của yêu cầu “đăng tải ngay” đối với văn bản ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt.	“đăng tải ngay” được hiểu là thực hiện không chậm trễ sau khi văn bản được thông qua hoặc ký ban hành, tương ứng yêu cầu văn bản có thể có hiệu lực ngay; quy trình kỹ thuật cập nhật được Chính phủ quy định.
	Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai		Đề nghị bổ sung “trang thông tin điện tử” vào nơi đăng tải ngay văn bản được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt, để phù hợp với tổ chức công, trang thông tin điện tử của các cơ quan.	Cổng thông tin điện tử là đầu mối công khai chính thức của cơ quan ban hành; cơ quan không có cổng riêng thực hiện qua cổng của cơ quan cấp trên và Cổng Pháp luật quốc gia, nên không cần bổ sung “trang thông tin điện tử”.
	Bộ Ngoại giao		Đề nghị bổ sung ngoại lệ đối với văn bản có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước hoặc điều ước quốc tế có quy định không đăng tải khi quy định việc đăng tải ngay văn bản ban hành theo thủ tục rút gọn hoặc trường hợp đặc biệt.	Tiếp thu Về nguyên tắc; ngoại lệ bảo vệ bí mật nhà nước và điều ước quốc tế đã được quy định chung tại khoản 3 Điều 10, áp dụng cho cả văn bản rút gọn, đặc biệt nên không cần lặp lại tại Điều 51.
	Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Tháp		Đề nghị rà soát các mốc thời gian để bảo đảm thống nhất; về nguyên tắc, văn bản quy định chi tiết có hiệu lực cùng thời điểm với văn bản giao quy định chi tiết, trường hợp chưa thể thực hiện đồng thời phải xác định rõ thời hạn và trách nhiệm của cơ quan được giao.	Tiếp thu Điều 8 giữ yêu cầu hiệu lực đồng thời và Điều 70 quy định trách nhiệm về tiến độ, chất lượng. Cơ quan soạn thảo phải xác định thời điểm có hiệu lực đủ để chủ thể được giao chuẩn bị, không hợp thức hóa việc chậm ban hành.
	Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh		Đề nghị xem lại quy định thời hạn 05 ngày đối với văn bản địa phương không thuộc trường hợp áp dụng trực tiếp, vì văn bản địa phương thường được áp dụng trực tiếp và không giao quy định chi tiết.	Tiếp thu Khoản 1 Điều 51 hiện quy định thời hạn tối thiểu 10 ngày đối với văn bản của chính quyền địa phương, không còn mốc 05 ngày như nội dung góp ý.

		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn	Tại khoản 3, đề nghị xem xét lại quy định thời điểm có hiệu lực của nội dung được giao quy định chi tiết không được sớm hơn 06 tháng kể từ ngày văn bản giao được thông qua hoặc ký ban hành, nhất là khi áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn.	Tiếp thu Dự thảo dự thảo Luật đã bỏ quy định thời hạn tối thiểu 06 tháng đối với nội dung được giao quy định chi tiết. Điều 51 chỉ quy định thời hạn có hiệu lực chung, còn Điều 8 yêu cầu văn bản quy định chi tiết có hiệu lực đồng thời với nội dung giao.
		Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa	Tại điểm a khoản 2, đề nghị xác định cụ thể thời điểm “ngay sau khi được thông qua hoặc ký ban hành” để bảo đảm rõ ràng, thống nhất khi xác định hiệu lực và tổ chức áp dụng văn bản.	Tiếp thu Khoản 2 Điều 51 đã quy định rõ văn bản ban hành theo thủ tục rút gọn hoặc trong trường hợp đặc biệt có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành và phải được đăng tải ngay trên các kênh chính thức.
		Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng	Đề nghị quy định rõ thời hạn đăng tải văn bản được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt, thay vì chỉ quy định “đăng tải ngay”; đồng thời, giữ quy định linh hoạt như Luật hiện hành, theo đó văn bản được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt “có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành”, không cần phân biệt thời điểm có hiệu lực theo việc có hay không có văn bản quy định chi tiết, do khoản 3 đã quy định riêng về nội dung này.	Giải trình Khoản 2 Điều 51 giữ từ “có thể” để cơ quan ban hành quyết định thời điểm có hiệu lực phù hợp mức độ cấp bách; “đăng tải ngay” là yêu cầu thực hiện không chậm trễ trên Công báo điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và cổng thông tin của cơ quan ban hành. Ấn định thêm một thời hạn có thể làm chậm việc công khai văn bản có hiệu lực ngay.
		Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn	Đề nghị quy định linh hoạt hơn thời hạn tối thiểu 06 tháng đối với nội dung được giao quy định chi tiết, vừa bảo đảm thời gian chuẩn bị vừa đáp ứng yêu cầu kịp thời trong trường hợp cần thiết.	Tiếp thu Thời hạn 06 tháng đã được bỏ, thay bằng thời hạn hiệu lực chung tại Điều 51 và trách nhiệm bảo đảm hiệu lực đồng thời tại Điều 8.
	Hiệu lực của VBQPPL khi thay đổi địa	STP tỉnh Tây Ninh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng	Đề nghị xác định rõ chủ thể có thẩm quyền, thời hạn xử lý và hình thức công khai khi đơn vị hành chính mới quyết định tiếp tục áp dụng	Tiếp thu Khoản 2 Điều 52 giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy

giới đơn vị hành chính (Điều 52)	Ngãi, Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ	hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của các đơn vị được nhập. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị mới cần xử lý văn bản tương ứng với thẩm quyền ban hành; phải rà soát, thống nhất áp dụng và công khai danh mục văn bản tiếp tục áp dụng, hết hiệu lực hoặc bị bãi bỏ, bảo đảm văn bản hành chính không làm phát sinh quy phạm mới hoặc sửa đổi nội dung văn bản cũ.	ban nhân dân của đơn vị mới xử lý văn bản tương ứng thẩm quyền. Điều 73 yêu cầu cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác tình trạng hiệu lực; văn bản hành chính chỉ quyết định phạm vi áp dụng hoặc bãi bỏ, không được sửa đổi nội dung hoặc đặt quy phạm mới.
	Bộ Nội vụ	Đề nghị quy định văn bản đang có hiệu lực trong phạm vi địa giới của đơn vị hành chính trước khi thành lập, giải thể, chia, nhập hoặc điều chỉnh địa giới tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đó đến khi được cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ; trường hợp xung đột với các điểm a, b, c thì áp dụng các điểm này.	Tiếp thu Điểm d khoản 2 Điều 52 đã quy định văn bản đang có hiệu lực trong phạm vi địa giới cũ tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đó, trừ các trường hợp tại điểm a, điểm b, điểm c hoặc đến khi được cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ.
	Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị văn bản hành chính chỉ công bố, xác định danh mục VBQPPL tiếp tục áp dụng trong thời gian chuyển tiếp; sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ phải đúng thẩm quyền, trình tự, hình thức của Luật và có cơ chế áp dụng khi chưa ban hành văn bản mới.	Tiếp thu Văn bản hành chính tại Điều 52 chỉ xác định danh mục, phạm vi tiếp tục áp dụng trong chuyển tiếp; việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc đặt quy phạm mới phải thực hiện bằng văn bản quy phạm pháp luật theo Điều 9.
	Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau	Đề nghị bổ sung yêu cầu công khai văn bản hành chính quyết định tiếp tục áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của đơn vị hành chính cũ trên cổng thông tin điện tử, để người dân và doanh nghiệp có thể xác định văn bản còn hiệu lực sau sắp xếp đơn vị hành chính.	Tiếp thu Khoản 2 Điều 52 yêu cầu việc tiếp tục áp dụng hoặc bãi bỏ được xác định bằng văn bản hành chính; Điều 73 yêu cầu cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác tình trạng hiệu lực trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Hình thức công khai cụ thể được Chính phủ quy định trong quy trình quản lý dữ liệu.

Hiệu lực về không gian (Điều 53)	Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình	Đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, việc quy định chỉ trong trường hợp thật cần thiết để bảo đảm lợi ích chung của xã hội, thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định trong luật của Quốc hội có thể gây ra một số khó khăn trong thực tiễn thi hành. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét bổ sung thêm nội dung: “ <i>được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của trung ương</i> ” để đảm bảo tính khả thi và phù hợp đối với văn bản quy phạm pháp luật của địa phương trong trường hợp cần thiết bảo đảm lợi ích chung của xã hội, thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định trong Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ...	Chỉ cho phép hiệu lực trở về trước để thực hiện quyền, lợi ích đã được luật của Quốc hội ghi nhận vì đây là ngoại lệ ảnh hưởng an toàn pháp lý; nghị định hoặc văn bản dưới luật không tự tạo thêm căn cứ hồi tố.
	STP Bắc Ninh	<ul style="list-style-type: none"> - Tại khoản 1, (i) Đề nghị làm rõ “thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định trong luật của Quốc hội” là các nội dung giao chính quyền địa phương quy định chi tiết hay là các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được ghi nhận trong luật của Quốc hội và không giao chính quyền địa phương quy định chi tiết, nhưng chính quyền địa phương ban hành nội dung để thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân đó phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. (ii) Đề nghị không sử dụng từ “mới” tại khoản này để đảm bảo tính phù hợp trong sử dụng ngôn từ trong văn bản quy phạm pháp luật. - Tại khoản 3, đề nghị nghiên cứu quy định rõ việc quy định hiệu lực trở về trước của văn bản QPPL do chính quyền địa phương ở đơn 	<p>Tiếp thu</p> <p>Về kỹ thuật; khoản 1 không còn dùng từ “mới”. Quyền, lợi ích nêu tại khoản này không nhất thiết là nội dung giao chi tiết nhưng phải được luật ghi nhận; văn bản của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt chỉ được hồi tố khi luật về đơn vị đó cho phép.</p>

			vị hành chính - kinh tế đặc biệt ban hành để đảm bảo tính cụ thể, bao quát, thống nhất trong quy định về nội dung này.	
		Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai	Đề nghị cụ thể hóa tiêu chí “trường hợp thật cần thiết” vì Báo cáo tổng kết đã xác định quy định hiện hành gây nhiều cách hiểu nhưng dự thảo chưa sửa đổi.	“thật cần thiết” là ngưỡng kiểm soát chặt đối với hồi tố, được đánh giá qua lợi ích chung, quyền lợi được bảo đảm và yêu cầu không làm phát sinh trách nhiệm pháp lý mới, nặng hơn; không thể lượng hóa chung cho mọi lĩnh vực.
		Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị quy định rõ điều kiện, phạm vi, giới hạn; chỉ áp dụng khi có căn cứ pháp lý rõ ràng, thật sự cần thiết để thực hiện quyền, lợi ích đã được luật quy định, không làm phát sinh hoặc gia tăng bất lợi và không xáo trộn quyền, lợi ích hợp pháp đã xác lập.	Tiếp thu Về nguyên tắc; Điều 53 giới hạn hồi tố ở trường hợp thật cần thiết để bảo đảm lợi ích chung, thực hiện quyền, lợi ích đã được luật quy định và cấm làm phát sinh trách nhiệm pháp lý mới hoặc nặng hơn.
		Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ	Đề nghị mở rộng trường hợp văn bản của địa phương được quy định hiệu lực trở về trước khi nghị định của Chính phủ giao địa phương quy định chế độ, chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nhưng nghị định được ban hành theo thủ tục rút gọn và có hiệu lực ngay, khiến địa phương không thể ban hành văn bản cùng thời điểm.	Không mở rộng căn cứ hồi tố từ nghị định vì có thể làm giảm tính dự báo và an toàn pháp lý; khi cần hỗ trợ hồi tố cho người dân, doanh nghiệp, căn cứ và phạm vi phải được luật của Quốc hội xác định.
		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn	Đề nghị bổ sung quy định văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt không được quy định hiệu lực trở về trước.	Tiếp thu Khoản 1 và khoản 3 Điều 53 chỉ trao thẩm quyền quy định hiệu lực trở về trước cho cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; các chủ thể địa phương khác, trong đó có chính quyền tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, không mặc nhiên có thẩm quyền này.

		Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn	Đề nghị quy định rõ văn bản của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt có được quy định hiệu lực trở về trước hay không.	Văn bản của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt chỉ được quy định hiệu lực trở về trước khi luật của Quốc hội về đơn vị đó xác định thẩm quyền; Điều 53 không mặc nhiên trao quyền hồi tố.
	Công bố tiếp tục có hiệu lực (Điều 54, Điều 55)	Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai	Đề nghị làm rõ cơ quan, người có thẩm quyền công bố tiếp tục có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần và hình thức công bố; đồng thời rà soát để bảo đảm thống nhất với khoản 2 Điều 54 về việc thời điểm tiếp tục có hiệu lực phải được quy định rõ tại văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền.	Cơ quan, người đã ban hành hoặc có thẩm quyền xử lý văn bản tạm ngưng quyết định việc tiếp tục có hiệu lực; hình thức là văn bản của chính chủ thể đó và phải xác định rõ thời điểm theo khoản 2 Điều 54.
	Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực (Điều 55, Phương án 1)	Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk, Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh; Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa; Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai; Bộ Y tế; Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng; Bộ Nội vụ	Đề nghị bổ sung trường hợp nội dung giao quy định chi tiết bị “bãi bỏ” vào quy định về căn cứ làm hết hiệu lực nội dung quy định chi tiết tương ứng.	Tiếp thu Điểm c khoản 1 Điều 55 xác định văn bản bị bãi bỏ là một căn cứ hết hiệu lực; khoản 2 quy định nội dung quy định chi tiết tương ứng hết hiệu lực khi toàn bộ hoặc một phần văn bản giao quy định chi tiết hết hiệu lực.
		Học viện Tư pháp	Đề nghị cân nhắc giữ quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, vì cả hai phương án của dự thảo chỉ điều chỉnh văn bản quy định chi tiết, trong khi quy định hiện hành còn áp dụng đối với văn bản quy định biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành.	Văn bản quy định biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành được ban hành theo thẩm quyền vốn có, không phụ thuộc hoàn toàn vào một nội dung giao chi tiết nên không đương nhiên hết hiệu lực; phải được rà soát, xử lý theo Điều 9 và điều về rà soát.
		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ	Đề nghị làm rõ trường hợp công bố tiếp tục có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần tại khoản 2 Điều 55 có bao gồm trường hợp nghị định được tạm ngưng, điều chỉnh hiệu lực hoặc kéo dài thời hạn áp dụng theo khoản 6 Điều	Việc tạm ngưng chỉ làm ngừng áp dụng trong thời hạn, không làm văn bản hết hiệu lực; cơ chế công bố tiếp tục có hiệu lực tại Điều 55 áp dụng khi nội dung giao chi tiết bị thay thế,

			14 hay không, trong khi khoản 2 Điều 55 quy định văn bản công bố là văn bản hành chính.	sửa đổi, không áp dụng cho trường hợp tạm ngưng tại Điều 54.
		Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên, Ninh Bình, Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Trị, STP tỉnh Đồng Nai, STP tỉnh Hưng Yên, STP tỉnh Quảng Ninh, STP tỉnh Tây Ninh, STP TP Hà Nội, Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu, Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên, Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau, Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng, Bộ Công an, Văn phòng Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Tháp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Sở Tư pháp Hà Nội, Sở Tư pháp Tuyên Quang, Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng; Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Tháp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Kiểm toán	Đề nghị lựa chọn Phương án 1 , phương án này lấy “nội dung giao quy định chi tiết” làm căn cứ để xác định phạm vi hết hiệu lực của văn bản quy định chi tiết, qua đó bảo đảm xác định cụ thể phần văn bản quy định chi tiết hết hiệu lực trong trường hợp văn bản được quy định chi tiết chỉ hết hiệu lực một phần. Cách quy định này cũng phù hợp với thực tế một văn bản quy định chi tiết có thể đồng thời quy định nhiều nội dung được giao tại các điều, khoản khác nhau của văn bản được quy định chi tiết.	Tiếp thu Dự thảo đã lựa chọn phương án xác định hiệu lực theo từng nội dung giao quy định chi tiết, qua đó chỉ làm hết hiệu lực phần quy định chi tiết tương ứng.

		nhà nước, Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa, Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ		
		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đề nghị bỏ ngoại lệ “trừ trường hợp được công bố tiếp tục có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần” trong cả hai phương án để tránh mâu thuẫn với yêu cầu xử lý quy định khác tại khoản 5 Điều 9.	Cần giữ cơ chế công bố tiếp tục có hiệu lực để tránh khoảng trống khi quy định chi tiết vẫn phù hợp với văn bản mới; việc tiếp tục chỉ được công bố sau rà soát và không thay thế nghĩa vụ xử lý quy định trái, không còn phù hợp.
		STP tỉnh Bắc Ninh	- Điểm b khoản 1 quy định “Được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật đó;”: với ý kiến đã nêu đối với khoản 5 Điều 9, đề nghị nghiên cứu quy định nội dung này đảm bảo tính thống nhất, phù hợp trong trường hợp chủ thể ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật không do cùng chủ thể ban hành.	Văn bản chỉ được sửa đổi, thay thế bởi chủ thể khác khi luật quy định thẩm quyền hoặc chủ thể đó kế thừa chức năng, nhiệm vụ do sắp xếp tổ chức bộ máy; khoản 1 Điều 55 được áp dụng thống nhất với Điều 9.
	Tạm ngưng, điều chỉnh hiệu lực, kéo dài thời hạn áp dụng (Điều 11, Điều 12, Điều 14, Điều 15-17, Điều 54)	Bộ Công Thương	Đề nghị rà soát để quy định thống nhất thẩm quyền tạm ngưng, điều chỉnh hiệu lực hoặc kéo dài thời hạn áp dụng đối với các chủ thể ban hành VBQPPL; Điều 54 mới có nguyên tắc chung về tạm ngưng, chưa có nguyên tắc tương tự cho điều chỉnh hiệu lực và kéo dài thời hạn áp dụng.	Điều 54 quy định nguyên tắc chung về tạm ngưng vì đây là trạng thái hiệu lực tạm thời; điều chỉnh hiệu lực, kéo dài thời hạn phải được chính chủ thể ban hành thực hiện bằng hình thức văn bản tương ứng và đã được quy định tại các điều về thẩm quyền.
	VBQPPL hết hiệu lực (Điều 55)	Thanh tra Chính phủ, Đoàn ĐBQH tỉnh Khánh Hòa, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Sở Tư pháp thành phố Cần	Lựa chọn Phương án 2; đồng thời đề nghị quy định rõ trường hợp văn bản hết hiệu lực toàn bộ và trường hợp hết hiệu lực một phần.	Dự thảo lựa chọn phương án xác định hiệu lực theo nội dung giao quy định chi tiết vì chính xác hơn khi một văn bản chi tiết nhiều nội dung; Điều 55 đã phân định rõ hết hiệu lực toàn bộ và một phần.

	<p>Thơ, Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai, Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế; Đoàn ĐBQH tỉnh Khánh Hòa, Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi, Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp</p>		
	STP TP Hà Nội	<p>Đề nghị quy định việc công bố tình trạng văn bản quy định chi tiết hết hiệu lực toàn bộ, một phần hoặc còn hiệu lực phải hoàn thành trước khi văn bản được quy định chi tiết thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung có hiệu lực. Trường hợp văn bản được ban hành theo thủ tục rút gọn, đề nghị công bố chậm nhất 10 ngày kể từ ngày văn bản được công bố, nhằm giúp cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời xác định tình trạng hiệu lực và tránh tiếp tục áp dụng văn bản đã hết hiệu lực.</p>	<p>Tiếp thu Khoản 3 Điều 55 giao Chính phủ quy định chi tiết việc xác định, công bố phần văn bản quy định chi tiết tiếp tục có hiệu lực; thời hạn và việc cập nhật phải bảo đảm tổ chức, cá nhân xác định được tình trạng pháp lý trước khi áp dụng văn bản mới.</p>
	Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu	<p>Đề nghị xác định dự thảo văn bản quy định chi tiết là thành phần bắt buộc của hồ sơ xin ý kiến, thẩm định, thẩm tra và hồ sơ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hồ sơ phải kèm báo cáo về tiến độ và khả năng bảo đảm hiệu lực đồng thời. Nội dung thẩm định, thẩm tra phải đánh giá việc xác định nội dung giao quy định chi tiết và mức độ sẵn sàng của dự thảo; khi tiếp thu, chỉnh lý dự án luật, pháp lệnh phải đồng thời cập nhật dự thảo văn bản quy định chi tiết.</p>	<p>Không quy định dự thảo văn bản chi tiết là thành phần bắt buộc của mọi hồ sơ vì khó khả thi với nội dung giao địa phương và dự án còn được chỉnh lý; Điều 8 và Điều 70 vẫn quy định trách nhiệm bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu lực đồng thời.</p>

		Cục Quản lý Thi hành án dân sự	Lựa chọn Phương án 1; đồng thời đề nghị làm rõ thẩm quyền ban hành và giá trị pháp lý của văn bản công bố tiếp tục có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần.	Tiếp thu Việc lựa chọn phương án theo nội dung giao. Văn bản công bố do cơ quan, người có thẩm quyền quản lý, ban hành văn bản quy định chi tiết thực hiện, có giá trị xác nhận tình trạng hiệu lực và không đặt ra quy phạm mới.
		Bộ Xây dựng	Đề nghị cân nhắc việc công bố tiếp tục có hiệu lực bằng văn bản hành chính vì khó xác định phần nội dung tiếp tục có hiệu lực, nhất là với văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều; tổ chức, cá nhân cũng khó theo dõi tình trạng hiệu lực.	Văn bản hành chính chỉ xác nhận phần quy định chi tiết tiếp tục có hiệu lực trên cơ sở rà soát, không sửa đổi hoặc tạo hiệu lực mới; văn bản phải công khai để tổ chức, cá nhân xác định chính xác nội dung tiếp tục áp dụng.
		Bộ Tài chính	Đề nghị nghiên cứu kỹ cả hai phương án vì thực tế còn khó phân định văn bản quy định chi tiết với văn bản quy định biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành; dự thảo chưa có khái niệm và cách xác định văn bản quy định chi tiết, gây khó khăn khi xác định văn bản hết hiệu lực hoặc tiếp tục có hiệu lực.	Văn bản quy định chi tiết được nhận diện qua điều, khoản, điểm giao và chủ thể được xác định theo Điều 8; văn bản về biện pháp tổ chức thi hành không phụ thuộc nội dung giao nên phải được rà soát, xử lý riêng, không tự động hết hiệu lực.
		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đề nghị quy định văn bản gốc bị bãi bỏ, thay thế thì văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản gốc cũng đồng thời hết hiệu lực.	Văn bản sửa đổi, bổ sung không tồn tại độc lập về nội dung sau khi quy định đã được cập nhật vào văn bản gốc; khi văn bản gốc hết hiệu lực thì phần sửa đổi, bổ sung gắn với văn bản đó cũng không còn được áp dụng, không cần quy định riêng.
		Sở Tư pháp Tuyên Quang	Đề nghị chỉnh sửa thành “Được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật này” cho khoa học và bao quát các trường hợp.	Khoản 1 Điều 55 đã liệt kê đầy đủ các căn cứ hết hiệu lực; dẫn chiếu chung khoản 1 Điều 9 có thể không chính xác vì Điều 9 còn điều chỉnh đình chỉ và các trường hợp không làm hết hiệu lực.

		Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị lựa chọn Phương án 1; quy định văn bản quy định chi tiết chỉ hết hiệu lực tương ứng phần nội dung được giao đã hết hiệu lực. Khi tiếp tục áp dụng, công bố cụ thể phần còn hiệu lực trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật kèm bảng đối chiếu phần hết hiệu lực và phần tiếp tục áp dụng.	Tiếp thu Dự thảo lựa chọn phương án nội dung giao hết hiệu lực đến đâu thì quy định chi tiết tương ứng hết hiệu lực đến đó; văn bản công bố phải đăng tải để nhận diện phần tiếp tục áp dụng.
		Văn phòng Bộ Tư pháp	Bên cạnh việc lựa chọn Phương án 1, đề nghị bổ sung trách nhiệm kịp thời công bố, cập nhật thông tin về việc văn bản quy định chi tiết hoặc một phần nội dung của văn bản hết hiệu lực trên Công báo điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.	Tiếp thu Khoản 2 Điều 55 xác định tình trạng hết hiệu lực toàn bộ, một phần của văn bản quy định chi tiết; Điều 73 yêu cầu cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác tình trạng hiệu lực trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Hình thức công bố cụ thể được quy định chi tiết theo khoản 3 Điều 55.
		Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị công bố văn bản quy định chi tiết hết hiệu lực ngay khi văn bản giao quy định chi tiết hết hiệu lực, thay vì công bố tiếp tục có hiệu lực, đề cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời xác định tình trạng pháp lý.	Phần quy định chi tiết hết hiệu lực trực tiếp theo luật và được cập nhật trên cơ sở dữ liệu; chỉ trường hợp ngoại lệ tiếp tục áp dụng mới cần văn bản công bố để chứng minh căn cứ và phạm vi tiếp tục có hiệu lực.
		Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An	Đề nghị cho phép tiếp tục áp dụng văn bản quy định chi tiết của địa phương nếu nội dung vẫn phù hợp, không trái pháp luật mới và chưa được thay thế, dù văn bản giao quy định chi tiết đã được thay thế, sửa đổi, bổ sung hoặc hết hiệu lực.	Tiếp thu Khoản 2 Điều 55 cho phép công bố tiếp tục có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần khi quy định chi tiết của địa phương vẫn phù hợp, qua đó tránh khoảng trống trong thời gian chờ văn bản thay thế.
		Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính	Bên cạnh việc lựa chọn Phương án 2, đề nghị quy định thời hạn tối đa để công bố tiếp tục có hiệu lực hoặc ban hành văn bản mới, tránh khoảng trống pháp lý.	Dự thảo lựa chọn phương án theo nội dung giao; thời hạn ban hành văn bản mới phụ thuộc phạm vi, tính chất từng lĩnh vực, nên không ấn định một mốc chung nhưng phải bảo đảm hiệu lực đồng thời theo Điều 8.

	Về áp dụng văn bản quy phạm pháp luật (Điều 56)	Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên, Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Trị, STP tỉnh Bắc Ninh, UBND tỉnh Vĩnh Long, STP tỉnh Hưng Yên, Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Quản lý Thi hành án dân sự, Đoàn ĐBQH tỉnh Khánh Hòa, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên, Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau, Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng, Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai, Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh, Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên, Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế; Đoàn ĐBQH tỉnh Khánh Hòa, Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa, Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi	Đề nghị lựa chọn Phương án 2 , vì phương án này quy định cụ thể hơn căn cứ xác định quy định được áp dụng trong trường hợp có nhiều quy định cùng điều chỉnh một vấn đề nhưng không thể áp dụng đồng thời; đồng thời thiết lập tiêu chí xác định tính trực tiếp, cụ thể của quy định, qua đó hạn chế tình trạng áp dụng tùy nghi dựa trên khái niệm “pháp luật chuyên ngành” như tại Phương án 1.	Tiếp thu Điểm b khoản 4 Điều 56 đã lựa chọn tiêu chí quy định điều chỉnh trực tiếp, cụ thể hơn và xác định căn cứ nhận diện theo phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, quyền, nghĩa vụ, điều kiện, trình tự, thủ tục hoặc hậu quả pháp lý.
		STP tỉnh Bắc Ninh, Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng	- Tại khoản 4 có sử dụng cụm từ “ban hành sau” để xác định lựa chọn văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng; tuy nhiên tại khoản 5 có sử dụng cụm từ “quy phạm pháp luật có	Tiếp thu Khoản 4 Điều 56 đã bỏ hai phương án và thống nhất thứ tự ưu tiên đối với văn bản do cùng một cơ quan ban

			<p>cùng hiệu lực pháp lý” (Phương án 1) và “văn bản có hiệu lực sau” (điểm b phương án 2) – được hiểu là căn cứ vào thời điểm có hiệu lực của văn bản – không căn cứ vào thời gian ban hành văn bản. Do đó, đề nghị nghiên cứu các nội dung này để đảm bảo tính thống nhất trong việc xác định thời điểm của văn bản quy phạm pháp luật là thời gian ban hành hay thời điểm có hiệu lực.</p> <p>+ Tại khoản 5: đề xuất lựa chọn phương án 1 để đảm bảo tính phù hợp trong chủ trương hoàn thiện thể chế theo hướng lựa chọn áp dụng theo pháp luật chuyên ngành khi có quy định khác nhau giữa các văn bản quy phạm pháp luật về cùng một vấn đề.</p>	<p>hành: quy định ưu tiên áp dụng; quy định điều chỉnh trực tiếp, cụ thể hơn; sau cùng là văn bản có hiệu lực sau. Dự thảo không còn sử dụng đồng thời hai tiêu chí “ban hành sau” và “có hiệu lực sau”.</p>
		Thường trực Ủy ban Văn hóa và Xã hội	<p>Đề nghị coi mâu thuẫn giữa các văn bản do cùng một cơ quan ban hành là khiếm khuyết được phát hiện sau ban hành; quy định trách nhiệm kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ tại kỳ họp, phiên họp gần nhất, không để tình trạng mâu thuẫn kéo dài.</p>	<p>Điều 56 chỉ xác định quy tắc áp dụng trong thời gian tồn tại quy định khác nhau; các điều 62, 63 và 67 quy định kiểm tra, rà soát và phản ứng chính sách để xử lý. Không ấn định phải xử lý tại kỳ họp, phiên họp gần nhất vì thẩm quyền và quy trình của từng hình thức văn bản khác nhau.</p>
		UBND tỉnh Vĩnh Long	<p>Tại khoản 4 quy định “Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.”, tuy nhiên phương án 1 của khoản 5 không quy định đối với văn bản do cùng một cơ quan ban hành, do đó đề nghị xem lại. Mặt khác, trong thời gian qua phát sinh trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định cùng một vấn đề nhưng khác cơ quan ban hành (ví dụ:</p>	<p>Khoản 4 Điều 56 chỉ áp dụng đối với văn bản do cùng một cơ quan ban hành. Xung đột giữa văn bản của các cơ quan khác nhau được xử lý trước hết theo hiệu lực pháp lý, thẩm quyền và cơ chế kiểm tra, xử lý tại Điều 62; không trao quyền cho người áp dụng tự lựa chọn giữa các văn bản cùng thứ bậc.</p>

			thông tư của hai Bộ) dẫn đến khó khăn trong việc xác định áp dụng văn bản, vì vậy đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung việc áp dụng trong trường hợp này.	
		STP tỉnh Hưng Yên, Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau	Bên cạnh việc lựa chọn Phương án 2, đề nghị bổ sung ví dụ minh họa hoặc hướng dẫn cụ thể về tiêu chí “văn bản điều chỉnh trực tiếp, cụ thể hơn” để bảo đảm áp dụng thống nhất.	Tiếp thu Điểm b khoản 4 Điều 56 đã quy định tiêu chí xác định tính trực tiếp, cụ thể theo phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, quyền, nghĩa vụ, điều kiện, trình tự, thủ tục hoặc hậu quả pháp lý. Ví dụ nghiệp vụ được hướng dẫn khi tổ chức thi hành để tránh thu hẹp phạm vi của quy tắc chung.
		STP TP Hà Nội	Đề nghị nghiên cứu lại cả hai phương án. Phương án 1 chưa có tiêu chí rõ ràng để xác định quy định chuyên ngành khi có nhiều văn bản cùng điều chỉnh một vấn đề; Phương án 2 cũng khó xác định thế nào là “điều chỉnh trực tiếp, cụ thể hơn”, nhất là khi văn bản ban hành sau có quy định khác nhưng không nêu rõ việc thay thế. Cần xây dựng tiêu chí khách quan, dễ xác định, hạn chế việc giải thích, suy đoán hoặc lựa chọn chủ quan.	Tiếp thu Khoản 4 Điều 56 đã xác định thứ tự áp dụng và tiêu chí khách quan về phạm vi, đối tượng, quyền, nghĩa vụ, điều kiện, trình tự, thủ tục, hậu quả pháp lý; văn bản có hiệu lực sau chỉ được xét sau khi không có quy định ưu tiên áp dụng hoặc quy định điều chỉnh trực tiếp, cụ thể hơn.
		Bộ Xây dựng	Đề nghị tiếp tục hoàn thiện cả hai phương án: Phương án 1 chưa định nghĩa “pháp luật chuyên ngành”; Phương án 2 chưa có tiêu chí xác định “trực tiếp, cụ thể hơn”.	Tiếp thu Dự thảo không sử dụng khái niệm “pháp luật chuyên ngành”, mà quy định trực tiếp tiêu chí nhận diện quy định điều chỉnh trực tiếp, cụ thể hơn tại điểm b khoản 4 Điều 56.
		Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Tháp	Đề nghị làm rõ tiêu chí ưu tiên áp dụng khi nhiều luật cùng điều chỉnh một nội dung và cách xử lý trường hợp luật đã có quy định riêng về nguyên tắc áp dụng, hạn chế xung đột và cách hiểu khác nhau.	Tiếp thu Khoản 3, khoản 4 Điều 56 đã xác định thứ tự ưu tiên; điểm a khoản 4 ưu tiên luật có quy định riêng về áp dụng và khoản 7 cho phép Quốc hội quy định

			trường hợp áp dụng khác trong luật có liên quan.
	Cục Pháp luật quốc tế và Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, Bộ Ngoại giao	Nếu lựa chọn Phương án 1, đề nghị quy định rõ “pháp luật chuyên ngành”, nhất là khi một đối tượng đồng thời chịu sự điều chỉnh của nhiều luật chuyên ngành.	Tiếp thu Dự thảo không còn phụ thuộc vào khái niệm “pháp luật chuyên ngành”, mà sử dụng tiêu chí quy định điều chỉnh trực tiếp, cụ thể hơn tại điểm b khoản 4 Điều 56 để xử lý trường hợp nhiều luật cùng điều chỉnh.
	Bộ Tài chính; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn; Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai; Bộ Y tế; Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng; Bộ Nội vụ;	Lựa chọn Phương án 1 vì phù hợp định hướng hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật; đồng thời đề nghị nghiên cứu tính khả thi do khái niệm và cách xác định pháp luật chuyên ngành giữa các lĩnh vực chưa rõ.	Dự thảo lựa chọn tiêu chí quy định điều chỉnh trực tiếp, cụ thể hơn vì có thể kiểm chứng qua phạm vi, đối tượng, quyền, nghĩa vụ, điều kiện và hậu quả pháp lý; cách này rõ hơn việc xác định chung “pháp luật chuyên ngành”.
	Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh	Có ý kiến lựa chọn Phương án 1 làm nền tảng nhưng đề nghị bổ sung tiêu chí xác định quy phạm chuyên ngành và chỉ coi văn bản ban hành sau thay thế quy phạm chuyên ngành khi thể hiện rõ ý chí sửa đổi, thay thế hoặc phạm vi áp dụng mới. Đồng thời, có ý kiến lựa chọn Phương án 2 và đề nghị tiếp tục hoàn thiện phương án này.	Tiếp thu Khoản 4 Điều 56 đã kết hợp các yếu tố của hai phương án theo thứ tự: luật có quy định ưu tiên áp dụng; quy định điều chỉnh trực tiếp, cụ thể hơn; văn bản có hiệu lực sau. Cách thiết kế này tránh việc văn bản chung có hiệu lực sau mặc nhiên được ưu tiên trước quy định trực tiếp, cụ thể.
	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang	Lựa chọn Phương án 1 nhưng đề nghị tích hợp tiêu chí của Phương án 2: quy định chuyên ngành chỉ áp dụng trong phạm vi lĩnh vực hoặc nhóm quan hệ xã hội mà quy định	Tiếp thu Điểm b khoản 4 Điều 56 đã tích hợp các tiêu chí về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, quyền, nghĩa vụ, điều

			đó trực tiếp điều chỉnh; tính trực tiếp, cụ thể được xác định căn cứ vào đối tượng, phạm vi áp dụng và nội dung về quyền, nghĩa vụ, điều kiện, trình tự, thủ tục hoặc hậu quả pháp lý.	kiện, trình tự, thủ tục và hậu quả pháp lý để xác định quy định điều chỉnh trực tiếp, cụ thể hơn.
	Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk		Bên cạnh việc lựa chọn Phương án 1, đề nghị bổ sung khái niệm và tiêu chí cụ thể để xác định pháp luật chung, pháp luật chuyên ngành, khắc phục cách hiểu không thống nhất trong áp dụng.	Dự thảo không thiết lập khái niệm pháp luật chung, pháp luật chuyên ngành mà chuyển sang tiêu chí điều chỉnh trực tiếp, cụ thể tại điểm b khoản 4 Điều 56; cách tiếp cận này hạn chế tranh luận khi một lĩnh vực có nhiều luật cùng điều chỉnh.
	Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai		Đề nghị xác định thứ tự ưu tiên giữa nguyên tắc áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn, văn bản ban hành sau của cùng một cơ quan và quy định chuyên ngành hoặc quy định trực tiếp, cụ thể hơn, để tránh khó khăn khi một vụ việc đồng thời thuộc nhiều nguyên tắc.	Tiếp thu Điều 56 xác định thứ tự: áp dụng điều ước quốc tế theo khoản 6; trong pháp luật trong nước áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn theo khoản 3; đối với văn bản cùng cơ quan, lần lượt áp dụng điểm a, điểm b và điểm c khoản 4.
	Bộ Công an		Bên cạnh việc lựa chọn Phương án 2, đề nghị quy định rõ hơn theo hướng ưu tiên áp dụng quy định trực tiếp và có lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp, như quyền cao hơn, nghĩa vụ nhẹ hơn, điều kiện và thủ tục đơn giản hơn.	không bổ sung nguyên tắc chung “có lợi hơn” vì lợi ích của các nhóm chủ thể có thể đối lập và nhiều quy định nhằm bảo vệ lợi ích công; chỉ áp dụng quy định có lợi khi luật chuyên ngành quy định rõ.
	Văn phòng Bộ Tư pháp		Lựa chọn Phương án 1 tại khoản 5; đồng thời đề nghị làm rõ mối quan hệ giữa nguyên tắc áp dụng văn bản ban hành sau tại khoản 4 và nguyên tắc ưu tiên quy định chuyên ngành tại khoản 5 khi các tiêu chí này đồng thời được đặt ra.	Tiếp thu Khoản 4 Điều 56 đã xác định rõ quy định điều chỉnh trực tiếp, cụ thể hơn được ưu tiên trước văn bản có hiệu lực sau; tiêu chí thời gian chỉ được áp dụng khi không xác định được quy định ưu tiên hoặc quy định trực tiếp, cụ thể hơn.
	Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Tháp		Đề nghị làm rõ tiêu chí ưu tiên áp dụng khi nhiều luật cùng điều chỉnh một nội dung và	Tiếp thu

			cách xử lý trường hợp luật đã có quy định riêng về nguyên tắc áp dụng, hạn chế xung đột và cách hiểu khác nhau.	Điểm b khoản 4 Điều 56 quy định tiêu chí xác định tính trực tiếp, cụ thể; điểm a khoản 4 và khoản 7 cho phép Quốc hội quy định nguyên tắc áp dụng riêng trong luật có liên quan.
		Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An	Đề nghị nghiên cứu lại cả hai phương án: Phương án 1 chưa rõ tiêu chí xác định pháp luật chuyên ngành và chưa xử lý văn bản chung ban hành sau hoặc nhiều văn bản chuyên ngành; Phương án 2 chưa xử lý xung đột giữa văn bản của hai cơ quan khác nhau có cùng hiệu lực. Đồng thời, cần phân định rõ phạm vi áp dụng giữa khoản 4 và khoản 5.	Khoản 4 Điều 56 xử lý trường hợp văn bản do cùng một cơ quan ban hành. Trường hợp văn bản của các cơ quan khác nhau cùng thứ bậc có quy định khác nhau phải xem xét thẩm quyền và xử lý theo Điều 62, không cho phép người áp dụng tự lựa chọn; vì vậy không mở rộng khoản 4 sang trường hợp này.
		Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính; Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị nghiên cứu phương án kết hợp: ưu tiên quy định pháp luật chuyên ngành, đồng thời cho phép văn bản ban hành sau quy định rõ việc áp dụng thay thế khi cần thiết.	Tiếp thu Khoản 4 Điều 56 đã sử dụng phương án kết hợp theo thứ tự ưu tiên: luật có quy định ưu tiên áp dụng; quy định điều chỉnh trực tiếp, cụ thể hơn; văn bản có hiệu lực sau.
		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp	Đề nghị kế thừa nguyên tắc áp dụng văn bản ban hành sau khi các văn bản do cùng một cơ quan ban hành quy định khác nhau về cùng một vấn đề và không bổ sung trường hợp khác tại khoản 5.	Cần giữ tiêu chí quy định điều chỉnh trực tiếp, cụ thể hơn để tránh văn bản chung có hiệu lực sau mặc nhiên làm mất khả năng áp dụng quy định đặc thù. Văn bản có hiệu lực sau vẫn được áp dụng tại điểm c khoản 4 khi không có căn cứ ưu tiên theo điểm a và điểm b.
		Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đề nghị ưu tiên quy định pháp luật chuyên ngành; nếu có nhiều quy định chuyên ngành thì áp dụng quy định điều chỉnh trực tiếp, cụ thể hơn. Trường hợp luật nền tảng và luật chuyên ngành cùng trực tiếp điều chỉnh thì ưu tiên luật nền tảng, trừ trường hợp Quốc hội quy định khác.	Luật có tính nền tảng không có hiệu lực cao hơn luật khác; khi áp dụng phải căn cứ quy định trực tiếp, cụ thể và ý chí của Quốc hội trong từng luật. Vì vậy không mặc nhiên ưu tiên luật nền tảng khi cùng điều chỉnh trực tiếp.

	Nội dung và trách nhiệm tổ chức thi hành VBQPPL (Điều 57)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Nội dung điểm e khoản 1 Điều này trùng lặp với nội dung Điều 65, đồng thời việc đánh giá hiệu quả văn bản quy phạm pháp luật nên được quy định chi tiết tại nghị định hướng dẫn thi hành, không nên quy định cụ thể tại dự án Luật.	Tiếp thu Điều 57 chỉ liệt kê đánh giá hiệu quả thi hành là một nội dung tổ chức thi hành, còn nội dung đánh giá được quy định tập trung tại điều về đánh giá hiệu quả, không lặp lại quy định chi tiết.
		STP tỉnh Quảng Ninh	Đề nghị quy định rõ thời điểm thực hiện việc “đánh giá văn bản quy phạm pháp luật sau một thời gian thi hành” tại điểm e khoản 1.	Thời điểm đánh giá phải phụ thuộc thời gian thi hành, phạm vi và mức độ tác động của từng văn bản; Luật chỉ quy định nội dung đánh giá và giao Chính phủ quy định tiêu chí, thời điểm để tránh đánh giá hình thức.
		Bộ Công Thương	Đề nghị cân nhắc sự cần thiết quy định riêng vì đây là hoạt động quản lý, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, thẩm quyền.	Tổ chức thi hành là một phần phạm vi điều chỉnh và chính sách lớn của dự án Luật, cần xác định các nội dung cốt lõi để gắn trách nhiệm xây dựng với kết quả thi hành, không chỉ là quản lý nội bộ.
		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị làm rõ trách nhiệm theo dõi, sơ kết, tổng kết và đánh giá hiệu quả thi hành của cơ quan trình, cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan được giao tổ chức thi hành. Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân, cơ quan chủ trì gửi kết quả thực hiện, rà soát, đánh giá và kiến nghị xử lý đến Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Thường trực và các Ban trong rà soát, xử lý nghị quyết.	Tiếp thu Điểm g, điểm h khoản 1 Điều 57 đã quy định theo dõi, đánh giá hiệu quả, sơ kết, tổng kết; khoản 2 Điều 58 yêu cầu cơ quan, tổ chức thực hiện và cung cấp thông tin, kết quả trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ. Cơ chế phối hợp, báo cáo của địa phương được Chính phủ quy định chi tiết.
		Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị đổi “đánh giá văn bản quy phạm pháp luật sau một thời gian thi hành” thành “đánh giá hiệu quả văn bản quy phạm pháp luật”; đồng thời không coi việc ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và	Tiếp thu Về thuật ngữ; Điều 57 hiện sử dụng thống nhất “đánh giá hiệu quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật”. Ban hành văn bản quy định chi tiết và biện pháp thi hành được giữ vì đây là

			biện pháp tổ chức thi hành là nội dung tổ chức thi hành văn bản.	điều kiện trực tiếp để văn bản đi vào cuộc sống.
Giải thích pháp lệnh (Điều 58)	Bộ Công an	Đề nghị nghiên cứu, cân nhắc sự phù hợp của việc xây dựng pháp lệnh để giải thích pháp lệnh.		Ủy ban Thường vụ Quốc hội có thẩm quyền giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh; khi thực hiện Kết luận số 09-KL/TW về một chủ thể một hình thức văn bản quy phạm pháp luật, pháp lệnh là hình thức phù hợp để thể hiện kết quả giải thích.
	Bộ Công Thương	Đề nghị bỏ Điều 60 vì thẩm quyền này đã được quy định tại Luật Tổ chức Quốc hội và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.		Cần quy định trong Luật để xác định thống nhất giới hạn của văn bản hành chính hướng dẫn áp dụng, nhất là yêu cầu không đặt quy phạm mới; các luật tổ chức chỉ xác định thẩm quyền, chưa điều chỉnh đầy đủ nguyên tắc và cách thức hướng dẫn.
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đề nghị làm rõ tài liệu nào trong hồ sơ xây dựng văn bản được dùng làm căn cứ xác định “quá trình xây dựng nội dung liên quan đến quy định cần giải thích”.		“quá trình xây dựng” được xác định qua hồ sơ chính thức của văn bản, gồm Tờ trình, báo cáo thẩm định, thẩm tra, tiếp thu, giải trình, biên bản và tài liệu có liên quan; không giới hạn một tài liệu duy nhất vì mỗi vấn đề có nguồn hình thành khác nhau.
Hướng dẫn áp dụng nghị quyết của HĐND (Điều 59)	STP tỉnh Tây Ninh	Đề nghị quy định rõ văn bản hành chính của Thường trực Hội đồng nhân dân chỉ được làm rõ cách hiểu, không được bổ sung quy phạm, điều kiện, hồ sơ, trình tự, nghĩa vụ mới hoặc làm thay đổi phạm vi áp dụng của nghị quyết. Nếu cần thay đổi phạm vi, đối tượng hoặc nội dung thì phải trình Hội đồng nhân dân sửa đổi, bổ sung nghị quyết; văn bản hướng dẫn phải được gửi kiểm tra và đăng tải công khai.		Tiếp thu Điều 60 đã quy định văn bản hướng dẫn là văn bản hành chính, không được làm thay đổi nội dung, không được đặt quy định mới và phải được đăng tải công khai; thay đổi nội dung phải thực hiện bằng văn bản quy phạm pháp luật.
	Thường trực Ủy ban Văn hóa và Xã hội	Đề nghị không giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành quyết định hành chính để hướng dẫn nghị định, quyết định của		Điều 60 chỉ cho phép Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ hướng dẫn

			Thủ tướng Chính phủ, vì không phù hợp thứ bậc, khó bao quát nội dung liên ngành và có nguy cơ phát sinh quy phạm trong văn bản hành chính.	khi cần thiết; văn bản hướng dẫn là văn bản hành chính, không được thay đổi, bổ sung quy định và phải công khai. Nội dung liên ngành vẫn do cơ quan ban hành văn bản cấp trên xử lý, không chuyển giao thẩm quyền ban hành quy phạm.
		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai	Đề nghị phân biệt việc hướng dẫn áp dụng nghị quyết với việc giao Ủy ban nhân dân tổ chức thực hiện; kết cấu Điều 59 theo hướng quy định trước trường hợp, nguyên tắc, tiêu chí hướng dẫn rồi mới quy định thẩm quyền, hạn chế ban hành văn bản hành chính hướng dẫn sau khi nghị quyết được thông qua.	Tiếp thu Điều 60 tách hướng dẫn áp dụng khỏi tổ chức thực hiện, quy định trước thẩm quyền và sau đó dẫn chiếu trường hợp, nguyên tắc, tiêu chí giải thích; văn bản hướng dẫn chỉ ban hành khi phát sinh cách hiểu, áp dụng chưa thống nhất.
		Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai	Đề nghị quy định Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành văn bản hành chính hướng dẫn áp dụng nghị quyết trên cơ sở đề xuất và thống nhất của cơ quan trình nghị quyết.	Thường trực HĐND hướng dẫn trên cơ sở yêu cầu áp dụng thực tế và chịu trách nhiệm về nội dung; ý kiến cơ quan trình là nguồn thông tin cần tham khảo nhưng không nên là điều kiện đồng thuận làm hạn chế thẩm quyền của Thường trực HĐND.
		Bộ Tài chính	Đề nghị bổ sung hình thức hướng dẫn là văn bản hành chính hướng dẫn chung của cơ quan Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để kịp thời xử lý vướng mắc thực tiễn.	Bộ quản lý ngành có thể hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ theo chức năng; hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật thuộc cơ quan, người ban hành văn bản hoặc chủ thể được ủy quyền theo Điều 60, tránh một Bộ làm thay thẩm quyền của Chính phủ.
		Bộ Công Thương	Đề nghị làm rõ tiêu chí phân biệt hướng dẫn áp dụng pháp luật với hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; quy định rõ căn cứ, thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục, trách nhiệm hướng dẫn, bảo đảm không phát sinh quy định mới, vượt thẩm quyền hoặc thay đổi	Tiếp thu Về giới hạn; Điều 60 quy định hướng dẫn áp dụng chỉ làm rõ cách hiểu, không đặt quy định mới hoặc thay đổi văn bản. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ là hoạt động quản lý trong

			nội dung văn bản. Việc giao chung trách nhiệm hướng dẫn cho bộ, cơ quan ngang bộ đối với văn bản của Chính phủ, Thủ tướng là chưa phù hợp.	phạm vi chức năng và không được sử dụng để giải thích thay chủ thể ban hành.
	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh		Đề nghị quy định Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp hướng dẫn áp dụng nghị quyết khi thật sự cần thiết; văn bản hướng dẫn phải được công khai và không được bổ sung quy phạm hoặc sửa đổi nội dung nghị quyết bằng văn bản hành chính.	Tiếp thu Khoản 1 Điều 60 cho phép Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành văn bản hành chính hướng dẫn áp dụng nghị quyết khi cần thiết; khoản 2 yêu cầu văn bản phải công khai, không được làm thay đổi nội dung hoặc đặt ra quy định mới.
	Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa		Đề nghị làm rõ tính chất pháp lý của văn bản hướng dẫn áp dụng và văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của các bộ, ngành, tránh tình trạng văn bản chỉ mang tính tham khảo, không tạo được căn cứ đủ rõ để cơ quan cấp dưới thực hiện.	Tiếp thu Điều 60 đã xác định văn bản hướng dẫn áp dụng là văn bản hành chính, chỉ làm rõ cách hiểu và áp dụng, không được thay đổi nội dung hoặc đặt quy định mới và phải được đăng tải công khai. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ được thực hiện trong phạm vi chức năng quản lý, không thay thế văn bản quy phạm pháp luật.
	Bộ Quốc phòng		Đề nghị rà soát hình thức “quyết định hành chính” của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ dùng để hướng dẫn áp dụng nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm thống nhất với hình thức văn bản thuộc thẩm quyền của các chủ thể này tại Điều 17.	Văn bản hướng dẫn theo Điều 60 là văn bản hành chính, không được đặt quy phạm mới hoặc thay đổi nội dung văn bản được hướng dẫn nên không thuộc hệ thống hình thức văn bản quy phạm pháp luật tại Điều 17. Việc giao Bộ trưởng hướng dẫn chỉ thực hiện khi cần thiết và trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực.
	Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh		Đề nghị văn bản hướng dẫn không được đặt ra, bổ sung, thay đổi quyền, nghĩa vụ, điều kiện, thủ tục hành chính, nghĩa vụ tài chính	Tiếp thu Điều 60 đã cấm văn bản hướng dẫn đặt ra quy định mới, yêu cầu đăng tải

			hoặc chế tài; nếu cần quy định mới phải ban hành VBQPPL đúng thẩm quyền, trình tự. Văn bản hướng dẫn phải đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và thuộc phạm vi kiểm tra.	công khai; Điều về kiểm tra cho phép kiểm tra văn bản hướng dẫn khi có dấu hiệu vượt thẩm quyền.
	Giám sát VBQPPL (Điều 60)	Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Đề nghị bổ sung quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm đồng bộ với Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các văn bản liên quan.	Quyền giám sát của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục thực hiện theo Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và pháp luật về giám sát; Điều 57 dẫn chiếu để tránh lặp lại thẩm quyền đã được luật chuyên ngành quy định.
	Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật (Điều 61)	UBND tỉnh Vĩnh Long	<p>- Tại điểm c khoản 1, đề nghị bổ sung cụm từ “giúp Chính phủ” vào trước cụm từ “kiểm tra theo thẩm quyền” cho rõ ràng, thống nhất với thẩm quyền của Chính phủ tại điểm b khoản 1 Điều 62.</p> <p>- Tại khoản 5 quy định việc xử lý văn bản trái pháp luật qua kiểm tra được thực hiện theo quy định của “pháp luật”. Tuy nhiên, đây là Luật về văn bản quy phạm pháp luật, điều chỉnh các vấn đề liên quan đến xây dựng, kiểm tra, rà soát và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật do đó cụm từ “theo quy định của pháp luật” trong nội dung khoản này chưa rõ.</p>	Không bổ sung “giúp Chính phủ” vì Bộ trưởng kiểm tra theo thẩm quyền ngành, lĩnh vực do Luật giao, không nhân danh Chính phủ. Việc xử lý phải tuân thủ quy định của Luật này và pháp luật về thẩm quyền, trách nhiệm của từng chủ thể; nội dung chi tiết do Chính phủ quy định.
		STP tỉnh Tây Ninh	Đề nghị xác định rõ cơ quan trực tiếp kiểm tra văn bản của cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành, Sở Tư pháp là cơ quan tham mưu; đồng thời làm rõ thẩm quyền đình chỉ, kiến nghị bãi bỏ, xử lý văn bản trái pháp luật và cơ chế xử lý khi kết luận kiểm tra của cơ quan trung ương và địa phương không thống nhất.	Tiếp thu Chính quyền địa phương cấp trên kiểm tra văn bản cấp dưới, Sở Tư pháp là cơ quan tham mưu đối với văn bản cấp xã; thẩm quyền đình chỉ, kiến nghị, bãi bỏ và phối hợp xử lý kết luận khác nhau được Chính phủ quy định chi tiết.

		Thường trực Ủy ban Văn hóa và Xã hội	Đề nghị bỏ trách nhiệm tự kiểm tra VBQPPL của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vì Điều 4 không còn quy định nghị quyết liên tịch có sự tham gia của chủ thể này là một hình thức VBQPPL.	Điều 74 tiếp tục duy trì hiệu lực các nghị quyết liên tịch đã ban hành có sự tham gia của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Trách nhiệm tại điểm a khoản 1 Điều 62 chỉ phục vụ tự kiểm tra các văn bản chuyển tiếp này, không xác lập thẩm quyền ban hành hình thức VBQPPL mới.
		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	Đề nghị giao Thường trực HĐND tổ chức tự kiểm tra nghị quyết do HĐND cùng cấp ban hành, phân công Ban HĐND liên quan tham gia; khi phát hiện nội dung cần xử lý thì báo cáo HĐND quyết định theo thẩm quyền.	HĐND chịu trách nhiệm tự kiểm tra nghị quyết do mình ban hành; việc giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND tham mưu, tổ chức thực hiện thuộc phân công nội bộ theo pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương, không làm thay đổi chủ thể chịu trách nhiệm.
		Bộ Công Thương	Đề nghị sửa tên, định nghĩa hoạt động kiểm tra để bao quát cả văn bản có chứa quy phạm nhưng ban hành không đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục và văn bản hướng dẫn áp dụng. Không coi việc cung cấp ý kiến về tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của văn bản đã hết hiệu lực là hoạt động kiểm tra; có thể quy định thành cung cấp thông tin, ý kiến chuyên môn.	Tiếp thu Điều 3 đã định nghĩa kiểm tra, điều về kiểm tra bao quát văn bản chứa quy phạm ban hành sai và văn bản hướng dẫn; đối với văn bản hết hiệu lực chỉ cung cấp kết luận hoặc ý kiến pháp lý khi được yêu cầu, không coi là một cuộc kiểm tra mới.
		Bộ Xây dựng	Đề nghị một VBQPPL chỉ do một cơ quan có thẩm quyền kiểm tra; nghiên cứu tổng thể hoạt động kiểm tra với rà soát theo hướng đơn giản, mạch lạc, tích hợp, giảm giao thoa, trùng lặp.	Một văn bản có thể thuộc phạm vi kiểm tra theo cấp và theo ngành để kiểm soát cả thẩm quyền lẫn nội dung chuyên môn; không giới hạn một cơ quan, nhưng quy trình phối hợp phải tránh kiểm tra trùng lặp và thống nhất đầu mối xử lý.
		Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị quy định rõ hình thức xử lý văn bản có chứa quy phạm nhưng ban hành sai thẩm	Tiếp thu

			quyền, hình thức, trình tự, thủ tục và văn bản hướng dẫn áp dụng; xác định hậu quả đối với quyết định, hành vi đã phát sinh, xử lý tương ứng phần trái pháp luật và tránh làm mất hiệu lực toàn bộ khi chỉ có một phần vi phạm.	Về yêu cầu xử lý; Điều về kiểm tra đã bao quát văn bản chứa quy phạm ban hành sai và văn bản hướng dẫn áp dụng. Hình thức, hậu quả và xử lý phần trái pháp luật được Chính phủ quy định theo mức độ vi phạm, bảo đảm không hủy bỏ vượt quá phạm vi cần thiết.
Rà soát văn bản quy phạm pháp luật (Điều 62)		Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Đề nghị cân nhắc bổ sung quy định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc quyền, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.	Tiếp thu Điều về rà soát đã giao Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên rà soát, hệ thống hóa văn bản do mình trình, phù hợp phạm vi trách nhiệm của Mặt trận.
		UBND tỉnh Vĩnh Long	Đề nghị bổ sung vào khoản 8 nội dung điều này trách nhiệm rà soát đối với những Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh không do Ủy ban nhân dân tỉnh trình.	Tiếp thu Dự thảo đã giao Thường trực HĐND rà soát, hệ thống hóa nghị quyết của HĐND cùng cấp không do UBND cùng cấp trình.
		STP tỉnh Tây Ninh	Đề nghị xác định công chức thực hiện nhiệm vụ tư pháp là đầu mối tham mưu rà soát văn bản của cấp xã; Sở Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp rà soát theo ngành, lĩnh vực.	Luật xác định trách nhiệm của UBND cấp xã; việc giao công chức tư pháp làm đầu mối, trách nhiệm hướng dẫn của Sở Tư pháp và phối hợp của cơ quan chuyên môn là nội dung tổ chức thực hiện do Chính phủ, địa phương quy định.
		Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ	Đề nghị rà soát để thống nhất giữa khoản 1, theo đó văn bản sửa đổi, bổ sung, đính chính phải được hợp nhất, với khoản 4 còn quy định việc dự thảo phần nội dung hợp nhất đối với trường hợp bãi bỏ một phần, hết hiệu lực một phần, tạm ngưng hiệu lực một phần hoặc công bố tiếp tục có hiệu lực một phần.	Tiếp thu Điều về hợp nhất đã được chỉnh lý thống nhất, bao quát sửa đổi, bổ sung, đính chính, bãi bỏ, hết hiệu lực, tạm ngưng và công bố tiếp tục có hiệu lực một phần.

		Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk	Đề nghị bổ sung từ “đính chính” sau cụm từ “sửa đổi, bổ sung” ở cuối câu quy định về văn bản phải được hợp nhất.	Tiếp thu Khoản 1 điều về hợp nhất hiện đã bao gồm trường hợp văn bản được đính chính.
Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật (Điều 63)		STP tỉnh Đồng Nai	Đề nghị bổ sung cụm từ “bãi bỏ một phần” ngay sau cụm từ “đính chính” cho thống nhất với khoản 4	Tiếp thu Khoản 1 điều về hợp nhất đã bổ sung “bãi bỏ một phần”, thống nhất với phạm vi văn bản phải hợp nhất.
		STP tỉnh Tây Ninh	Đề nghị bổ sung thời hạn hợp nhất; xác định cơ quan kế thừa trách nhiệm khi cơ quan ban hành văn bản cũ đã giải thể, sáp nhập; giao cấp tỉnh hướng dẫn, hỗ trợ hoặc thực hiện hợp nhất văn bản của cấp xã khi cần thiết và xây dựng công cụ, mẫu biểu điện tử dùng chung.	Điều 64 xác định người ký xác thực theo thẩm quyền hiện tại và giao Chính phủ quy định thời hạn, quy trình, kỹ thuật. Trách nhiệm sau sắp xếp tổ chức bộ máy được xác định theo nguyên tắc cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ tại Điều 63 và pháp luật về tổ chức bộ máy; việc cấp tỉnh hỗ trợ cấp xã là biện pháp tổ chức thực hiện.
		Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đề nghị bổ sung việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công cụ số hỗ trợ kiểm tra, rà soát, hợp nhất văn bản; kết quả phải được kiểm chứng và không làm thay đổi trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền.	Tiếp thu Khoản 1 Điều 73 cho phép ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong xây dựng, ban hành, tổ chức thi hành văn bản, bao gồm kiểm tra, rà soát, hợp nhất; đồng thời xác định cơ quan, người có thẩm quyền chịu trách nhiệm cuối cùng đối với kết quả.
		Bộ Công Thương	Đề nghị cân nhắc sự cần thiết quy định riêng vì đây là hoạt động quản lý, điều hành hành chính nội bộ hoặc giữa cấp trên với cấp dưới, được thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.	Hợp nhất tạo văn bản dùng chính thức trong viện dẫn, áp dụng và ảnh hưởng trực tiếp khả năng tiếp cận pháp luật, không chỉ là quản lý nội bộ; do đó cần quy định nguyên tắc, giá trị và thẩm quyền ngay trong Luật.
		Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đề nghị nghiên cứu thực hiện việc sửa đổi, bổ sung trên văn bản hợp nhất thay vì văn bản	Văn bản hợp nhất không phải văn bản quy phạm pháp luật mới và không

			gốc để thuận tiện soạn thảo, viện dẫn và hạn chế sai sót khi văn bản đã được sửa đổi nhiều lần.	thay thế văn bản gốc về thẩm quyền, hiệu lực; sửa đổi phải thực hiện trên văn bản gốc, sau đó cập nhật ngay vào văn bản hợp nhất để bảo đảm tính xác thực.
	Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế		Đề nghị rà soát, mở rộng quy định về hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật tại khoản 1 Điều 63 để bao quát cả trường hợp văn bản bãi bỏ, hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực hoặc được công bố tiếp tục có hiệu lực một phần, nhằm bảo đảm việc áp dụng và viện dẫn văn bản được thống nhất.	Tiếp thu Khoản 1 đã mở rộng hợp nhất đối với văn bản bị bãi bỏ, hết hiệu lực, tạm ngưng hoặc công bố tiếp tục có hiệu lực một phần.
	Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang		Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung thành: “Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, đính chính, bãi bỏ một phần, hết hiệu lực một phần, tạm ngưng hiệu lực một phần hoặc công bố tiếp tục có hiệu lực một phần phải được hợp nhất với văn bản được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần, hết hiệu lực một phần, tạm ngưng hiệu lực một phần hoặc được công bố tiếp tục có hiệu lực một phần”, cho đầy đủ, thống nhất với quy định tại khoản 4 Điều này.	Tiếp thu Khoản 1 điều về hợp nhất đã được chỉnh lý bao quát các trường hợp nêu trong ý kiến và bảo đảm thống nhất giữa đối tượng hợp nhất với căn cứ làm thay đổi một phần nội dung, hiệu lực.
	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi		Đề nghị xem xét hợp nhất cả văn bản bị bãi bỏ một phần, hết hiệu lực một phần, tạm ngưng hiệu lực một phần hoặc được công bố tiếp tục có hiệu lực một phần, bảo đảm thống nhất với Pháp lệnh Hợp nhất VBQPPL.	Tiếp thu Dự thảo đã quy định hợp nhất cả trường hợp bãi bỏ, hết hiệu lực, tạm ngưng và công bố tiếp tục có hiệu lực một phần.
	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh		Đề nghị thống nhất phạm vi văn bản phải hợp nhất giữa khoản 1 và khoản 4; bổ sung thời hạn chuẩn bị, ký xác thực, đăng tải văn bản hợp nhất. Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân, cơ quan trình hoặc cơ quan chủ trì soạn thảo chuẩn bị nội dung hợp nhất; Ban	Tiếp thu Khoản 1 Điều 64 đã thống nhất phạm vi văn bản phải hợp nhất; khoản 4 quy định cơ quan chủ trì soạn thảo chuẩn bị phần nội dung hợp nhất trình đồng thời với dự thảo sửa đổi, bổ sung.

			Hội đồng nhân dân theo lĩnh vực xem xét trong quá trình thẩm tra văn bản sửa đổi.	Thời hạn, quy trình và kỹ thuật hợp nhất được Chính phủ quy định chi tiết.
		Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai	Tại khoản 1, đề nghị bổ sung cụm từ “bãi bỏ một phần” ngay sau cụm từ “đính chính” để thống nhất với khoản 4.	Tiếp thu Khoản 1 Điều 64 đã bổ sung trường hợp văn bản bị “bãi bỏ một phần” thuộc phạm vi phải hợp nhất, thống nhất với các trường hợp làm thay đổi một phần nội dung hoặc hiệu lực của văn bản.
		Bộ Y tế	Đề nghị tách riêng trường hợp đính chính văn bản quy phạm pháp luật để hợp nhất vì việc đính chính không được thực hiện bằng văn bản quy phạm pháp luật.	Đính chính làm thay đổi phần thể hiện kỹ thuật của văn bản gốc; văn bản hợp nhất phải phản ánh đúng nội dung đang được áp dụng sau đính chính. Việc đưa đính chính vào phạm vi hợp nhất không làm văn bản đính chính trở thành văn bản quy phạm pháp luật và không làm thay đổi hiệu lực của văn bản gốc.
		Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn	Đề nghị bổ sung quy định về hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và thẩm quyền ký xác thực văn bản hợp nhất.	Tiếp thu Thẩm quyền ký xác thực đã bao quát Chủ tịch HĐND và Chủ tịch UBND các cấp đối với văn bản do HĐND, UBND cùng cấp ban hành; quy trình, kỹ thuật được Chính phủ quy định.
	Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật (Điều 64)	Bộ Công Thương	Đề nghị không pháp điển VBQPPL còn hiệu lực nhưng sắp bị thay thế, bãi bỏ bởi văn bản đã ban hành, chưa có hiệu lực.	quy phạm vẫn còn hiệu lực thì phải được thể hiện trong Bộ pháp điển để phản ánh đúng pháp luật tại thời điểm tra cứu; khi văn bản thay thế có hiệu lực, quy phạm cũ được loại bỏ và quy phạm mới được cập nhật ngay.
		Bộ Nội vụ	Đề nghị hoàn thiện cơ chế, quy trình và trách nhiệm cập nhật Bộ Pháp điển theo nguyên tắc đúng, đủ, kịp thời; quy phạm pháp luật mới	Tiếp thu Điểm c khoản 2 Điều 65 đã quy định loại bỏ quy phạm hết hiệu lực ngay tại thời điểm hết hiệu lực và cập nhật quy

			phải được cập nhật trước hoặc chậm nhất vào thời điểm văn bản có hiệu lực.	phạm mới vào Bộ pháp điển tại thời điểm văn bản có hiệu lực thi hành.
Đánh giá hiệu quả VBQPPL (Điều 65)	Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị phân loại văn bản theo mức độ tác động để xác định phương thức, thời điểm đánh giá; ưu tiên văn bản hạn chế quyền, thí điểm, tác động lớn đến ngân sách, môi trường, thủ tục hành chính hoặc số đông người dân, doanh nghiệp. Kết quả phải công khai, có đối tượng chịu tác động tham gia, xác định giải pháp, trách nhiệm, thời hạn và phản hồi từng kiến nghị.	Tiếp thu Về phương pháp; điều về đánh giá chỉ quy định các nội dung cốt lõi và giao Chính phủ phân loại văn bản, xác định thời điểm, phương thức, công khai kết quả và sự tham gia của đối tượng chịu tác động.	
	Cục Pháp luật quốc tế và Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, Bộ Công an, Văn phòng Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đề nghị xác định thời điểm và tần suất đánh giá phù hợp với loại văn bản, tính chất, mức độ tác động và thời gian cần thiết để văn bản phát huy hiệu quả; không đánh giá định kỳ hằng năm đối với mọi VBQPPL vì dễ phát sinh công việc và nguồn lực không cần thiết.	Tiếp thu Dự thảo không còn yêu cầu đánh giá định kỳ hằng năm đối với mọi văn bản; thời điểm, tần suất được Chính phủ quy định theo loại văn bản, thời gian thi hành và mức độ tác động.	
	Bộ Ngoại giao	Đề nghị đánh giá hiệu quả thi hành văn bản định kỳ 02 năm hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, thay vì định kỳ hằng năm.	Tiếp thu Về việc không đánh giá hằng năm; dự thảo giao Chính phủ xác định chu kỳ phù hợp, có thể định kỳ hoặc theo yêu cầu, thay vì ấn định 02 năm chung cho mọi văn bản.	
	Bộ Xây dựng	Đề nghị làm rõ sự cần thiết, tiêu chí và tình huống đánh giá để không phát sinh thủ tục, tăng nấc, nhiệm vụ trùng với theo dõi thi hành, kiểm tra và rà soát.	Đánh giá hiệu quả tập trung vào mức độ đạt mục tiêu, tác động và tính khả thi, là cơ sở phản ứng chính sách; khác với kiểm tra tính hợp pháp và rà soát sự phù hợp. Tiêu chí, tình huống đánh giá do Chính phủ quy định để tránh trùng lặp.	
	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh	Đề nghị không yêu cầu đánh giá hằng năm đối với mọi văn bản; xác định theo tiêu chí rủi ro và mức độ tác động, chỉ bắt buộc đối với một số nhóm như văn bản thí điểm, chính	Tiếp thu Điều 66 không còn yêu cầu đánh giá hằng năm đối với mọi văn bản; chỉ quy định các nội dung đánh giá cốt lõi và giao Chính phủ phân loại văn bản,	

			sách mới, phát sinh nhiều phản ánh hoặc có tác động lớn.	xác định thời điểm, phương thức phù hợp mức độ tác động và yêu cầu quản lý.
	Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Trị		Việc quy định “định kỳ hằng năm” đánh giá hiệu quả thi hành đối với văn bản quy phạm pháp luật sẽ tạo khối lượng công việc rất lớn, trong khi một số văn bản có phạm vi điều chỉnh hẹp, ổn định, ít phát sinh vấn đề trong thực tiễn, dễ dẫn đến việc đánh giá mang tính hình thức. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định theo hướng phân loại văn bản để xác định tần suất và phương thức đánh giá, cụ thể: (1) đối với luật, nghị quyết có tác động lớn đến kinh tế - xã hội hoặc có phạm vi điều chỉnh rộng thì thực hiện đánh giá định kỳ; (2) đối với văn bản quy định chính sách thí điểm, chính sách mới hoặc có thời hạn thực hiện thì thực hiện đánh giá theo thời hạn, yêu cầu được xác định trong văn bản hoặc theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; (3) đối với các văn bản còn lại, thực hiện đánh giá khi có yêu cầu quản lý, khi phát sinh dấu hiệu bất cập, vướng mắc hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.	Tiếp thu Dự thảo đã bỏ yêu cầu đánh giá hằng năm và giao Chính phủ quy định theo hướng phân loại, ưu tiên văn bản tác động lớn, thí điểm, có thời hạn hoặc phát sinh vướng mắc.
	STP tỉnh Tây Ninh		Việc yêu cầu định kỳ hằng năm đánh giá hiệu quả thi hành mọi văn bản quy phạm pháp luật sẽ làm phát sinh khối lượng công việc rất lớn; nhiều văn bản mới ban hành chưa đủ thời gian, dữ liệu để đánh giá, dễ dẫn đến hình thức. Đề nghị đánh giá theo tiêu chí, trọng tâm và mức độ rủi ro, ưu tiên văn bản liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của người dân, chính sách đặc thù, ngân sách hoặc phát sinh nhiều phản ánh, kiến nghị; các văn bản	Tiếp thu Dự thảo không còn quy định đánh giá hằng năm đối với mọi văn bản; phương thức, tần suất sẽ dựa trên tác động, rủi ro, thời gian thi hành và phản ánh, kiến nghị thực tế.

			khác được đánh giá theo chuyên đề hoặc định kỳ từ 03 đến 05 năm.	
	Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên		Đề nghị quy định ngay tại dự thảo Luật cơ chế để đảm bảo sự tham gia đánh giá của các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật.	Tiếp thu Về nguyên tắc tham gia; việc thu thập ý kiến đối tượng chịu tác động là nguồn dữ liệu quan trọng của đánh giá và được Chính phủ quy định trong quy trình, bảo đảm phù hợp từng loại văn bản.
	Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng		Đề nghị làm rõ phạm vi, tiêu chí, tần suất và trách nhiệm đánh giá hiệu quả thi hành, nhất là đối với VBQPPL cấp xã, ưu tiên đánh giá các văn bản có tác động lớn hoặc phát sinh nhiều vấn đề.	Tiếp thu Phạm vi, tiêu chí, thời điểm và trách nhiệm đánh giá được giao Chính phủ quy định theo mức độ tác động, trong đó cấp xã tập trung văn bản phát sinh vướng mắc hoặc có ảnh hưởng đáng kể.
	STP TP Hà Nội		Đề nghị bổ sung cơ chế ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và xây dựng, kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu phục vụ đánh giá hiệu quả thi hành văn bản. Dữ liệu cần được cập nhật, kết nối, chia sẻ, khai thác dùng chung và tự động hóa tối đa; cơ quan có thẩm quyền được trực tiếp khai thác dữ liệu đã có, không yêu cầu báo cáo lại. Trường hợp hạ tầng, kết nối hoặc chất lượng dữ liệu chưa bảo đảm thì cần có lộ trình hoàn thiện trước khi triển khai đầy đủ việc đánh giá định kỳ. Phương thức, mức độ và tần suất đánh giá cần phù hợp tính chất, phạm vi, thời gian thi hành và mức độ tác động của từng văn bản.	Tiếp thu Điều 73 đặt nguyên tắc ứng dụng công nghệ số và yêu cầu dữ liệu pháp luật được cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác. Việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu và phương thức đánh giá được Chính phủ quy định phù hợp hạ tầng, thời gian thi hành và mức độ tác động của văn bản.
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thường trực Ủy ban Văn hóa và Xã hội		Đề nghị thay đánh giá hằng năm bằng định kỳ 05 năm hoặc thời hạn phù hợp từng loại văn bản; làm rõ chủ thể, tính khả thi và thủ tục thuê đánh giá; xác định phạm vi trường	Tiếp thu Về việc không đánh giá hằng năm; dự thảo không ấn định chu kỳ 05 năm mà giao Chính phủ xác định phù hợp từng nhóm văn bản. Chủ thể, phương

			hợp cần đánh giá mức độ đạt mục tiêu chính sách, nhất là với văn bản ban hành đã lâu.	thức và việc sử dụng chuyên gia được quy định rõ trong quy trình đánh giá.
		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ	Đề nghị đánh giá theo kế hoạch hoặc lựa chọn văn bản trên cơ sở thời gian thi hành, tính chất, phạm vi, mức độ tác động và yêu cầu quản lý; ưu tiên văn bản thí điểm, tác động lớn đến người dân, doanh nghiệp hoặc phát sinh nhiều khó khăn, phản ánh, kiến nghị.	Tiếp thu Dự thảo đã bỏ đánh giá định kỳ hằng năm, định hướng lựa chọn theo thời gian thi hành, phạm vi, mức độ tác động và yêu cầu quản lý, ưu tiên văn bản thí điểm hoặc phát sinh nhiều phản ánh.
		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp	Đề nghị không quy định đánh giá định kỳ hằng năm; giao cơ quan tham mưu ban hành chủ trì đánh giá đối với văn bản thuộc thẩm quyền của cơ quan tập thể và người ban hành chủ trì đánh giá đối với văn bản thuộc thẩm quyền cá nhân.	Tiếp thu Dự thảo không còn yêu cầu đánh giá hằng năm; trách nhiệm đánh giá gắn với cơ quan, người tổ chức thi hành và cơ quan tham mưu theo phân công, được Chính phủ quy định cụ thể.
		Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị đánh giá theo mức độ cần thiết, tính chất, phạm vi tác động và khoảng thời gian phù hợp sau khi văn bản có hiệu lực; xác định rõ trường hợp đánh giá định kỳ, theo yêu cầu hoặc khi có dấu hiệu quy định không còn phù hợp, thay cho yêu cầu đánh giá hằng năm đối với mọi văn bản.	Tiếp thu Dự thảo đã bỏ yêu cầu đánh giá hằng năm. Điều 66 quy định nội dung đánh giá, còn thời điểm, tần suất và phương thức được Chính phủ quy định theo tính chất, phạm vi tác động, thời gian thi hành và vướng mắc thực tiễn của văn bản.
		Bộ Y tế	Đề nghị đánh giá tác động của chính sách đánh giá hiệu quả văn bản; làm rõ khái niệm “đánh giá hiệu quả văn bản quy phạm pháp luật”, cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành có trách nhiệm đánh giá, phạm vi và thời gian đánh giá; cân nhắc tính khả thi của yêu cầu đánh giá định kỳ hằng năm do cần nguồn lực lớn.	Tiếp thu Tên gọi đã được chỉnh lý thành “đánh giá hiệu quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật”; Điều 58 xác định chủ thể tổ chức thi hành, Điều 66 quy định nội dung đánh giá và không còn yêu cầu đánh giá định kỳ hằng năm đối với mọi văn bản. Phạm vi, thời điểm, phương thức do Chính phủ quy định.
		Bộ Nội vụ	Đề nghị làm rõ quan hệ giữa đánh giá hiệu quả với rà soát, kiểm tra, hệ thống hóa và	Tiếp thu

			tổng kết thi hành; bổ sung tiêu chí định lượng, định tính, phương pháp thu thập dữ liệu, trách nhiệm công khai; quy định trường hợp bắt buộc đánh giá độc lập đối với luật có tác động lớn; cân nhắc yêu cầu đánh giá hằng năm và chỉ bắt buộc với một số loại văn bản hoặc sau thời gian đủ để phát sinh tác động.	Điều 57 đặt đánh giá hiệu quả trong tổng thể hoạt động tổ chức thi hành; Điều 66 quy định tiêu chí cốt lõi và Điều 67 xác định biện pháp phản ứng chính sách từ kết quả đánh giá. Phương pháp, dữ liệu, công khai kết quả và trường hợp đánh giá được Chính phủ quy định, không ấn định chu kỳ hằng năm.
		Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị bỏ quy định cho phép thuê cơ quan, tổ chức đánh giá hiệu quả văn bản; cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành phải trực tiếp thực hiện việc đánh giá.	Tiếp thu Dự thảo hiện không quy định việc thuê cơ quan, tổ chức đánh giá; chủ thể có trách nhiệm tổ chức thi hành phải chịu trách nhiệm về kết quả, có thể huy động chuyên gia nhưng không chuyển trách nhiệm.
	Đánh giá hiệu quả VBQPPL (Điều 57, Điều 65)	Cục Quản lý Thi hành án dân sự	Đề nghị thống nhất tên gọi giữa điểm e khoản 1 Điều 57 và Điều 65; đánh giá lại tính khả thi của đánh giá hằng năm, tránh trùng theo dõi, kiểm tra, rà soát; làm rõ cơ chế thuê đánh giá. Nếu tiếp tục thì chỉ đánh giá định kỳ văn bản, nhóm văn bản có tác động lớn, phức tạp hoặc phát sinh vướng mắc.	Tiếp thu Tên gọi đã thống nhất là “đánh giá hiệu quả thi hành”, không còn yêu cầu đánh giá hằng năm và không quy định cơ chế thuê đánh giá; việc lựa chọn văn bản đánh giá căn cứ mức độ tác động, tính phức tạp, vướng mắc thực tiễn.
	Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, ứng dụng công nghệ số (Điều 66)	Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu	Đề nghị nâng tầm Điều 66 theo hướng hình thành nền tảng dữ liệu pháp luật số thống nhất. Dữ liệu phải được chuẩn hóa, có cấu trúc, máy đọc được, có khả năng kết nối, chia sẻ, truy xuất nguồn gốc và lịch sử thay đổi; hỗ trợ xây dựng, rà soát, hợp nhất, pháp điển, theo dõi hiệu lực, đánh giá thi hành và cảnh báo mâu thuẫn, chồng chéo. Công nghệ, trí tuệ nhân tạo chỉ hỗ trợ, không thay thế thẩm quyền và trách nhiệm của con người; đồng thời phải bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu,	Tiếp thu Điều 73 xác lập nguyên tắc ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và yêu cầu dữ liệu pháp luật đầy đủ, chính xác, kịp thời; cơ quan, người có thẩm quyền chịu trách nhiệm cuối cùng. Chuẩn dữ liệu, kết nối, an toàn, bảo mật được thực hiện theo quy định của Chính phủ và pháp luật chuyên ngành.

			bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và bí mật nhà nước.	
	Bộ Nông nghiệp và Môi trường		Đề nghị bảo đảm Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật phù hợp các khung kiến trúc, dữ liệu và quản trị dữ liệu quốc gia; bổ sung số hóa thông tin, tài liệu, quy trình nghiệp vụ, lấy ý kiến, phản biện và tham vấn chính sách.	Tiếp thu Điều 73 tạo cơ sở ứng dụng công nghệ số trong toàn bộ quá trình; Điều 22 quy định tờ trình điện tử, Điều 28 và Điều 31 quy định đăng tải, lấy ý kiến, tham vấn trên Cổng Pháp luật quốc gia. Yêu cầu kỹ thuật và quản trị dữ liệu được quy định theo thẩm quyền.
	Bộ Khoa học và Công nghệ		Đề nghị chỉnh tên Điều; thay quy định về AI bằng yêu cầu tuân thủ nguyên tắc quản lý rủi ro theo Luật Chuyển đổi số, Luật Trí tuệ nhân tạo và pháp luật liên quan; chỉnh khái niệm Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và bổ sung thẩm quyền quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ để phục vụ thủ tục hành chính và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.	Tiếp thu Tên Điều 73 đã thể hiện ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số; khoản 1 xác định trách nhiệm cuối cùng của cơ quan, người có thẩm quyền khi sử dụng trí tuệ nhân tạo. Quản lý rủi ro, vận hành, kết nối và chia sẻ dữ liệu thực hiện theo pháp luật chuyên ngành và quy định của Chính phủ.
	Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh		Đề nghị xây dựng hồ sơ lập pháp điện tử thống nhất trong toàn bộ vòng đời văn bản; quy định mã định danh, chữ ký số, dấu thời gian, lịch sử phiên bản, truy xuất nguồn, dữ liệu mở và kiểm toán việc sử dụng AI; giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ quy định chuẩn kỹ thuật, bảo mật, quản trị dữ liệu.	Giải trình Điều 73 chỉ quy định nguyên tắc ứng dụng công nghệ số và yêu cầu đối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Mã định danh, chữ ký số, dấu thời gian, quản lý phiên bản, tiêu chuẩn bảo mật và kiểm toán AI là nội dung kỹ thuật cần được quy định theo thẩm quyền để có thể cập nhật theo công nghệ, không quy định cứng trong Luật.
	Cục Pháp luật quốc tế và Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế		Đề nghị tích hợp hoặc kết nối, liên thông Cơ sở dữ liệu quốc gia về điều ước quốc tế với Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật để tra cứu tập trung, đối chiếu và xác định văn bản áp dụng.	Điều 73 quy định nguyên tắc đối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật nhưng không ấn định mô hình kết nối với từng cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Việc liên thông dữ liệu điều ước quốc

				tế được thực hiện theo quy định của Chính phủ và pháp luật về điều ước quốc tế, bảo đảm thống nhất kiến trúc dữ liệu.
	Cục Pháp luật quốc tế và Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Đề nghị phối hợp với đơn vị đang xây dựng nghị định thay thế Nghị định số 52/2015/NĐ-CP để bảo đảm thống nhất phạm vi văn bản được đăng tải.		Tiếp thu Quy định về phạm vi dữ liệu, đăng tải và kết nối sẽ được rà soát đồng bộ với nghị định thay thế Nghị định số 52/2015/NĐ-CP.
	Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng	Đề nghị hoàn thiện quy định về chuyển đổi số, AI và liên thông dữ liệu pháp luật, đồng thời bảo đảm điều kiện về hạ tầng, nhân lực và kinh phí để địa phương triển khai.		Tiếp thu Điều 73 quy định ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo; Điều 71 và Điều 72 quy định bảo đảm nhân lực, hạ tầng và kinh phí để trung ương, địa phương triển khai.
	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị quy định rõ thời điểm, tiêu chí và trách nhiệm xử lý sau đánh giá; nếu quy định không đạt mục tiêu, phát sinh mâu thuẫn, chồng chéo hoặc gây chi phí tuân thủ lớn thì phải có phương án sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ trong thời hạn nhất định.		Tiếp thu Điều 66 đã quy định các tiêu chí về mục tiêu chính sách, tác động và tính khả thi; Điều 67 xác định các biện pháp phản ứng chính sách. Tiếp tục giao Chính phủ quy định thời điểm, trách nhiệm và thời hạn xử lý phù hợp với loại văn bản, mức độ tác động và kết quả đánh giá.
	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị quy định rõ trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời văn bản của địa phương; chuẩn hóa dữ liệu về tình trạng hiệu lực, văn bản quy định chi tiết, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ và bảo đảm liên thông với hệ thống quản lý văn bản, công báo điện tử, cổng thông tin điện tử địa phương. Trí tuệ nhân tạo chỉ là công cụ hỗ trợ, không thay thế trách nhiệm pháp lý, chính trị và giải trình; dữ liệu từ nguồn mở, báo chí, mạng xã hội phải được kiểm chứng.		Tiếp thu Điều 73 đã quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật phải được cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác; cơ quan có trách nhiệm rà soát phải cập nhật tình trạng hiệu lực. Khoản 1 khẳng định công nghệ, trí tuệ nhân tạo chỉ hỗ trợ và cơ quan, người có thẩm quyền chịu trách nhiệm cuối cùng.

		Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa	<p>Đề nghị làm rõ chủ thể, tiêu chí, phương thức kiểm chứng dữ liệu từ báo chí, mạng xã hội, nguồn mở; điều kiện đưa dữ liệu vào hệ thống, trách nhiệm khi sử dụng dữ liệu sai lệch và cơ chế xử lý, loại bỏ dữ liệu sai, đồng thời bảo đảm bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật kinh doanh và bí mật nhà nước.</p>	<p>Tiếp thu Dự thảo dự thảo Luật không còn quy định sử dụng trực tiếp dữ liệu từ báo chí, mạng xã hội, nguồn mở để xác định nội dung pháp luật; Điều 73 chỉ yêu cầu cập nhật dữ liệu pháp luật chính thức, đầy đủ, chính xác. Việc bảo vệ dữ liệu, bí mật nhà nước thực hiện theo pháp luật chuyên ngành và khoản 10 Điều 5.</p>
		Bộ Nội vụ	<p>Đề nghị bổ sung quy định về kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có liên quan.</p>	<p>Giải trình Điều 73 quy định nguyên tắc ứng dụng công nghệ số và yêu cầu đối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Chuẩn kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu là nội dung kỹ thuật cần được Chính phủ quy định phù hợp kiến trúc, quản trị dữ liệu quốc gia, không quy định cứng trong Luật.</p>
		Bộ Công Thương	<p>Đề nghị bổ sung nguyên tắc an toàn, bảo mật, chính xác, kiểm chứng, truy xuất nguồn dữ liệu và trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, quyết định sử dụng kết quả AI; cân nhắc bỏ cụm “chuyển đổi số” trong khoản 1 và tên Điều vì chuyển đổi số là quá trình, không phải công nghệ; cân nhắc bỏ quy định AI chỉ là công cụ hỗ trợ vì Luật Trí tuệ nhân tạo đã quy định.</p>	<p>Tiếp thu Về an toàn, kiểm chứng và truy xuất dữ liệu; các yêu cầu này được thực hiện theo pháp luật về dữ liệu, AI, an ninh mạng. Giữ “chuyển đổi số” để phản ánh đổi mới toàn diện quy trình và giữ nguyên tắc con người chịu trách nhiệm cuối cùng.</p>
	Trách nhiệm của cơ quan thẩm định (Điều 68)	Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ	<p>Tại khoản 6, đề nghị xác định cơ quan thẩm định chịu trách nhiệm trong phạm vi nội dung thẩm định và trên cơ sở hồ sơ, thông tin, tài liệu gửi thẩm định; cơ quan chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu, tài liệu và nội dung dự thảo sau khi tiếp thu, chỉnh lý.</p>	<p>Khoản 6 Điều 70 xác định cơ quan thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định; phạm vi trách nhiệm được xác định theo nội dung thẩm định và hồ sơ tại Điều 29, Điều 32. Cơ quan trình, cơ quan chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm về chất lượng, tính chính</p>

				xác của hồ sơ và nội dung sau tiếp thu theo khoản 3, khoản 4 Điều 70.
		Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị rà soát quyền của cơ quan được tham vấn chính sách trong việc thuê chuyên gia, tổ chức điều tra, khảo sát, hội thảo, tọa đàm, đánh giá tác động để tránh trùng lặp và phát sinh nguồn lực; làm rõ phạm vi, trường hợp, trách nhiệm hoặc quy định theo hướng cơ quan được tham vấn đề nghị cơ quan lập đề xuất, cơ quan chủ trì soạn thảo cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu cần thiết.	Khoản 2 Điều 70 cho phép cơ quan được tham vấn huy động chuyên gia, khảo sát, hội thảo để bảo đảm ý kiến tham vấn có cơ sở độc lập, chuyên môn và trong phạm vi nhiệm vụ được giao. Việc sử dụng nguồn lực phải tuân thủ pháp luật về ngân sách, tài chính và không làm chuyển trách nhiệm của cơ quan lập đề xuất, cơ quan chủ trì soạn thảo.
		Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị bổ sung trường hợp xem xét loại trừ, miễn hoặc giảm trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, người đứng đầu và công chức đã thực hiện đầy đủ quy trình, vì lợi ích chung và không vụ lợi, nhằm có cơ chế bảo vệ phù hợp trước rủi ro khách quan trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Tiếp thu Khoản 11 Điều 70 đã quy định cơ quan, tổ chức, người đứng đầu và công chức có thể được xem xét loại trừ, miễn hoặc giảm trách nhiệm theo quy định của Đảng và pháp luật, căn cứ tính chất, mức độ vi phạm.
	Nhân lực cho công tác xây dựng pháp luật (Điều 69) Cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật (Điều 70)	Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk	Đề nghị bổ sung nhiệm vụ kiểm tra, rà soát vào phạm vi công tác được bảo đảm cơ chế, chính sách về nhân lực tại Điều 69.	Điều 71 tập trung cơ chế, chính sách đối với người làm công tác xây dựng pháp luật. Kiểm tra, rà soát là nội dung tổ chức thi hành theo Điều 57 và được bảo đảm kinh phí theo khoản 3 Điều 71, khoản 4 Điều 72; không mở rộng cùng một chế độ nhân lực cho mọi nhiệm vụ tổ chức thi hành.
		Bộ Nội vụ	Đề nghị rà soát để tránh trùng lặp vì đã có khung pháp lý về cơ chế, chính sách cho đội ngũ làm công tác xây dựng pháp luật và thu hút nhân lực chất lượng cao phục vụ công tác này.	Điều 71 quy định nguyên tắc ở cấp luật về cơ chế đặc biệt thu hút, trọng dụng và đào tạo người làm công tác xây dựng pháp luật nhằm thể chế hóa yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Chính phủ quy định cơ chế cụ thể và phải rà soát hệ thống chính sách hiện hành để tránh trùng lặp.

		Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk	Đề nghị bổ sung nhiệm vụ kiểm tra, rà soát vào phạm vi công tác được bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí tại Điều 70.	Tiếp thu Về bảo đảm nguồn lực; khoản 4 Điều 72 yêu cầu bố trí cơ sở vật chất, kinh phí cho tổ chức và theo dõi thi hành, bao gồm nhiệm vụ kiểm tra, rà soát văn bản.
		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đề nghị bảo đảm kinh phí được bố trí kịp thời ngay từ đầu năm ngân sách; làm rõ trách nhiệm của Bộ Tài chính và cơ quan liên quan trong bố trí, phân bổ kinh phí để thực hiện nhiệm vụ đúng tiến độ.	Tiếp thu Điều 72 quy định cơ chế đặc thù về phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí và yêu cầu bảo đảm kịp thời; trách nhiệm lập, phân bổ ngân sách thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước.
		Bộ Nội vụ	Đề nghị xem xét nội dung này có thuộc phạm vi Điều 70 về cơ sở vật chất, kinh phí hay không; bổ sung nguyên tắc về mô hình soạn thảo tập trung, phân định rõ cơ quan đề xuất chính sách, chủ trì soạn thảo, phối hợp và thẩm định, đồng thời bảo đảm tính độc lập, khách quan nếu Bộ Tư pháp vừa quản lý nhà nước, tham gia soạn thảo, thẩm định, kiểm tra, rà soát và đánh giá hiệu quả.	Tiếp thu Khoản 2 Điều 72 đã bổ sung định hướng từng bước thực hiện soạn thảo tập trung, chuyên nghiệp; các điều 29, 32, 35 và 70 phân định trách nhiệm của cơ quan đề xuất, soạn thảo, thẩm định, thẩm tra. Cơ chế hội đồng thẩm định đối với dự án do Bộ Tư pháp chủ trì bảo đảm tính khách quan.
		STP tỉnh Tây Ninh	Đề nghị bổ sung nguyên tắc công khai, minh bạch, không ràng buộc lợi ích đối với việc cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ cơ sở vật chất, kinh phí; không để đối tượng chịu tác động của văn bản tài trợ trực tiếp cho việc xây dựng văn bản liên quan đến quyền, lợi ích của mình.	Tiếp thu Việc hỗ trợ phải công khai, minh bạch, không kèm điều kiện tác động chính sách và tuân thủ kiểm soát xung đột lợi ích; nội dung cụ thể được quy định trong cơ chế quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp khác.
	Nguồn lực và điều khoản chuyển tiếp (Điều 69, Điều 70, Điều 72)	STP tỉnh Tây Ninh	Đề nghị bổ sung cơ chế cụ thể bảo đảm nguồn lực cho cấp xã thực hiện các nhiệm vụ xây dựng, kiểm tra, rà soát, hợp nhất và đánh giá hiệu quả văn bản; xác định trách nhiệm của cấp tỉnh trong bảo đảm kinh phí, đào tạo, hướng dẫn nghiệp vụ, hỗ trợ nhân lực pháp	Điều 71 và Điều 72 quy định nguyên tắc chung về nhân lực, hạ tầng và kinh phí, áp dụng cho cả nhiệm vụ tại cấp xã. Cơ chế phân bổ và trách nhiệm hỗ trợ của cấp tỉnh thực hiện theo phân cấp ngân sách, tổ chức bộ máy và quy

			lý, xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm dùng chung.	định chi tiết; không ấn định một mô hình hỗ trợ bắt buộc trong Luật.
Hiệu lực thi hành (Điều 71)	Học viện Tư pháp		Đề nghị rà soát dẫn chiếu tại khoản 2 Điều 71; cụ thể, chỉnh “tại khoản 2 Điều 10” thành “tại khoản 9, khoản 10 Điều 11”.	Tiếp thu Dẫn chiếu nêu trong ý kiến không còn trong nội dung tương ứng của dự thảo Luật. Tuy nhiên, điều về hiệu lực thi hành hiện vẫn trùng số Điều 73 với điều về chuyển đổi số và còn hai phương án, nên cần tiếp tục rà soát toàn bộ số điều, khoản và dẫn chiếu sau khi lựa chọn phương án.
	STP tỉnh Hưng Yên		Khoản 2 cho phép Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ tiếp tục ban hành nghị quyết là văn bản quy phạm pháp luật từ ngày 01/3/2027 đến hết ngày 31/12/2027, trong khi Điều 4 đã loại các hình thức này khỏi hệ thống. Đề nghị làm rõ bản chất pháp lý của các nghị quyết được ban hành trong giai đoạn chuyển tiếp để tránh thiếu thống nhất.	Dự thảo dự thảo Luật còn hai phương án. Theo Phương án 2, các nghị quyết được ban hành trong giai đoạn chuyển tiếp vẫn là văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện theo Luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi bởi Luật số 87/2025/QH15; nếu chọn Phương án 1 thì không tiếp tục đề xuất mới các hình thức này từ ngày 01/01/2027.
	STP TP Hà Nội		Đề nghị cân nhắc quy định các pháp lệnh do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành hết hiệu lực kể từ ngày Luật có hiệu lực, bảo đảm thống nhất với Điều 9 về sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.	Không bãi bỏ đương nhiên mọi pháp lệnh khi Luật mới có hiệu lực. Phương án 2 chỉ đề xuất chấm dứt hiệu lực các pháp lệnh về hợp nhất, pháp điển do nội dung đã được quy định trực tiếp trong Luật; pháp lệnh khác tiếp tục có hiệu lực cho đến khi được xử lý đúng thẩm quyền. Nội dung này phụ thuộc phương án hiệu lực được lựa chọn.
	Trách nhiệm trong xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành	Thường trực Hội đồng Dân tộc	Đề nghị bổ sung từ “lãng phí” vào điểm b khoản 10 và khoản 11, bên cạnh tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ.	Tiếp thu Nội dung góp ý phù hợp nguyên tắc tại khoản 4 Điều 5; tuy nhiên, dự thảo Luật chưa bổ sung từ “lãng phí” tại

VBQPPL (Điều 68)			điểm b khoản 10 và khoản 11 Điều 70, cần tiếp tục chỉnh lý để bảo đảm thống nhất.	
	Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính	Đề nghị quy định nguyên tắc cơ quan trình, cơ quan chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm về nội dung dự thảo xuyên suốt quá trình xây dựng, trình, tiếp thu, chỉnh lý đến khi văn bản được thông qua.	Tiếp thu Khoản 3, khoản 4 Điều 70 xác định cơ quan trình, cơ quan chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và việc tiếp thu, giải trình xuyên suốt đến khi văn bản được thông qua.	
	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đề nghị bổ sung cơ chế, tiêu chí xác định trách nhiệm, phân biệt lỗi cố ý với bất cập do quy định cấp trên chưa rõ, nhất là nội dung kỹ thuật chuyên ngành, tránh tâm lý e ngại, chậm trễ trong tham mưu.	Tiếp thu Về nguyên tắc xác định trách nhiệm; khoản 11 Điều 70 cho phép xem xét loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm theo tính chất, mức độ, lỗi và quy định của Đảng, pháp luật, tránh quy trách nhiệm máy móc đối với bất cập khách quan.	
	Bộ Công Thương	Đề nghị gộp các điều có nội dung giao thoa theo một chu trình thống nhất: thu thập thông tin, theo dõi; đánh giá; xử lý; sử dụng kết quả để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật.	Tiếp thu Chương VIII đã thiết kế chu trình từ tiếp nhận phản ánh, theo dõi, kiểm tra, rà soát, đánh giá đến phản ứng chính sách và sử dụng kết quả để điều chỉnh thi hành hoặc hoàn thiện pháp luật.	
	Bộ Công Thương	Đề nghị rà soát cách tiếp cận và sự cần thiết quy định độc lập vì các biện pháp phản ứng chính sách cơ bản thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước hiện hành.	Phản ứng chính sách là khâu chuyển kết quả theo dõi, đánh giá thành biện pháp xử lý, cần quy định để xác định trách nhiệm và tránh kết quả đánh giá không được sử dụng; biện pháp cụ thể vẫn thực hiện theo thẩm quyền quản lý hiện hành.	
	Cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác xây dựng, ban hành	Bộ Công Thương	Đề nghị quy định rõ nội hàm, phương thức thực hiện cơ chế phân bổ nguồn lực đặc thù và bảo đảm kinh phí kịp thời; có giải pháp cụ thể về nhân lực, kinh phí, hạ tầng, công cụ và	Tiếp thu Điều 71 quy định cơ chế thu hút, đào tạo người làm công tác xây dựng pháp luật; Điều 72 quy định cơ chế đặc thù

	và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật (Điều 70)		chế độ, chính sách đối với người làm công tác pháp luật, gắn yêu cầu ứng dụng công nghệ với điều kiện thực hiện.	về kinh phí, ưu tiên hạ tầng, công nghệ và nguồn lực tổ chức thi hành. Cơ chế, mức và phương thức cụ thể được quy định theo thẩm quyền để <u>phù hợp</u> <u>khả năng</u> <u>ngân sách</u> .
		Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị công khai nguồn, giá trị, mục đích hỗ trợ; cấm gán tài trợ với yêu cầu tác động nội dung chính sách; kiểm soát, kê khai xung đột lợi ích và hạn chế hỗ trợ trực tiếp từ chủ thể có lợi ích đáng kể, trừ cơ chế tài trợ độc lập, công khai, minh bạch.	Tiếp thu Nguồn hỗ trợ phải được công khai về chủ thể, giá trị, mục đích, không gán điều kiện can thiệp nội dung và phải kiểm soát xung đột lợi ích; cơ chế quản lý chi tiết sẽ bảo đảm tính độc lập của hoạt động xây dựng pháp luật.
	Trách nhiệm xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền của Đảng (Điều 67)	Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng	Đề nghị quy định cụ thể trường hợp, phạm vi, nội dung và cơ chế xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền của Đảng; làm rõ loại văn bản phải xin ý kiến, việc có phải xin lại khi đã có chủ trương, định hướng và không phát sinh vấn đề mới; thủ tục xin ý kiến không làm phát sinh thêm thành phần hồ sơ, trình tự ngoài yêu cầu theo quy định của Đảng.	Trường hợp, cấp và nội dung xin ý kiến thực hiện theo quy định của Đảng, được xác định qua khái niệm “cấp có thẩm quyền” tại Điều 3; Luật không đặt thêm hồ sơ, thủ tục và không yêu cầu xin lại nếu quy định của Đảng không yêu cầu.
		Bộ Công Thương	Đề nghị xác định rõ cấp ủy có thẩm quyền cho ý kiến đối với từng nội dung, giai đoạn, trường hợp	Cấp ủy có thẩm quyền được xác định theo phân cấp quản lý và quy định của Đảng đối với từng nội dung, giai đoạn; quy định cứng trong Luật có thể không phù hợp khi quy định của Đảng được điều chỉnh.
		Bộ Tài chính	Đề nghị quy định cụ thể hơn và giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ, thủ tục, thời điểm lấy ý kiến để có cơ sở áp dụng.	Chính phủ không quy định hồ sơ, thủ tục xin ý kiến cơ quan của Đảng; Điều 69 chỉ xác định trách nhiệm tuân thủ, còn trình tự, thời điểm thực hiện theo quy định của Đảng và không làm phát sinh thành phần hồ sơ pháp lý mới.
	Hiệu lực thi hành (khoản 2 Điều 71)	Cục Quản lý Thi hành án dân sự	Đề nghị quy định theo hướng các khoản tương ứng của Luật Ban hành VBQPPL số 64/2025/QH15, được sửa đổi bởi Luật số	Tiếp thu Phương án 2 của điều về hiệu lực tiếp tục áp dụng các quy định tương ứng

			87/2025/QH15, tiếp tục có hiệu lực đến hết 31/12/2027, trừ trường hợp cùng vấn đề pháp lý mà hình thức nghị quyết đã được thay thế bằng hình thức VBQPPL khác theo Luật mới.	của Luật số 64/2025/QH15 đến hết ngày 31/12/2027. Ngoại lệ đối với trường hợp cùng vấn đề đã được chuyển sang hình thức mới chưa được thể hiện rõ trong DỰ THẢO LUẬT, cần tiếp tục rà soát để tránh song song hai hình thức.
Điều khoản chuyển tiếp (Điều 72)	Cục Quản lý Thi hành án dân sự		Đề nghị bổ sung trường hợp các VBQPPL được liệt kê hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã quy định trong chính văn bản.	Trường hợp văn bản hết thời hạn ghi trong chính văn bản đã được điều chỉnh chung tại điểm a khoản 1 Điều 55 và đương nhiên áp dụng đối với văn bản chuyển tiếp, nên không cần lập lại tại Điều 74.
	Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Trị		Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định về thời hạn rà soát và xử lý đối với các văn bản được tiếp tục áp dụng theo khoản này. Lý do: Việc quy định các văn bản tiếp tục có hiệu lực cho đến khi có văn bản bãi bỏ hoặc thay thế mà không xác định thời hạn cụ thể có thể dẫn đến tình trạng kéo dài hiệu lực của các văn bản chuyển tiếp, gây khó khăn trong việc xác định phạm vi áp dụng và ảnh hưởng đến tính minh bạch, thống nhất của hệ thống pháp luật. Do đó, đề nghị quy định thời hạn nhất định để cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện rà soát, sửa đổi, thay thế hoặc bãi bỏ các văn bản này, bảo đảm việc chuyển tiếp được thực hiện dứt điểm.	Số lượng, tính chất và thời hạn của văn bản chuyển tiếp rất khác nhau nên không ấn định một thời hạn xử lý chung; cơ quan có trách nhiệm rà soát thường xuyên, công khai tình trạng hiệu lực và xử lý theo kế hoạch, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
	Bộ Xây dựng		Đề nghị làm rõ trong thời gian chuyển tiếp, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ có được sửa đổi, bổ sung bằng cùng hình thức khi chưa đủ điều kiện thay thế; quy định đầy đủ chuyển tiếp đối với hồ sơ dự án luật đang thực hiện, nhất là dự kiến trình tháng 5/2027.	Tiếp thu Phương án 2 của điều về hiệu lực duy trì hình thức nghị quyết trong thời gian chuyển tiếp đối với nội dung được liệt kê. Điều 74 của DỰ THẢO LUẬT chưa quy định chuyển tiếp đối với việc sửa đổi văn bản chuyển tiếp

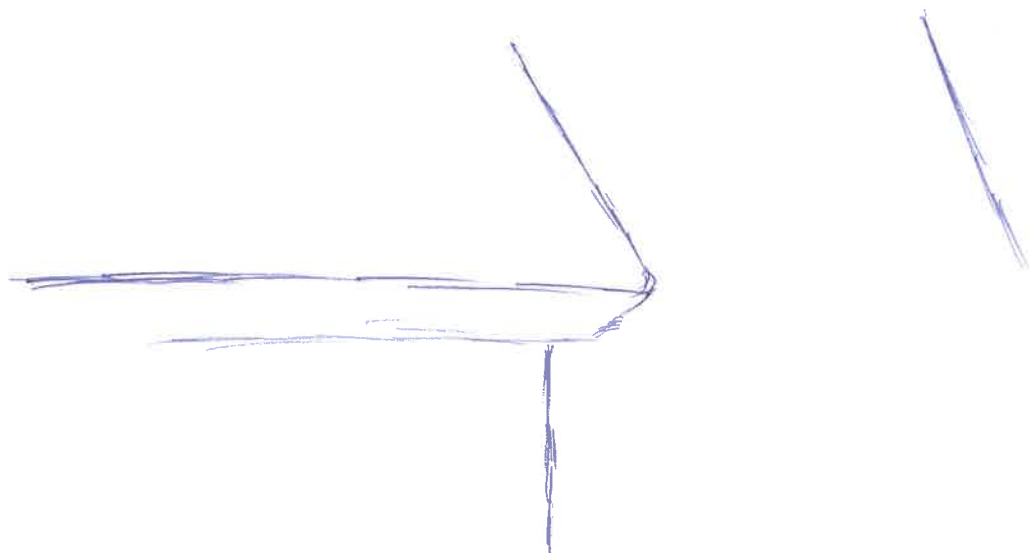
				và hồ sơ dự án, dự thảo đang thực hiện, cần tiếp tục bổ sung.
	Bộ Công an, Bộ Ngoại giao	Đề nghị rà soát toàn bộ dự thảo để quy định chuyển tiếp đầy đủ, rõ ràng, xử lý khoảng trống pháp lý, trong đó có trường hợp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đã được thẩm định hoặc đã trình cơ quan có thẩm quyền trước ngày Luật có hiệu lực.	Tiếp thu Nội dung chuyển tiếp đối với dự án, dự thảo đã thẩm định hoặc đã trình trước ngày Luật có hiệu lực chưa được thể hiện tại Điều 74 của dự thảo Luật; cần bổ sung nguyên tắc kế thừa các bước, tài liệu đã hoàn thành để tránh khoảng trống và không phải làm lại hồ sơ.	
	Bộ Ngoại giao	Đề nghị bổ sung chuyển tiếp đối với dự án luật, pháp lệnh đã được thông qua chính sách nhưng chưa hoàn thành soạn thảo và Chương trình lập pháp năm 2027 đã được quyết định theo pháp luật hiện hành.	Tiếp thu Điều 74 của dự thảo Luật chưa quy định chuyển tiếp đối với dự án đã thông qua chính sách, đang soạn thảo và Chương trình lập pháp năm 2027; cần bổ sung để kế thừa quyết định, hồ sơ và kết quả đã thực hiện.	
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đề nghị bổ sung chuyển tiếp đối với dự án, dự thảo đã triển khai theo Luật Ban hành VBQPPL năm 2025 nhưng chưa được thẩm định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền khi Luật mới có hiệu lực; xác định rõ tiếp tục quy trình hiện hành hay chuyển sang Luật mới, tránh thực hiện lại thủ tục đã hoàn thành.	Tiếp thu Điều 74 của dự thảo Luật chưa xác định quy trình áp dụng đối với dự án, dự thảo đã triển khai nhưng chưa thẩm định hoặc chưa trình khi Luật có hiệu lực; cần bổ sung nguyên tắc chuyển tiếp và kế thừa thủ tục đã hoàn thành.	
	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị rà soát kỹ quy định chuyển tiếp, nhất là đối với văn bản đã ban hành theo Luật năm 2025 và văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế khi sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp; xác định rõ cơ quan chịu trách nhiệm rà soát, thời hạn xử lý, nguyên tắc tiếp tục áp dụng và thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ để tránh khoảng trống pháp lý.	Điều 74 quy định việc tiếp tục áp dụng các hình thức văn bản hiện hành; Điều 52 và Điều 63 xác định hiệu lực, chủ thể rà soát khi thay đổi địa giới hoặc sắp xếp tổ chức bộ máy. Không ấn định một thời hạn xử lý chung vì số lượng, phạm vi và tình trạng pháp lý của từng nhóm văn bản	

				khác nhau; việc rà soát, xử lý được thực hiện theo thẩm quyền và yêu cầu thực tế.
	Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ	Đề nghị bổ sung cơ sở pháp lý để HĐND, UBND cấp xã thực hiện nhiệm vụ quy định chi tiết được giao tại nghị quyết của Quốc hội còn hiệu lực trong thời kỳ chuyển tiếp.		Tiếp thu Khoản 1 Điều 74 quy định nghị quyết của Quốc hội ban hành trước ngày 01/3/2027 tiếp tục có hiệu lực cho đến khi được bãi bỏ hoặc thay thế; vì vậy, nội dung nghị quyết giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã quy định chi tiết tiếp tục là căn cứ pháp lý trong thời kỳ chuyển tiếp.
	Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị trong 12 tháng từ ngày Luật có hiệu lực, cơ quan có thẩm quyền hoàn thành rà soát, công bố danh mục văn bản chuyển tiếp, xác định văn bản tiếp tục áp dụng, sửa đổi, thay thế hoặc bãi bỏ và cập nhật tình trạng pháp lý trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.		Không quy định thời hạn chung 12 tháng vì số lượng, tính chất và thời hạn của từng nhóm văn bản khác nhau. Việc rà soát và xử lý được thực hiện theo Điều 63; tình trạng hiệu lực phải được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo Điều 73 và kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền.
	Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đề nghị không quy định khoản 2 để thống nhất thời điểm thi hành; bổ sung chuyển tiếp cho dự án luật, pháp lệnh đã triển khai trước ngày Luật có hiệu lực, cho phép tiếp tục trình tự, thủ tục đã áp dụng và kế thừa hồ sơ, tài liệu, kết quả đã thực hiện.		Tiếp thu Khoản 2 Điều 74 cần được giữ để bảo đảm liên tục hiệu lực của nghị quyết liên tịch, quyết định của Chủ tịch nước và Tổng Kiểm toán nhà nước. dự thảo Luật chưa quy định chuyển tiếp đối với dự án luật, pháp lệnh đang thực hiện; cần bổ sung nguyên tắc kế thừa hồ sơ, tài liệu và kết quả đã hoàn thành.
	Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính	Đề nghị quy định rõ nghị quyết tổng hợp, nghị quyết thí điểm và nghị quyết về cơ chế, chính sách đặc thù kinh tế - tài chính được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn; xác định hình thức văn bản khi sửa đổi, bổ sung hoặc		Tiếp thu Khoản 1 Điều 74 cho phép nghị quyết chuyển tiếp tiếp tục có hiệu lực; trường hợp hết thời hạn thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 55, còn việc sửa

			gia hạn sau mốc chuyển tiếp, tránh khoảng trống pháp lý.	đổi, gia hạn sau chuyển tiếp phải sử dụng hình thức mới phù hợp nội dung, thẩm quyền.
	Chương về tổ chức thi hành pháp luật	Bộ Tài chính	Đề nghị không quy định quá cụ thể các nội dung kỹ thuật đang được quy định tại nghị định; rà soát bỏ các Điều 59, 61, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 77, 81 để Luật chỉ quy định khung, vấn đề ổn định và đúng thẩm quyền Quốc hội.	Chương về tổ chức thi hành thể chế hóa chính sách đã được Chính phủ thông qua và Kết luận số 09-KL/TW về gắn xây dựng với thi hành; Luật quy định nguyên tắc, thẩm quyền, trách nhiệm cốt lõi, còn kỹ thuật, quy trình chi tiết giao Chính phủ.
	Ý kiến khác	Học viện Tư pháp	Đề nghị tiếp tục nghiên cứu, bổ sung các quy định về tổ chức thi hành pháp luật để bảo đảm thực hiện đầy đủ Chính sách 4 đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 227/NQ-CP ngày 13/8/2026.	Tiếp thu Chương VIII đã bổ sung tương đối toàn diện nội dung, trách nhiệm tổ chức thi hành, giải thích, hướng dẫn, phản ánh, kiểm tra, rà soát, hợp nhất, pháp điển, đánh giá và phản ứng chính sách, thể chế hóa Chính sách 4.
		Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính	Đề nghị xác định rõ tính chất pháp lý của các nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công, tài chính, ngân sách và quyết toán. Trường hợp bỏ hình thức nghị quyết quy phạm, cần quy định rõ nội dung thuộc hình thức luật tại Điều 11 và trình tự ban hành theo pháp luật có liên quan; đồng thời xác định các nghị quyết cá biệt không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật và nghiên cứu đưa các nguyên tắc ngân sách ổn định, lặp lại hằng năm vào Luật Ngân sách nhà nước.	Nghị quyết về kế hoạch, dự toán, quyết toán không chứa quy tắc xử sự chung là văn bản cá biệt và không thuộc phạm vi Luật; nội dung có tính quy phạm phải được luật hóa hoặc ban hành bằng hình thức phù hợp. Văn bản hiện hành được xử lý theo quy định về hiệu lực và Điều 74; số điều hiệu lực cần được chỉnh lý sau khi khắc phục việc trùng số Điều 73.
	Kỹ thuật trình bày	Học viện Tư pháp	Đề nghị rà soát, thống nhất việc sử dụng dấu chấm, dấu chấm phẩy sau các điểm, khoản tại một số điều, như Điều 47, khoản 4 Điều 49 và Điều 57.	Tiếp thu Toàn bộ dấu câu sau điểm, khoản và cách trình bày liệt kê được rà soát, chỉnh lý thống nhất theo quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật.

		Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai	Đề nghị trình bày tên “Luật Về văn bản quy phạm pháp luật” theo quy tắc viết hoa trong văn bản quy phạm pháp luật tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Tiếp thu Tên Luật được trình bày, viết hoa thống nhất theo quy tắc tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.
		Tạp chí Dân chủ và Pháp luật	Đề nghị rà soát, chỉnh lý câu từ và bố cục toàn bộ dự thảo để bảo đảm văn phong chuẩn xác, tránh lặp từ, khẩu ngữ và thống nhất kỹ thuật lập pháp.	Tiếp thu Toàn bộ dự thảo tiếp tục được rà soát câu từ, bố cục, thuật ngữ và kỹ thuật lập pháp, loại bỏ lặp từ, khẩu ngữ và lỗi dẫn chiếu.
		Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Tháp	Đề nghị rà soát Chương IV, bảo đảm số thứ tự các mục liên tục, thống nhất trong toàn bộ dự thảo Luật.	Tiếp thu Dự thảo Luật vẫn còn lỗi kỹ thuật: thiếu số Điều 68, trùng số Điều 73 và một số dẫn chiếu chưa đồng bộ; cần tiếp tục đánh số, rà soát toàn bộ dẫn chiếu và thứ tự các mục trước khi hoàn thiện hồ sơ.
		Bộ Ngoại giao	Đề nghị thống nhất cách diễn đạt ngoại lệ liên quan đến điều ước quốc tế giữa khoản 5 Điều 10 và các điều liên quan; rà soát cụm từ “cơ quan thuộc Chính phủ” tại khoản 3 Điều 14 và tiếp tục khắc phục lỗi kỹ thuật của dự thảo.	Tiếp thu Ngoại lệ điều ước quốc tế, tên cơ quan và các dẫn chiếu được rà soát thống nhất trong toàn bộ dự thảo, đồng thời khắc phục lỗi kỹ thuật.
ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỔNG KẾT				
		Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu	Đề nghị phân tích, luận giải rõ căn cứ lựa chọn các hình thức văn bản quy phạm pháp luật được giữ lại và các hình thức lược bỏ đối với toàn bộ hệ thống. Báo cáo tổng kết hiện chủ yếu nêu lợi ích chung của việc giảm loại hình văn bản nhưng chưa làm rõ tiêu chí lựa chọn. Cần đánh giá trên các tiêu chí: cơ sở hiến định, pháp lý; vị trí, chức năng, thẩm quyền của chủ thể; tính chất nội dung; mức độ phù hợp giữa tên gọi và giá trị pháp lý; tần suất, hiệu quả sử dụng; khả năng phản ứng chính sách; tính ổn định, dễ nhận diện; tác	Tiếp thu Báo cáo tổng kết được bổ sung tiêu chí lựa chọn hình thức văn bản theo cơ sở hiến định, vị trí chủ thể, tính chất nội dung, hiệu quả sử dụng, khả năng phản ứng chính sách và chi phí chuyển đổi, làm rõ căn cứ giữ hoặc lược bỏ từng hình thức.

			động và chi phí chuyển đổi đối với hệ thống pháp luật hiện hành.	
BẢN SO SÁNH				
		Bộ Nội vụ	Đề nghị bổ sung cột thuyết minh về các nội dung được sửa đổi, bổ sung trong Bảng so sánh dự thảo Luật với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, để thuận lợi theo dõi, đối chiếu.	Bản so sánh đang được xây dựng theo mẫu quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP



hoàng phương ly . 18/02/27 . luật kinh tế

